

Thư viện tỉnh Bình Dương

HC. 4125

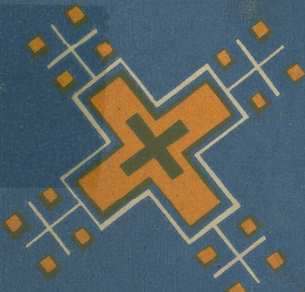


TÔ HOÀI

TRUYỆN

TÂY

BẮC



VĂN HỌC



TRUYỆN TÂY BẮC

TÔ HOÀI

TRUYỆN
TÂY BẮC

In lần thứ bảy

Giải nhất tiểu thuyết
Giải thưởng hội Văn nghệ Việt-nam
1954 — 1955

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Hà-nội — 1971

TRUYỆN TÂY BẮC

gồm có

CỨU ĐẤT CỨU MỪNG

MỪNG GIÒN

VỢ CHỒNG A PHỦ

CỨU ĐẤT CỨU MƯỜNG

*Phải năm đất nước loạn lạc, núi lở sông cạn
Cuối đồng ruộng ta rậm cỏ, giặc Tây ác đòng
Ngọn suối ruộng ta cạn nước, giặc Thổ ác* đòng
Người trong ruộng ta phải đem nhau đi ăn rừng ở nương
Đã bao nhiêu tháng
Còn đến bao nhiêu năm*

(Bài hát tiếng dân tộc Mường
ở châu Phù yên)

Con chim kỳ xanh biếc, chân đỏ.

Ít ai đã trông thấy chim kỳ, chỉ nghe tiếng nó thánh thót cao thấp như tiếng kèn gọi phượng săn. Nghe tiếng, người ta bảo điềm lành.

Một buổi sớm nghe tiếng chim kỳ cuốn dài theo gió từ khe Mông Mang đưa ra. Ai cũng như thấy mùa đông đương trở lại, có những điều tốt lành lại theo. Đây là mùa gặt hái sắp tới.

Mùa gặt hái lại đã đến trên khu du kích.

Nhưng hai bên sườn núi trong các lũng** vẫn chỉ sừng sững một màu đá xám ngắt, không thấy đâu một

* Ý nói bọn lang đạo và linh nguy.

** Những khe núi sâu và kín, có khi ở trên núi rất cao, người Mường châu Phù yên gọi là lũng.

chút vàng lúa chín. Vẫn chỉ nghe tiếng chim kỳ lân quất kêu trong gió và trong sương mù.

Nhưng thật ra lúc này ở rừng sâu đâu đâu cũng đương tấp nập công việc. Các tổ tăng gia cứ tối tối lại họp đề tính đôi công gạt. Du kích thì xuống gác tận dưới chân núi. Các vọng mõ báo động cũng được đặt lại. Theo kế hoạch bảo vệ mùa, người ta lại chuẩn bị lại các bẫy đá, các dốc, các khe lại đặt chông thuốc độc mới.

Trong khi đó thì ở bên phía đồn Tây dưới Mường Cơi cũng nhộn nhịp bắt đầu những « công việc ngày mùa » của chúng: ngày ngày chúng sửa soạn, rục rịch lên núi cướp phá mùa để triệt lương ăn của khu du kích.

Mùa năm nào cũng vậy.

Những nương lúa âm thầm cứ dần dần vàng hoe rồi đỏ ngọt trong khe sâu. Các tổ đôi công lần lượt, mãi miết gạt. Quân giặc như mưa lũ, biết được nó ào lên lúc nào! Người ta bảo: « Việc ta ta cứ làm, còn mày muốn càn lúc nào là việc của mày. Đợi mà chạy mày thì chỉ thêm sốt ruột ». Cho nên, công việc ngày mùa trên các lưng tuy rằng vội vã, nhưng vẫn tuần tự như thường.

Giữa lúc ấy, nghe tin có một đoàn dân công đương tải muối và lưỡi dao, cuốc, từ phía sông Thao vào qua. Nửa tháng treo núi, đến đây, đoàn dân công dừng lại. Một số trở ra đề nhật hàng và đánh dấu lại mấy nơi đã chôn cất các đồng chí. Những ngày lặn lội vừa qua, họ không thể cố gắng vượt nổi, đã bỏ mình trên lưng chừng núi. Đoàn dân công dừng lại ở đây cũng để lấy thêm người của khu du kích đi vác tiếp vai cho đoàn

vận tải. Còn đi vào nữa. Muối và nông cụ, và võ khí vẫn không ngừng lại, vẫn đi vào nữa. Dù rằng các lũng du kích ở trong núi này đã mấy năm không biết mặt hạt muối, không ngửi một hơi khói thuốc Lào, không thấy đâu một vuông vải mới nhưng đoàn dân công vận tải vẫn đi vào nữa, bởi vì các khu du kích xa trong kia còn gian khổ nhiều hơn nữa.

Nhưng ai cũng lặng lẽ, hồi hộp, mong đợi, mong đợi một cái gì khác. Có cán bộ đi sẽ có cán bộ ở, cán bộ, bộ đội, dân công càng đi sâu vào, càng như trông thấy đất nước nơi nào cũng đều đứng lên đánh Tây.

Hôm đoàn dân công lại đi, có đồng người các lũng đã bỏ cả gặt, cứ đứng trên mỏm núi nhìn ra cánh rừng đương thoai thoải xuống sông Đà. Chẳng biết có ai thật trông thấy đoàn người đi không, nhưng rồi lũng nọ đồn lũng kia: đồng lắm... mỗi người một vác trên vai... Tôi trông thấy đồng chí Sơn đi... đồng chí Sơn đi với mấy người đi đầu...

Người các lũng nào nức thăm hỏi đoàn dân công đi, không phải chỉ vì có dân công, bộ đội đi qua mà còn vì trong đoàn đi ấy có đồng chí Sơn là một người đội viên đội võ trang sau cùng đã ở lại khu du kích ngót hai năm. Hôm nay đồng chí ấy cũng lên đường vượt sông Đà sang Mường La, tiến sâu hơn nữa, để bắt mối với đội võ trang của mình đã rải rác đi trước vào vùng tạm chiếm Tây Bắc từ hai năm nay.

Đồng chí du kích Nhấn hôm ấy bắt được một con phượng hoàng đất. Nhấn nướng vội một nửa đem xuống làm lương khô biểu đồng chí Sơn đem đi ăn đường. Rồi Nhấn cứ lẻo đẻo theo Sơn, đưa Sơn xuống khỏi lũng, mặc dầu những đêm qua, đêm kia, Nhấn và

đồng chí Sơn đã trò-chuyện dạn dò nhau suốt sáng không chớp mắt.

Nhấn đứng lại, ngần ngừ nhìn Sơn, rồi Nhấn nói:

— Anh Sơn ơi! Tôi nói với anh Sơn chuyện này: tôi không phải là người Mán, anh Sơn biết chưa?

Sơn biết chuyện ấy đã lâu, từ khi mới đến lũng. Nhấn thường hay nói, nhưng lần nào Nhấn nói lại cũng như nói một chuyện mới lạ. Tuy nhiên, Sơn đã hiểu rằng khi nào Nhấn muốn nói lại như vậy là trong lòng Nhấn đang có một điều ngẫm nghĩ vừa như buồn bã, vừa như tin yêu. Cho nên Sơn im lặng, Sơn đợi Nhấn nói. Phải, Nhấn không phải người Dao. Dù cái áo chàm tay rộng rách lượp tướp kia, dù mái tóc kín gáy lại xõa xuống khuôn mặt xạm như mặt người ngồi khói cả mùa đông vừa bước ra cửa rừng kia, ai chỉ mới thoát trông tầm vóc người nhỏ lẳn và con mắt sắc, vành cằm nở, cũng biết được Nhấn không phải người Dao.

Nhấn nói:

— Năm xưa, hôm mẹ tôi bán tôi lên Mán, tôi vừa đi vừa khóc, tôi bảo: mẹ để cho ta khổ một mình thế này, bao giờ ta biết cầm dao thì ta đi giết chết mẹ. Nhưng đến khi tôi nhớn, bố nuôi đem tôi xuống cho gặp lại mẹ, thấy mẹ chỉ khóc thì tôi cũng khóc, không còn nhớ đến con dao nữa. Mới biết mẹ con tôi ai cũng cùng khổ cả, không biết làm thế nào cho hết được!

Nói đến đây Nhấn lại khóc:

— Năm ngoái, tôi trốn xuống Mường Cơi tìm không thấy mẹ đâu. Chết đói hay Tây giết, châu đoàn giết mất rồi. Anh Sơn à, mùa này xong tôi lại xuống tìm mẹ tôi nữa.

— Lần này tìm thấy thì Nhấn nên đón mẹ lên ở trên nương này.

— Phải rồi! Phải rồi!

Nhấn háp tấp nói, như chợt nghĩ ra. Ánh mắt vui hẳn lên, nhìn Sơn.

Chỉ một lát sau, anh Sơn đã đi khuất. Nhấn đứng lại, Nhấn lại buồn. Bỗng dưng Nhấn nhớ đến mẹ và đời mình.

Mẹ Nhấn, ngày trước, người làng gọi là cô Ảng. Cô Ảng xưa đã một thời đẹp nức tiếng đất Mường Còi. Lệ làng đây bắt người ta mỗi năm phải đi làm cuông*, bắt cả cuông đàn bà. Chao ôi, những như con gái đẹp nhà quan thì càng làm đẹp cửa đẹp nhà nhà quan hơn, con cái nhà dân trắng mà đẹp thì chỉ sinh lo, sinh bệnh cho cha mẹ. Bố Ảng đã già yếu mà năm nào cũng phải chăm đi ở cuông thay con gái, vì cụ không muốn nhà quan nhìn được mặt con gái. Mẹ của Ảng thì bắt con mặc váy vá, đừng quần thắt lưng thêu, đừng mang khăn bịt đầu trắng. Cho đừng ai biết đã nhón rồi, đừng ai để một đuôi mắt nào tới nó.

Nhưng rồi một năm, bố không còn sức đi ở thay con được, Ảng đã phải đi làm cuông cho tri châu Né. Ngày ngày Ảng tìm cách lấy việc đi làm đồng xa để tránh làm trong nhà. Lúc phải về nhà châu Né, Ảng tìm chỗ ngồi trốn giữa mấy chục người dân ngồi xôm hầu quan. Mẹ đã dặn: đừng để ai nhìn thấy mặt mày!

* Trong chế độ thổ ty, lang đạo ở Tây Bắc trước, các nhà chèo nương (tri châu), phía (lý trưởng) bắt từng xã, từng thôn hàng năm, hàng mùa, phải đi hầu hạ, làm không công cho nhà quan, gọi là làm cuông.

Thế rồi tri châu Né cũng nhìn thấy mặt Ảng. Bởi nhà quan đã quen tìm nàng hầu trong đám người dân tới ở cuông rồi. Ảng ra đi ở hầu quan từ đấy. Bố mẹ không còn biết đâu có cửa nào to hơn, cao hơn mà kêu oan cho con gái được. Người con gái mười bảy đành đem thân đi nâng giắc ông lão sáu mươi. Tối ngày Ảng ngồi một xô nhà, rót nước, nướng thịt, bưng xôi, đun nước tắm. Con mắt mờ mịt không còn lúc nào ngược trông ra cho thấy được mùa nào có con chim nào đã về qua dưới cửa sổ.

Ngót mười năm đày đọa Ảng, rồi tri châu Né chết. Cô Ảng được trở về làng. Người gái trong mừng đi lấy chồng xa trở về làng, như người ta mong ước : chồng thì tay dắt trâu, vai gánh gà vịt ; vợ thì quấy ninh, quấy nôi, lưng địu con nhỏ. Nhưng cô Ảng ở nhà quan trở về làng chỉ đeo một túi quần áo và đi một mình. Bố mẹ không còn nữa. Bố mẹ buồn khổ chết đã lâu rồi.

Cô Ảng ở nhà châu Né về, nhưng từ đấy lại thành ra người chuyên tay của các quan châu, quan lang, những ông chúa đất ở Mường Cơi, ở châu Mường Vạt, ở châu Mường La. Ảng không đi hầu riêng ai, mà Ảng phải đi hầu khắp mọi người quan. Mỗi lần có tri châu, châu đoàn về Mường Cơi, là đất lắm cảnh đẹp, đi săn, hoặc đi chơi hang đá, đi tắm suối nước nóng ngày Tết, các quan đều cho gọi cô Ảng theo hầu rượu, hầu thuốc phiện, hầu chầu đèm. Tan cuộc chơi lại cho cô Ảng về.

Bấy giờ tuy Ảng còn trẻ, còn đẹp, nhưng dân trắng trong làng thì không ai lấy. Người ta sợ quan, mà người ta cũng khinh hạng đàn bà ấy là người thừa, người không biết làm ăn gì. Ảng khiếp sợ cái đời sống ấy. Nhưng

Ang còn biết làm thế nào? Ở đâu cũng dất nước của quan lang, quan châu, biết đi đâu!

Cô Ảng sinh được hai con, cũng không biết bố nó đích là người quan nào. Không nhà quan lang nào ra mặt nhận con. Nhưng mỗi cuộc săn, mỗi chuyến đi tắm suối nước nóng, đi chơi hang núi đá ngày Tết, các quan vẫn bắt cô Ảng đi hầu. Cô Ảng lại phải đem gửi con rồi đi hầu cho quan chơi. Và tuy quan không nhận con, xong lệ làng thì vẫn giữ nghiêm, các quan làng phải ngã vạ tội người đàn bà chữa buồm. Lệ làng phạt mỗi trẻ con để hoang thì mẹ nó phải đem nộp làng mười hai đồng bạc hoa xòe. Nhưng đứa con cô Ảng là trứng của nhà quan, nhưng nhà quan không nhận thì nó cũng chỉ bằng trứng con quạ, con cú trong rừng, cho nên làng mới phạt vạ nó. Cô Ảng phải đem một con lên núi cho người Dao, đổi lấy mười hai đồng bạc trắng về nộp làng. Vẫn chưa hết khổ. Không có chồng, trong nhà lại không có đàn ông, thế thì phép quan châu cũng không chia cho đàn bà được phần ruộng để làm*. Mẹ đành phải ôm con la liếm đi vét cối giã gạo ngoài suối xin ăn.

Mười mấy năm đã qua. Rách quá, ốm quá, già quá, chẳng mấy lâu mà người Mường Cơi đều đã gọi cô Ảng là bà lão Ảng, bà lão Ảng ăn mày.

Khi còn bình yên, Nhấn đã lớn, mỗi năm một lần, Nhấn đem một con gà xuống Mường Cơi biểu mẹ. Hai mẹ con

* Tục lệ cũ nhiều nơi ở Tây Bắc: đàn bà và người tàn tật không được làng chia phần ruộng công. Vì bọn thổ ty, lang đạo bảo là đàn bà và người tàn tật không đi phu, đi lính (mặc dầu ở nhiều nơi họ cũng bắt cưỡng đàn bà), không có ích cho quan, nên không được phần ruộng.

thấy nhau chỉ khóc : « Con ơi ! Vì mẹ khổ mà hai con của mẹ, đứa thì hóa ra trâu, đứa thì hóa ra bò ».

Ba năm nọ, giặc Pháp trở lại chiếm Mường Cơi, lập lại quan châu, quan mường. Các làng ven rừng không chịu cúi đầu, đều bỏ lên ở bí mật trên núi. Nhấn không xuống thăm mẹ được. Bà Áng già cũng không biết đường nào lên núi. Có lần Nhấn xuống, phải khi dồn canh ngắt quá, không vào được làn. Nhưng nhiều người Thái, người Mường bỏ Mường Cơi chạy lên ở khu du kích, họ kể họ vẫn thấy bà lão Áng còn sống, bà ở một mình. Hỏi : em tôi đâu, người con gái bà ấy đâu ? Người ta chép miệng : « Đứa gái lớn ấy lại phải đi hầu ông triều bà nằng nhà châu đoàn Cầm Vàng rồi, lại đến bỏ đi thôi ! ».

Bỏ đi thôi ! Bỏ đi thôi ! Những tiếng ma rừng rợn, thì thào vang lại. Nhấn nắm vật xuống, lịm đi. Nhưng rồi dần dần Nhấn nghĩ : « Không, không thể bỏ đi thôi. Mẹ ta, em ta sẽ lên đây ở. Rồi ta đi bộ đội như anh Sơn. Giặc bỏ ta đi làm sao, ta phải bỏ nó đi mới được ».

Một hôm, Nhấn nói với bố :

— Bố à, tôi xuống Mường Cơi.

Ông Sinh đương mài dao, ngẩng mặt lên, trừng mắt hỏi. Nhấn bảo :

— Tôi đi đón mẹ đón em lên làm nương cho ta đây.

Ông lão « ừ » một tiếng. Rồi lại cúi đầu, mài miết đưa lưỡi dao trên hòn đá. Bao giờ Nhấn hỏi, Nhấn bàn gì với, ông Sinh cũng « ừ ». Ông quý Nhấn, ông chỉ có một mình Nhấn. Vả chăng, từ khi đồng chí Sơn đến

ở nhà ông, hai người có bàn việc, Sơn dạy chữ cho Nhấn, ông biết nó đã lớn khôn. Lại nữa, lúc này các lũng đương gặt, nhưng đã sắp đặt sẵn cả: người thì ở nương cũ canh thóc, người thì đi làm nương mới. Nhà ông có hai bố con, chưa biết ai ở, ai đi. Ủ, tìm mẹ con bà Ảng lên đây; có một việc dễ thế mà mấy năm nay đã nhiều người dưới làng bỏ Tây lên núi ở, sao ông chưa nghĩ ra?

Nhấn xuống Mường Cơi mười hôm, từ đầu mồng trăng. Cả vùng mấy làng ở Mường Cơi bây giờ về nằm trối tròn trong hai khu làng tập trung chen chúc dưới chân đôn, có chòi canh bốn phía, không phải ai vào cũng được. Nhấn ở ngoài ruộng đội, rồi một đêm, Nhấn trèo trộm được vào nương.

Nhấn tìm đến một cái lều cối nước ở bờ suối mà người ta đã bỏ hoang. Mẹ Nhấn ở đấy. Câu đầu tiên Nhấn hỏi mẹ:

— Em tôi đâu?

— Vào ở nhà quan Cầm Vàng rồi.

— Đã bao lâu?

— Hai năm nay.

— Nó có hay về với mẹ không?

— Từ khi đi chưa về.

Bà Ảng nói rồi khóc. Nhấn bảo:

— Rồi bộ đội ta sẽ về đón nó. Bây giờ mẹ đi với tôi.

Đêm ấy, Nhấn dắt mẹ đi. Cuối mồng trăng, Nhấn mới về tới đến lũng. Nhấn cũng mẹ từ chân núi lên đến khe Mông Mang. Nhấn còn nhớ mãi lúc bấy giờ đi giữa hai khe núi có nương lúa chín vàng len lỏi cạnh từng

hốc đá, bên tai lúc nào cũng nghe vi vút tiếng chim kỳ kêu bốn phía. Mẹ và con vừa đi vừa nói chuyện vui.

Ông Sênh ra tận đầu lũng đón hai mẹ con Nhấn.

— Bà Ảng hôm nay lên kháng chiến cứu nước với chúng tôi à?

Nước mắt bà Ảng ràn rụa:

— Tôi chỉ còn biết giữ nương như người sắp chết thôi.

Bấy giờ đương giữa mùa đông, các lũng bắt đầu rủ nhau đi phát nương mới.

Năm nào cũng vậy, mỗi năm phải đổi nương một lần. Người ta sợ ở đâu lâu, giặc càn lên sẽ tìm được hết tung tích. Cho nên năm nào cũng phát nương mới, năm nào cũng đi tìm kiếm lục lợi ra những khe sâu nữa, cao nữa, cao nữa. Vần quanh hết núi này lại chuyển sang phía núi khác. Trên các mỏm đá, người cứ leo xuống các vách núi dựng đứng, quanh năm vang động tiếng vượn hú. Người leo sau, đàn vượn chạy trước. Người chiếm mất chân vách đá của đàn vượn. Trong sương mù lại nghe tiếng vượn vừa chạy vừa hú và tiếng chim kỳ kêu, càng xa thăm thẳm, lẫn tiếng cây người ta ngã xuống, đương rào rào đổ. Dưới chân đá chia ra từng vạt rừng bí mật, những vạt rừng chạy nghiêng dài theo khe giữa hai lòng núi khép vào nhau, rồi áp lại, khiến cho người đứng núi khác không nhìn thấy đất mới vỡ bí mật ở núi này được.

Trong lũng chỉ còn một mình bà Ảng ở lại trông nương. Theo tục trong mừng, mỗi khi một nhà bỏ nương cũ thì để lại người già trông nương, trông kho đựng thóc và nuôi gà, bao giờ con cháu làm xong nương mới, có lúa ăn đầy đủ mới về đón cụ đi.

Những ngày đêm mưa tầm tã trên núi, tưởng không bao giờ dứt, cũng đã qua. Đám mây lốm đốm xám như đuôi con sóc nối nhau bay quần sát ngọn cây, lê thê đi mãi, bấy giờ cứ loáng thoáng nhạt dần, thỉnh thoảng dứt quãng, đã thấy lồ lộ đặng xa một bức vách đá trắng toát. Tiếng chim kỳ lạ thánh thót gọi mưa tạnh, trong từng khoảng trời dịu xanh quang, tạnh ráo.

Trên một cây xoan có bậc thang đóng vắt vào thân cây, bà Áng ở túp lều cạnh xoan ấy, — chiếc lều như một cái tổ chim. Lều gà cũng ở trên cành xoan với lều người. Quanh lều thông ra lộ xó những dây dợ bắt dài vào nương sắn. Nếu có gấu, có rím về đào sắn, bà giật dây. Bà Áng đuổi thú rừng cả ngày, cả đêm.

Cả những đêm giông bão, bà Áng vẫn thức. Mà sao bà Áng không thấy một điều gì quanh quẽ trong lòng. Bà Áng ngồi im trong chiếc lều đảo điên giữa cành cây trông ra những mô đá lúc đen xỉ, lúc bóng nhoáng, lơ nhô trên nương. Nhưng bụng bà vẫn yên tĩnh như lúc trời tạnh. Bà đương nghĩ: « Một đời tao không biết mặt cái ruộng, tao không biết đi làm nương. Bấy giờ già sắp chết mới được biết ngồi canh nương của mình thế này ». Nghĩ thế, trong lòng vừa buồn ngủi, vừa vui.

Trời đã tang tảng, bà kéo cái dây hạ chuồng gà trên cành xoan xuống. Cho đến lúc có ánh nắng, bà Áng mới thả đàn gà. Rồi bà dạo xem qua các dàn bi đồ, thấy quả nào đã già mặt, bà cắt đem đặt lên phơi nắng trên các tảng đá. Sau bà sang nương sắn để xem đêm qua có rím về đào sắn không. Đây là những công việc đều đặn mỗi sáng của người trông nương. Xong một lượt, bà Áng trở về góc xoan, lấy bốn cái bẫy chuột đem vào cài lên những bịch thóc trong lán ven

rừng. Bà đã buộc được bốn cái bẫy. « Một đời người phải khổ sở, sắp đến ngày chết mới được bẫy ăn thịt chuột làm hại thóc nhà mình ».

Bà Ảng ôm bó bẫy chuột, vừa đi vừa tính việc: « Ngâm mây xuống lạch nước cho dẻo mây rồi ta làm thêm ba bẫy nữa. Thằng Nhấn về thì tha hồ mang thịt chuột nướng đi ăn với du kích... Tết này xong ta bảo nó ra Ngọn Lao xin hột bông giống, năm nay ta sẽ phát lấy một nương bông ».

Bà Ảng bước lập cập xuống ven suối. Được vài bước, bà Ảng bỗng quay lại. Một mùi gì hăng hắc thoảng quanh. Bà nhớ ngay những hôm linh say rượu à à từ trên đôn xuống đuổi bắt đàn bà con gái dưới làng, mùi quần áo linh nó cũng hăng hắc. Mấy năm sống dưới chân đôn, bà Ảng đã thuộc cái mùi ghê rợn ấy. Bà Ảng vội ngẩng đầu thì, trời ơi! đã thấy trên đầu nương lỗ nhỏ những linh trắng vàng lôm lổp.

Một lũ chạy xuống suối lội xốc bà Ảng lên hỏi:

— Nhà bà già ở đâu?

— Nhà ta đây.

— Hôm nay Việt Minh đi đâu?

— Chỉ có người già ở trông nương, đã mấy năm nay ta cũng chưa nhìn thấy một người.

— Nó đi đâu cả?

— Tản cư ra Mường Lò rồi.

— Nói láo! Đây mới là nương, còn nhà chúng nó ở chỗ nào?

Lúc ấy người châu đoàn từ ngoài vào, cất tiếng hỏi:

— Nói cho thật, con mẹ già kia! nhà mày ở đâu?

Thóc lúa chúng mày để những đâu quanh cái nương này?

Bà Ắng nhìn lên người châu đoàn, rồi hốt nhiên im lặng. Bà nhận được ra người châu đoàn này, như bà đã nhận ra mùi quần áo linh lúc nãy.

Những cái thật quen, mới đây thôi, mà đã thật xa, thật xa lạ. Bây giờ thì bà nhớ rồi: Cầm Vàng, châu đoàn Cầm Vàng là người này. Thoáng một cái, một điều cay đắng lắm từ bao giờ bỗng trở lại, bà Ắng nhớ lại hơn mười năm ở hầu quan châu Né. Châu Né già ốm quá, không ngồi được, cả ngày nằm trên tấm đệm đặt giữa nhà sàn. Mỗi bữa ăn, cô Ắng lại đem giỏ xôi đến bón cho lão từng miếng. Ngồi cầm miếng xôi đút vào miệng lão, cô Ắng thường ngồi phía trong vách nhìn ra và bao giờ cũng trông thấy cái cằm bệnh của lão đưa đầy chệch chạo, mà cô Ắng thản nhiên như trông con trâu già nhai trầu.

Những năm ấy thì thằng Cầm Vàng này còn bé, thường đến đứng xem cô nàng hầu bón cơm cho bố nó. Ắng nhìn thằng bé, cô thấy cái cằm nó cũng bệnh ra như tạc cái cằm bố nó.

Thế mà nay đã ra là mười mấy năm, bây giờ con gái bà Ắng lại phải đem thân vào hầu con cái trong nhà châu Né, thằng Cầm Vàng lại gặp bà Ắng tận nơi rừng hoang núi cao này. Ai biết thế là như thế nào? Nên gào, nên chửi, nên khóc thật to hay là nên thề nào. Trong khi ấy bà Ắng dần dần trở lại thản nhiên. Sự giận dữ đã nén xuống, lặng lặng.

Châu đoàn Cầm Vàng quát, gặng lại:

-- Nhà mày ở đâu?

Bà Ắng lại nhìn người châu đoàn: Thật rõ là cái cằm bệnh của bố con nhà châu Né. Bà Ắng mới ngọt ngào nói:

— Nhà tao là nhà quan châu Né ở Mường Cơi, mà không biết à?

Châu đoàn Vàng giật mình, rời chau mặt, quắc mắt :

— Con già Mường này nói rõ à?

Bà Ảng lại nói :

— Mày là cai khố đồ Cầm Vàng con châu Né bây giờ làm quan châu đoàn chứ ai. Mày cướp được con gái tao thì mày quên tao rồi.

Châu đoàn Vàng cười nhạt :

— Con già Mường này rõ thật!

Rồi người châu đoàn vút ngọn roi lên.

Nhưng từ lúc nào, không đợi lệnh quan châu đoàn, bọn lính đã tràn cả ra nương đuổi bắt gà đương kêu queng quéc, bọn lính đã xô nhau nhổ sắn, dẫn chuỗi, lấy đu đủ, bí đỏ xách vào. Chúng hò hét nhau làm cơm, lung tung rối loạn như một cảnh cướp đường. Một toán lừng rúc từ trong rừng ra, vừa chạy vừa kêu : « Kho thóc, kho thóc Việt Minh, tao đốt rồi ». Sau lưng họ, tiếng nổ lộp bộp, khói bốc ngùn ngụt rừng nữa.

Bà Ảng vùng xông ra, xô giữa đám, quờ quạng hai tay lên, dường muốn cầu xé lũ lính. Chúng họ cứ vừa cười vừa chạy quanh, không đưa nào thêm chú ý đến bà già đương đuổi đánh chúng họ. Mãi sau mới có một người ngửa tay, xắn đến gạt bà Ảng ngã vật xuống, rồi kéo bà đến trời vào gốc xoan.

Bà giẫy giụa : « Thóc tao ! Thóc của tao ! Cầm Né ! Cầm Né ! Con mày đốt thóc của mẹ con tao ư ? ». Châu đoàn Vàng bước lại, giơ tay đánh bà Ảng hai báng súng. Mặt bà dâm vào gốc cây.

Bà Ảng chết dưới gốc xoan.

Lát sau, bữa cơm thịt gà, bí đỏ lấy ngay của nương chúng đã chén xong. Những đũa nhát sọ và lưỡi nhát cũng đã bị châu đoàn xua vào phá nốt bụi sần, ngã nốt cây chuối còn sống sót. Xung quanh đã tan hoang hết, cả bọn lại kéo sang tìm phá lương thực phía núi khác.

Trước khi đi, châu đoàn Cầm Vàng quay lại. Xác bà già Ấng gục bên cái chân thang ở gốc xoan. Cầm Vàng ngược mắt, nhìn xa về phía đầu núi, có ý suy nghĩ, nhưng có lẽ vẫn chỉ ngờ ngờ mà không nhận được ra đấy là ai.

Hôm ấy, phiên Nhấn canh lũng cho các nhà đi phát nương. Nhấn xách nỏ, đeo ống *tên me* (tên thuốc độc) lên lỏi vòng hai ngọn núi rồi Nhấn trèo lên trạm gác trên một cây cao nhìn xuống thung.

Dưới kia, nhìn rành thấy đồn Mường Cơi tròn như một đồng tiền thủng lỗ đặt giữa cánh đồng. Trông hiền lành thế mà nó đã sinh ra biết bao việc ác cho mọi người. Nhấn nghĩ: «Bộ đội cứ về quấy đồn Mường Cơi ba lần, ba lần nó phải ngồi trong đồn thì các lũng ta gặt qua mùa được yên». Rồi lại lan man, bõn chồn: «Bao giờ ta đi bộ đội với anh Sơn về đốt đồn Mường Cơi, đuổi hết Tây, hết thằng quan châu, thì cứu được em ta về».

Vừa vót tên, Nhấn vừa nghĩ. Giữa lúc ấy, Nhấn trông ra thấy khe núi phía nương cũ bốc khói. Bên ấy bây giờ chỉ còn một mình mẹ, ai đốt gì vậy? Hay là Tây lên nương?

Nhấn vội nhảy xuống đất, rẽ lau lùn lên gò gianh. Buổi sáng nào cũng thường nghe vượn hú trong vách đá trước mặt. Nhưng sáng nay không nghe tiếng. Đàn vượn sáng nay sợ cái gì? Kinh nghiệm: nghe tiếng vượn

kêu xa hay kêu gần cũng biết được có người đi qua. Thế này tất có người đến nương, vượn cảm lạng đã chạy hết cả đàn đi rồi. Ai vào nương? Lũng này chẳng có ai đã trở lại nương. Chỉ một mình mẹ ta ở nương. Có thè Tây đã luồn qua núi bên kia sang. Thế ư? Ai đi qua vách đá mà vượn sợ chạy? Ai đốt khói to thế kia? Nhấn kéo ống tên, cầm sẵn một nắm. Rồi cứ đỉnh gò gianh, Nhấn trườn lên đứng một chỗ thật cao, đánh mõ báo động. Tiếng mõ dội qua các đỉnh núi, nghe như chim kỳ kêu, chim gõ kiến kêu...

Nhấn cứ đứng sững nhìn dõi theo khe suối.

Lát sau, thấy lỗ nhỏ một bọn quần áo vàng rộp. Đi trước chúng là toán người vừa ở lũng ra nương làm.

Thì ra, linh Mường Cơi thỉnh linh lên càn, đã bắt được người phải đưa đường về phá lũng. Nhấn không hoảng hốt. Mỗi năm thường nhiều lần chống đánh với Tây đồn Mường Cơi, Nhấn trải cảnh này đã quen. Và cũng đã thường nhiều khi có người bị bắt như thế. Ở các lũng, hỏi đến cả mấy chục người, ai cũng đã có lần bị đạn Tây bắn phải, chẳng ai tránh khỏi!

Nhấn bò xuống thấp, ra sát trên đồi, ngay đầu toán linh và người đi vào. Mấy lần, Nhấn giương nỏ, nhưng không bắn được. Nhấn lại đuổi. Nhấn men gò gianh vượt lên trước, đến đợi ở chỗ cái bẫy đá treo bí mật giữa dốc vào lũng. Hai loạt đá tảng chẳng từng để tựa vách núi. Dưới khe, mấy chục lớp chông thuốc độc.

Vào đến giữa hõm núi, toán người ở lũng đột nhiên đứng lại. Bọn linh đằng sau bị dồn lên, đứng ùn lại. Trên núi, Nhấn trông thấy nhiều người ngửa mặt lên, kêu to bằng tiếng Dao: « Kéo bẫy đi! Kéo bẫy! ». Bọn linh nghe kêu đình tai nhưng chưa hiểu thế nào.

Nhấn luống cuống nắm lại cái thùng, mà Nhấn không dám giật. Nhấn run tay không dám giật. Nhấn hiểu các người dưới kia bảo giật bấy, nhưng giật bấy thì chết cả, chết cả người của ta!

Một linh chạy vọt lên đầu dốc rồi nói to xuống: « Có nhà! Có nhà! Đến nhà đây rồi ». Bọn linh phía dưới càng lao xao: « Những quân Máu này nắm chết đây à? Nó cản đường à? Giết đi! ». Nhưng cả toán người lững vẫn nhùng nhằng không nhích bước. Họ cố dồn bọn linh nghẽn lại giữa dốc, họ vẫn ngàng mặt lên núi, kêu khóc, gào thét. Bọn linh tức quá, vọt ò lên. Nhấn giật bấy.

Hàng trăm tảng đá rầm rầm rơi. Người lẫn đá lẫn thốc cả xuống vực. Tiếng rú, tiếng hét.

— Chết rồi! Có chông!

— Có chông!

— Chông cắm chết rồi!

Chỉ còn thoát mấy người linh cùng với châu đoàn Cầm Vàng đi sau, chúng tôi tả chạy ngược trở lại.

Ngay đêm ấy, các nhà trong lũng dọn đi núi khác. Người ta đề phòng hôm sau đồn Mường Cơi lên báo thù. Cũng đêm ấy, tất cả các xóm Mường, xóm Dao trong khu du kích từ lũng Tùm Cầu đến Khe Mông Mang đều chuyển, họ lại đi làm lũng mới, đi tìm nương mới.

Mờng trăng vắng vặc sáng như nước chảy trên lá. Những người còn sống sót đều đã gồng gánh lên vai cả. Nhấn cũng ông Sênh. Ông Sênh bị gãy chân. Con cũng bố đi, lùi lùi, cầm lạng, bước cao, bước thấp. Đoàn

người chuyên lũng đèm lần lần đi sâu hơn, đi lên cao nữa, lên đến những đỉnh núi cỏ bông thất ngãng lại, quanh năm trời bủa sương mịt mùng, nhưng vẫn có tiếng chim kỳ kêu đèm, đằm ằm, giục giã, đôi hồi.

Một năm sau.

Bấy giờ là cuối mùa thu năm 1952. Một tổ quân báo chúng tôi vượt vùng rừng núi dai trắng vào chuẩn bị chiến trường trong hậu địch Tây Bắc.

Chúng tôi tới một làng người Dao trong khu du kích Bản Thái, — khu du kích đầu tiên gặp, từ hôm chúng tôi qua sông Thao vào đây.

Các khu du kích ở Tây Bắc! Trông vào bản đồ quân sự, thấy miền Tây chỉ chít đồn bốt giặc, nhưng cũng chỉ chít lốm đốm những khu du kích của nhân dân các dân tộc kháng chiến. Chúng tôi đã đặt chân đến một khu du kích trên núi cao đã năm năm nay không được có muối, không có vải. Vào các nhà bà con, không ai dám đứng dậy. Váy áo họ rách cả. Nhưng rồi ai nấy vừa cười vừa khóc kéo các đồng chí ngồi xuống chơi. Chúng tôi đã tới những nơi vô cùng đau thương và dững cảm ấy.

Trưa hôm ấy có giao thông lên báo;

— Bộ đội mới vào, đến các lũng nhiều lắm. Có ba đồng chí dương về lũng ta.

Nhấn hấp tấp hỏi: « Phải bộ đội anh Sơn không? » rồi Nhấn chạy ngay ra.

Cả lũng, tất cả lũng kéo ra đầu dốc nhìn xuống. Người ta xôn xao: « Trời ơi! Bộ đội... Bộ đội... ».

Từ khi đội võ trang phát triển vượt sông Đà sang Mường La, từ khi đồng chí bộ đội sau cùng là Sơn đi khỏi, thì bây giờ các lũng mới lại được trông thấy bộ đội.

Ba người đương trèo lên lũng, lượn quanh tit tấp mãi dưới ghềnh đá.

Chẳng mấy lúc, ba chúng tôi đã đứng trước mặt mọi người, cười cười, thở thở. Vừa tới mà dường đã quen thuộc từ lâu. Các cụ già, các chị, em bé, các anh, người nào cũng áo quần rách lửa tủa, người nào cũng hốc hác đen cháy, nhưng ai ai cũng tự nhiên, thân thiết, đến vuốt vai, sờ súng, sờ ba-lô của bộ đội, vừa cười vừa ghé nghiêng ngắm nghĩa bộ đội.

Ông Sênh chống chiếc nạng cày, khập khiễng ra tận trước mặt để nhìn cho rõ hơn. Các anh bộ đội trẻ, khỏe, má béo căng đỏ. Ông giơ tay vuốt cái vai áo xanh màu lá. Áo bộ đội bây giờ không rách như áo anh Sơn ngày trước. Ông sờ đầu khẩu súng trường *các-bin* mập mạp, nhẵn bóng, ông nghiêng tai nghe, ngắm, luôn miệng nói: «Ồ súng bộ đội...» Ông nhìn, ông nghĩ: «Không có ai gày ốm như ngày trước nữa rồi. Điềm tốt đến thế này thì đánh được giặc rồi».

Từ nãy, Nhấn đứng im. Nhấn thờ thẩn nhìn chúng tôi. Rồi Nhấn hỏi:

— Các đồng chí có gặp anh Sơn không?

Chúng tôi biết làm sao mà trả lời! Nhưng chúng tôi đoán ngay là có một đồng chí Sơn nào đó đã từng phát triển công tác qua đây. Cho nên, không để người du kích trẻ tuổi kia phải thất vọng, chúng tôi trả lời: «Anh Sơn... Anh Sơn trước ở đây à?». Thế là Nhấn xoắn lấy chúng tôi và trò chuyện về anh Sơn đến hết cả đêm hôm ấy.

Hôm sau, chúng tôi từ khu du kích, bí mật tiến xuống làm nhiệm vụ điều tra đồn Mương Cơi. Cùng đi, có cả

Nhấn. Ông già Sênh chống nạng đưa con một quãng ra đầu núi.

Ra đi lần này vào lúc các lũng lại đương tấp nập sửa soạn một mùa gặt mới, lại đương chuẩn bị chống cày và các tổ tăng gia lại rủ nhau đi phát nương mới, như mỗi năm, theo lệ thường chuẩn bị.

Sau này, mỗi khi kể lại chuyện hôm Nhấn đi, Nhấn nói rằng lúc xuống dốc núi, Nhấn trông thấy Mùng Cơi thấp thoáng dưới bóng sương, Nhấn nhớ đồng ruộng, nhớ làng mạc ven chân rừng, có ao cá, có đồi chè, có chuồng lợn. Và bấy giờ là một buổi sáng, tiếng chim kỳ cuốn dài theo gió từ các hốc đá còn mù mịt sương sớm đưa ra. Rồi Nhấn nhớ lại cả cái đời thắm của mẹ và đời mình. Nhấn muốn khóc.

Giữa khi ấy thì nghe tiếng chim kỳ, tiếng chim kỳ lạnh lạnh như kèn giục phùng sấn. Nhấn không khóc được. Nhưng từ đấy, trong đời chiến đấu của người bộ đội, mỗi khi nghe trên cánh rừng, đầu rừng nào có tiếng chim kỳ kêu, Nhấn tưởng như hồn mẹ và hồn em đi đâu cũng vẫn đuổi theo thăm hỏi Nhấn.

Mường Giơn

I

Buổi sáng rét ngọt. Hơi núi ngàn ngút thở xuống cánh đồng, đọng trên đầu người đi, trên mái nhà, trong các làng người Thái. Có khi ở trong làng mà hàng tháng mịt mù, nhà nọ không trông thấy nhà kia.

Bấy giờ gặt hái đã xong, thóc tốt chắc chân đã xếp đầy bờ ruộng, ngày ngày mọi người chỉ sưởi lửa, đợi ấm trời mới đi kiếm ăn. Người Dao ở Phàng Chải thì xuống khe suối cạo hái rau má. Trên lưng núi, nghe vang tiếng nhạc ngựa làng Mèo ra nương thồ rau cải. Ngoài đồng vùng thấp các làng Thái, từng đám các chị và trẻ em xách thùng, đeo giỏ kéo nhau đi đào chuột, đào con rui, nhặt rau.

Sạ khoác sừng, vác một bó củi to, từ trên ngọn suối trong rừng xuống.

Sớm nay Sạ đi săn sơn dương. Nhưng thấy trời trở ấm có nhiều sương mù, Sạ đoán thế nào con hiu hiu (một thứ nòng nọc) cũng theo sương lạnh xuống dễ dưới suối và hươu nai cũng sợ sương lạnh đã tìm xuống giầm chân trong vũng suối nước nóng. « Ta đi săn nai hơn, thế nào cũng gặp Mát cùng đi bắt hiu ». Nghĩ thế, Sạ bỏ tìm sơn dương, tiện tay vác một bó củi chạy xuống cánh đồng.

Sạ ở rẻ nhà ông Mờng. Sạ lấy Mát, nhưng nhà Sạ nghèo hơn nhà Mát. Theo tục lệ, mỗi năm nhà Sạ không có đủ mười gánh lúa nộp cho nhà vợ, Sạ phải đem sức đi ở rẻ làm không công cho nhà vợ đủ hạn mười năm. Sạ mới ở cho nhà vợ được có một cái Tết. Hai người yêu nhau lắm. Nhưng cái thân đi ở rẻ, ăn cơm ngồi một mình góc bếp, hút điếu thuốc cũng phải hút vụng, dù vợ chồng thật sự yêu nhau cũng cứ phải giả vờ sa cách như mặt trăng mặt trời. Lúc đi rừng, đi ruộng mới được nhìn nhau thỏa thích. Cho nên, mỗi khi được lúc nào đi rừng, đi ruộng với nhau, Sạ không chịu bỏ, « chết ngay cũng liều theo ».

Sạ đứng lại. Rồi Sạ quẳng bó củi xuống bờ ruộng, bỏ đấy. Sạ bước vào cánh đồng đi tìm người yêu. Đầu đồng kia đưa đến tiếng trẻ em giỡn đùa nhau. Ven rừng vắng có tiếng thuồng đào thỉnh thoảng. Sạ ghé mắt, trông thấy Mát, Mát và cô Ính đương lui hùi đào đất. Thấy Sạ đến, hai chị em ngơ ngác hoảng hốt chạy ra. Mát xua tay trước mặt Sạ, thì thào :

— Đừng nói, anh đừng nói.

Sạ cười :

— Đào cái tổ con rui chứ gì!

— Trời ơi! Nói to thế!

Nhưng Sạ đã đến trước cửa hang con rui. Sạ cầm thuồng đào, Sạ nói vang vang : « Ở nhà thì người già buộc mồm ta không dám nói, ra đây cũng phải buộc mồm ư? Mặc kệ con rui! ». Thế là Mát cũng phải bật cười. Đến lượt Sạ kêu :

— Hồng, hồng...

— Không sợ, con rui đã nghe tiếng đàn ông rồi.

Cò Ính hỏi :

— Anh Sạ này, sao con rúi lại sợ tiếng đàn bà, nó không sợ tiếng đàn ông nhỉ ?

— Người già bảo đàn bà đi đào rúi mà bỏ dở, thế nào con rúi nó cũng chạy ra, vì nó sợ đàn bà bỏ về gọi đàn ông ra đào nốt. Đàn ông đào rúi mà bỏ dở, con rúi vẫn nằm yên trong hang, vì nó cho là đến đàn ông đào là hết người đào rồi, nó yên trí. Cho nên lúc đào phải im tiếng để lừa nó.

— Có thật thế không nhỉ ?

— Thật hay không thì cũng cứ nói chuyện cho nhiều vào, cầm bằng mắt ăn con rúi này.

— Thế thì mất công quá.

— Còn hơn ở nhà mình sợ người già không được nói. Ính chưa hiểu, cãi :

— Không được, mắt con rúi thì tiếc lắm. Thịt rúi ăn ngon hơn thịt gà đấy.

— Mất thịt gà tôi vẫn thích nói hơn.

Ính vẫn chưa hiểu ra sao, nhưng Mát đã cười, hai má hồng lịm lên : « Anh Sạ chỉ nói nhảm. Nó về mách bố em thì anh mất một năm đi ở rẻ không công đấy ». Cả ba người cùng cười nghiêng ngả. Thấy cười thì Ính cũng cười, mà cười to hơn cả anh chị. Giữa lúc, con rúi trong hang thỉnh linh chạy xộc ra, đâm đầu vào lưới thường. Thuận tay, Sạ đánh một cán thường, con rúi lẩn quay ra. Sạ xách đuôi nó lên, vung mấy vòng cho nó mất vía đi. Con rúi này to xù bằng một con cày hương to. Sạ bảo : « To bằng cày hương thì ngon thịt lắm. Nhà ta phải ăn hai bữa mới hết. Bỏ vừa làm được chĩnh rượu mới nhỉ ? ».

Sạ buộc cho cô Ính đeo con rúi lên đầu đòn gánh. Ba người sửa soạn ra về. Nhưng rồi cũng chưa ai buồn về, họ ngồi xúm lại ở ven rừng ấy, đốt đồng lửa sưởi, nói chuyện, vừa bâng quơ vừa vui. Bấy giờ Mát hỏi Sạ :

— Tưởng anh lên núi săn sơn dương?

— Trời xuống sương thế này thì mai đi tìm nai chắc được ăn hơn.

Ính nói chen vào :

— Bố không có xương sơn dương để nấu cao, anh không sợ bố chửi cho à?

Mát bảo em :

— Mày cứ hỏi lời thôi!

— Em phải hỏi nhiều chứ. Về nhà, anh ấy sợ người già, cứ ngồi tựa cột, hỏi không buồn nói, bây giờ ra đường lại nghịch hơn con ma rúi. Anh ấy ghét ở rẻ lắm phải không? À này em nghe nói làng sắp xóa tục con trai đi ở rẻ, phải không anh Sạ?

— Cô về hỏi người già ấy.

— Người già không biết. Phải đi hỏi bộ đội. Em thấy nhiều người nói cái gì không biết, cứ đi hỏi bộ đội thì biết hết.

Mát đứng lên, nói :

— Về thôi. Trời xuống thấp lắm rồi.

Sương vờn là là mặt ruộng. Người đi sau chỉ trông thấy gót chân người đi trước. Sạ vừa đi vừa nghĩ đến sớm mai hai người sẽ được đi bắt hươu, tìm nai cùng nhau. Sạ nói : « Mai thì hươu hươu xuống đầy suối, trời sẽ còn xuống thấp sát tận đầu người, với tay lên cũng được thế này mà ».

Ính quay lại, cười to :

— Chuyện « trời thấp, trời cao » thế nào, anh Sạ kể đi.

Câu truyện cổ tích « trời thấp, trời cao », Ính đã thường nghe Sạ kể. Nhưng Ính hay đòi nghe Sạ kể lại và bao giờ Sạ cũng kể lại. Nhiều khi vu vơ, chẳng phải vì thích nghe câu cổ tích ấy, mà chỉ vì Ính thích nghe chuyện, thích nói chuyện, thích trêu anh trêu chị mà thôi.

Sạ kể :

— Ngày xưa, trời ở thấp lắm, ta vùi tay vào mây trèo lên chơi được. Thế là cứ cả ngày có những người đàn bà góa lên kiện trời, đòi chồng. Ông trời cũng không làm thế nào trả chồng đã chết lại cho người ta được, ông trời sợ, phải trốn lên ở cao, cao mãi như bây giờ, thế là từ đấy đàn bà góa không trèo lên đòi chồng được nữa.

— Thế ngày mai trời lại xuống thấp, đàn bà góa lại lên đòi chồng thì sao ?

— Bây giờ trời không sợ đàn bà góa nữa !

— Sao thế, hả anh Sạ ?

— Vì từ ngày có vua lấy đất, quan lấy mừng thì vua quan xử bắt đàn bà nào chồng chết phải mất phần ruộng, cho nên đàn bà ở góa đã sợ đòi phải đi lấy chồng hết rồi. Cô Ính xem, mừng ta có ai dám ở góa dâu, ở góa, quan lấy mất ruộng thì chết đói. Mà ai người đi kiện trời bây giờ !

Ính thật thà nói :

— Tội nghiệp, các quan mừng làm khổ người ở góa không có thóc ăn. Sao không ai đi kiện quan mừng ?

Bây giờ Mát mới nói :

— Mày thử về hỏi người già xem sao.

Sạ cười:

— Không được. Việc này thì hỏi bộ đội. Phải đi hỏi bộ đội xem làm sao các quan mừng lại để khổ người ở góa thế?

Sạ và Mát im lặng. Nhưng, tự dưng Ính cứ cười giòn tan. Tiếng cười, vang hòa với tiếng đũa cọt của đám trẻ nhặt rau đấng xa, không thấy bóng mà chỉ nghe tiếng nó giòn đũa lại. Câu truyện ba người cứ vắn vơ vui vẻ thế. Ính còn đòi anh Sạ kể cở tích thêm nữa. Nhưng từ lúc này, không biết Sạ mãi nghĩ điều gì, Sạ chỉ lặng im rồi hèn mai đi bắt hiu hiu thì kể.

Về nhà, Sạ không phải chửi như cò Ính nghĩ lúc này. Mà Ính cũng nói đùa thôi, chứ đem được con rui to kia về thì ai chửi được! Ông Mòng nhắc con rui, ước lượng cân rồi gặt đầu. Ông bảo: « Ừ, mai đi săn nai. Trời xuống sương nhiều thế này mà vào suối nước nóng tìm nai, thế nào cũng gặp ».

Hôm sau, Sạ khoác súng đi tìm nai. Chị em Mát đeo giỏ, cầm vợt đi bắt hiu hiu.

Ông Mòng nghĩ: « Bắn được con nai, tết này có thịt nai cho bộ đội về ăn Tết với thì sung sướng quá ». Nhưng ông không dám nói, sợ đi săn mà nói trước thì sai. Tin tài bắn của con ròi, ông đã nhờ thuốc, làm thêm năm viên đạn ghém cho Sạ. Lúc Sạ đi, không nén ước ao được, ông cũng buột miệng: « Tết này có bộ đội về ăn với, vui lắm đấy ». Sạ hiểu ý mong muốn của bố.

Chỉ còn ít ngày nữa thì đến Tết. Nghe nói Tết này có bộ đội về ăn Tết với mừng. Từ hai tháng nay, có tin khởi nghĩa, có tin đất mừng khắp chín châu đã về ta, nay

hết giặc Tây giặc Nhật, hết các ông phía, tạo (như chánh tổng, lý trưởng thời đế quốc ở dưới xuôi), bây giờ mới có ông chủ tịch xã và bộ đội. Chỉ mới nghe thế, còn thật chưa thấy gì lạ khác. Vì Mường Giôn ở xa, hẻo lánh quá, chưa ai được thấy bộ đội bao giờ.

Ai nấy thiết tha mong bộ đội. Nhà nhà tấp nập. Nhiều nơi đã mổ lợn để sẩy thịt. Ngày nắng, trên các sân ăng, khói bếp nấu rượu bốc nghi ngút. Hai chum rượu cần đứng đầu cột đã cắm điệu đờn vui Tết có người hát. Chập tối, nhiều nhà treo đèn ra cây bưởi trước cửa rồi đánh trống, đánh chiêng gọi người đến tập xòe. Trai gái làng thì nhau may áo mới và tập xòe. Ngày nào các chị cũng đi lấy lá thơm gọi đầu. Các làng Mèo trên núi từ xưa vẫn ăn Tết đầu tháng chạp, năm nay Tết đã ăn qua rồi, nghe có bộ đội về, các làng Mèo lại rục rịch ăn Tết lại. Váy, áo thêu đã cất đi, lại đem phơi rục rờ ngoài nắng. Các làng Thái Đen bên Mường Piêng thường ăn Tết tháng ba như người Lào, năm nay cũng muốn ăn Tết sớm. Để được cùng với dịp đón bộ đội về chung vui Tết làng mình.

Sạ vào trong suối Nước nóng. Suối Nước nóng chảy một dòng ven rừng, quanh năm bốc hơi ẩm ngùn ngụt, âm trắng cả hai bờ đá. Nhưng chưa thấy dấu chân nai xuống. Có lẽ sớm quá, nai chưa xuống. Biết đâu, cũng có thể năm nay nai không xuống.

Sạ quay ra suối ngoài tìm chị em Mát đang vớt hiu. Suối ngoài đầy người đi bắt hiu. Mát và Ính đã vớt được hai giỏ, không còn cái đựng nữa. Mát bảo em:

— Thôi, đủ rồi, mình còn vào rừng lấy lá gọi đầu mà về kéo tối. Đi, Ính nhà.

Thật ra, mặt trời vùi trong sương từ sáng vừa mới ra, chưa tới đúng bóng. Mát nói thế chỉ vì Mát đương nóng ruột vào rừng với Sạ. Sạ vừa mới xuống, đã lẳng lẳng đi trước. Mát lên bờ suối, rũ váy, buông váy xuống, rồi theo sau người yêu.

Ính còn đương lúi húi vớt thêm mẻ hiu nữa. Ngẩng lên, thấy thoáng bóng áo trắng của chị Mát vào rừng. Ính chạy theo, Mát không biết. Mát rẽ ngang vào bèn một tảng đá lớn ven lối. Nhanh như sóc leo; Ính trèo tót lên một cây hoa lai. Rồi Ính ngهن đầu, nhòm ra sau tảng đá. Không biết đã trông thấy gì sau tảng đá, nhưng thấy Ính bậm miệng cười, hú gọi một tiếng khê. Sau tảng đá, Mát chạy nhảo ra. Ính đã xuống đứng gốc cây, cười khanh khách. Hay đi rừng với chị, Ính thường « bắt trộm » hai người đứng kín với nhau, rồi cứ cười tai ác như thế. Mặt đỏ rừ, Mát lườm em, nửa cười, nửa ngượng, nửa yêu.

Sau tảng đá, bây giờ Sạ mới chạy ló ra, chửa then :

— Con nai sợ tiếng cô hú rồi, nó không xuống nữa đâu, Tết này mà nhà không có thịt nai thì tại cô.

— Tại anh không dùng hện với em.

— Làm sao ?

— Anh đã hện kê cho em nghe cô tích, kê xong thì anh mới được đi chơi hang đá với chị Mát. Anh nhớ không ?

Mát đuổi đánh em túi bụi. Ính chạy quanh, cười rũ rượi. Cả ba anh em cùng cười. Rồi một lát sau họ đã cùng nhau men núi đi lấy lá thơm gội đầu.

Ính đương vui, vừa đi vừa múa vừa hát khúc hát then chèo thuyên :

*Thuyền ơi! Thuyền hời
Thuyền sang bến nào
Phía dưới đá kê, phía trên đồng hoang
Hai bên núi cao, hòn đá nằm ngang
Khoan khoan! Đầy thuyền lên thác
Khoan khoan! Đầy thuyền đến bến hoa...*

Mát cũng hát theo.

Một lúc, ba người đã hái được một ôm lá hương nhu rừng. Trở ra, họ ngồi trên tảng đá, lấy lãng cơm nếp và gói thịt rui sấy ra ăn trưa. Giữa trưa, nắng ban đang động từng vũng trong rừng trám cao vút, im lặng. Một chiếc cuống gậy cũng nghe tiếng. Bó lá hương nhu để trên tảng đá, bốc mùi thơm dịu dịu trong nắng.

Ính bảo:

— Anh Sạ kể chuyện.

— Chuyện gì nào?

— Chuyện gì cũng được. Kể xong em cho anh đi...

Mát không để em nói hết câu, (Dưới suối, Mát đang vục nước uống) Mát hót nước té lên, ướt loang cả lưng áo trắng của Ính. Ính dừng cười khanh khách, như không để ý. Mùi hương nhu vẫn thoang thoang trong giọt nắng ấm.

Mát đã rửa mặt, vục nước uống xong, Mát lên ngồi ngắt ngọn hoa hương nhu tím, gài giắt vào trong búi tóc. Sạ nhìn theo Mát, và nói với Ính:

— Anh kể chuyện *Có tóc thơm* cho em nghe nhé.

— Ừ, phải đấy, chuyện *Có tóc thơm*.

— Ngày trước, ở châu Yên có một cô gái đẹp lắm, trai cả mấy mường đều mê. Đêm nào các cậu cũng đeo đàn đến gảy trước sà, quanh nhà cô nàng. Chó trong

nhà sửa cả đêm làm cho không ai ngủ được. Cô ta càng ngày càng đẹp, mà đẹp nhất cái mái tóc đen mượt vừa thơm vừa dài. Mỗi khi cô ra đứng đầu sàn trước nhà để chải tóc, mái tóc buông từ sàn xuống đến gần mặt đất bay ra một mùi vừa thơm vừa ngọt như đường. Mùa rét năm nào tới, cô nàng cũng may sẵn chăn, gối để sửa soạn về nhà chồng. Nhưng nhiều người yêu quá, cô vẫn lưỡng lự không biết lấy ai. Mà thêm mỗi mùa rét tới, lại càng thêm người mang đàn đến gảy, thêm người có phong thư xa gửi đến, cô nàng Tóc thơm ở châu Yên càng bối rối chẳng biết chọn ai. Một hôm kia, cô nàng ra trước sân gỡ tóc. Bỗng có con thần quái đại bàng bay qua, nó sà xuống cắp cô nàng đi. Ở trên mây, cô nàng kêu cứu thảm thiết. Trai trong rừng nghe tiếng kêu cứu, chạy ra hàng mấy trăm, cả mấy trăm người cứ giương nỏ ngược lên trời mà chạy đuổi bắt con thần quái đại bàng qua đồng, qua núi suốt mấy rừng. Nhưng tiếng cô nàng kêu cứu cứ càng xa, mọi người đành đứng lại. Ở trên mây, cô nàng xé cái vạt áo mình ném xuống cho đám con trai trong rừng đương còn đứng ngóng lên, người ta bảo đấy là cô Tóc thơm gửi lại cho những người yêu mảnh vạt áo của mình. Nơi cô nàng ném vạt áo xuống thành tên là Rừng Vạt từ bấy giờ.

Mát thở dài, dăm dăm :

— Chuyện buồn quá. Thế con thần quái đại bàng bay đi đâu ?

Ính nói leo :

— Nó bay về hang núi đá ở Rừng Lò là nơi tổ gốc người Thái ta ở, nó bắt ép cô nàng châu Yên lấy làm vợ. Cô nàng ngày đêm vẫn nhớ cha mẹ, nhớ trai trong rừng, cô cứ ngồi trông ra cửa hang đá, tay vuốt lần

lần đến rụng hết cả mái tóc thơm. Cò ngồi cho tóc rụng mà chết khô héo đi như thế. Có phải không, anh Sạ?

— Cò Ính nhớ chuyện lắm.

— Về sau có ai đi bắn chết thần quái đại bàng ấy không?

Sạ nói:

— Nghe người già nói lại rằng bây giờ thần quái đại bàng vẫn còn ở trên hang đá bên Mùòng Lò.

Rồi Sạ khoác súng đứng dậy, sức nhớ mình đương đi sẵn.

— Ngồi đây đợi, tôi vào vũng Nước nóng rình nai. Ính nói với theo:

— Em cho chị Mát đi với anh đấy. Anh kể chuyện rồi...

Hai chị em lại cười, đuổi nhau, rút hoa hương nhu trên tóc của nhau.

Một lúc lâu. Oàng! Hai phát súng nổ trong rừng sâu.

Hôm ấy, ba anh em khiêng một con nai to về. Ông Mờng đem biếu phần ông *chiảo mùòng* cũ (tri châu một cái đùi rồi ông chia cả xóm uống rượu, ăn thịt. Còn bao nhiêu thì để dành ăn Tết. Đám trai, đám gái vui nhẩy xòe trên sàn suốt đêm.

Vui thật là vui, Tết này, bộ đội mà về Mùòng Giòn thì Mùòng Giòn đã sẵn nhiều thức ăn tốt. Biết bao rượu đậm cơm xôi thơm phức và lòng người mong ngóng.

Vài hôm sau, nghe râm ran tiếng súng to vọng bên kia núi. Rồi người ở Mùòng Piềng, Mùòng Trai chạy vào, tóa theo cái tin giặc Tây đương từ Mùòng Lài đánh xuống, đã tràn qua Mùòng Piềng, Mùòng Trai rồi.

Thế là bộ đội phải đi đánh giặc, không về Mừng Gion được. Mà giặc sắp tràn qua cả Mừng Gion. Bấy giờ giữa trưa ngày hai mươi bảy Tết. Mừng Gion hết hoảng, nháo nhác. Chăn, đệm, màn, bát, chum rượu, cái ninh, cái chảo, nửa con lợn treo xà nhà, đùi thịt nai, bây giờ mang đi cái nào, bỏ lại cái nào. Nhà nào cũng lục đục khuôn dọn.

Dưới cánh đồng, người chạy giặc kéo đi lũ lượt. Gà lợn inh ỏi.

Đến xẩm tối mà nhà ông Mừng vẫn nấn ná. Đồ đạc và người còn lung tung, chưa đâu vào đâu. Sạ chạy ngoài rừng đuổi trâu. Đến lúc Sạ về, mặt mũi nhợt nhạt, quần áo rách, lấm bết, tay vẫn vuốt cái thùng không: « Trâu chạy hết rồi, sáng sớm mai bắt mới được ».

Tiếng ông láng giềng Tao On gọi dưới cửa: « Chưa chạy à? Tôi chạy trước đây ». Ông Mừng càng cố, cứ xách cái ninh xuống thang lại xách cái ninh chạy lên, kêu: « Đành sống lấy người đã, đi đi, các con ơi! ». Sạ nhặt bát xếp vào thùng, nói:

— Mai tôi bắt trâu, tôi đi sau.

— Ừ thế mày ở lại bắt cả ba con trâu đi. Không lấy tay lấy chân mà cày được, phải cố bắt nó đi. Chạy nhanh thì theo kịp, cả nhà đợi mày.

Mát và Ính, hai chị em gánh chăn, đệm và cái guồng sợi. Ông Mừng quảy hai bu gà, đeo một chiếc nồi, một cái ninh nhỏ. An, con trai út ông Mừng thì đeo một tay nải gạo. Những ninh, nồi, bát, vò rượu, hai cái kiềng, tất cả đồ nặng để lại cho thẳng rề, mai nó dắt trâu và gánh theo.

Ra tới bờ suối, Mát quay lại nhìn, bụng xót xa thương chồng.

Làng mạc trong Mường Giôn đã hết người, im lặng như chết, chưa bao giờ thấy thăm đăm như thế.

Trèo đèo lội suối liên miên mấy đêm, mấy ngày. Cả vùng Mường Giôn, trẻ dất già, bố công con lớn, mẹ địu con bé, bồng bế nhau ra đến Mường Lùng, không một ai ở lại.

Ngày ngày, ông Mờng và các con đi đón trâu, đón cái ninh, cái nôi. Người từ Mường Giôn ra chạm nhất cũng ra hết rồi. Người ta nói Tây tràn về đến Mường Giôn, đưng đốt nhà, phá làng. Mà vẫn không thấy Sạ ra.

Một hôm, ông Tào On từ trong làng ra tìm ông Mờng. Bố con ông Mờng đưng lúi húi ngoài rừng, đẽo cán dao và cuốc để mai đi phát nương.

— Ông Mờng ơi! Ông đừng chửi tôi nói độc đấy. Thằng con rẻ ông chết rồi.

Ba chị em Mát nghe thế thì khóc òa lên. Ông Mờng lặng người, rồi hỏi :

— Nó ra thế nào? Nó chết à, sao, sao ông Tào?

— Thằng Tây đến Mường Giôn thì gặp bộ đội ta, thế là đánh nhau. Bộ đội ta thua chạy rồi, Tây đi xoát làng, bắn trâu, bắn chết cả thằng Sạ ngã chết dưới chân đèo.

Hai mắt ông Mờng bỗng lóa đi. Thằng rẻ nhà ông chịu khó, hay làm. Một mình nó làm đáng ba con trâu. Trăm việc trong nhà đều đổ vào đầu nó. Bây giờ mất cả người, cả cửa, bao nhiêu cửa. Cái ninh, cái kiềng ấy là của cha ông để lại, nó đã đứng trong bếp nhà ông những ba đời người.

Ông Tạo On lại nói :

— Người ta nói trong Mừng Giơn bây giờ thẳng Tây về lại đặt lại các chức việc cũ, vẫn quan bang, quan mừng như ngày trước. Các ông ấy đương cho người ra đây gọi dân về. Ai trước làm việc gì, về làm việc ấy. Như tôi trước làm tạo bản, về tôi lại được làm tạo bản. Mai tôi cũng về. Chạy lạ đất lạ mừng thế này, tôi không quen, ông nghĩ thế nào ?

Ông Tạo On vẫn nói. Chốc ông lại hỏi lại ông Mừng. Nhưng ông Mừng không nói, không trả lời. Ba chị em Mát thì ra ven rừng đứng khóc.

Rồi ông Tạo On vào làng lúc nào, ông Mừng cũng không biết. Ông cũng không lòng dạ nào nghĩ đến ông Tạo On là người sắp bỏ chúng bạn trở lại làm tạo bản cho Tây lần nữa, mà ông đang càng nghĩ việc nhà ông càng muốn đứt ruột. Chuyến này thì nhà ông đói to. Có một thẳng rẻ tốt thì chết, lại mất theo hết cả ninh, nôi, bát, đĩa. Ông càng đau xót nhớ những của cải ấy từ đời ông đời cha đã theo thuyền Nậm Tè về tận chợ Phương Lâm mua của lái buôn xuôi, bây giờ khó lòng mà còn mua được. Đã nghèo, càng nghèo hơn, còn lấy đâu ra cho có tiền, có cao gấu, cao hổ mà đổi mua những của quý ấy được nữa.

Ông Tạo On sắp dọn gồng gánh xong, còn đến rủ ông Mừng một lần nữa :

— Về

Hôm nay, ông Mừng đáp :

— Quê nào cũng là quê. Về trong ấy bây giờ không còn trông thấy cái gì của mình nữa, trâu mất, người chết, bát đĩa, ninh, nôi không còn, tôi đau lắm, không về được.

Ông Mông ở lại Mường Lùng.

Nhiều người làng ra đây lại đã trở về, nhưng ông không về. Ông nghĩ ngợi nhiều, rồi ông quyết định ở. Ở đất Mường Giôn, ông không phải người họ Lò chỉ chuyên được làm kỳ mục, tạo bản (trưởng thôn). Ông cũng không phải dòng họ Lương chỉ đi cúng, làm mo. Ông không phải họ Lò, họ Lương bao giờ cũng ngồi trên đầu người ta. Xưa nay ông không làm ác cho ai bao giờ. Mỗi năm, đến ngày Tết, ông cầu trời bình yên, ông làm lễ kỳ yên cho nhà ông được mùa, no ăn. Ngày nay thẳng Tây đến, nó giết ngay người nhà mình như thế ; ở với quân ác thì không thể nhìn mặt nhau được ; nó ăn hết trâu thì nó ăn thịt đến mình. Còn ta, ta ở đâu cũng thế. Ở đâu cũng phải làm mới có ăn. Cứ kể ở đây còn hơn trong kia, trong kia phải đi xin ruộng, phải đi hầu hạ nhà quan mới được ruộng. Ở đây người Mường Lùng có Chính phủ dạy cho biết đoàn kết giúp đỡ nhau, anh em đã chia cho ông ít ruộng. Nhưng ông không có trâu, chưa làm được ruộng, bố con ông phải lên núi phát nương trước để gieo ngô lấy lương sớm. Có đôi khi, nhớ quê cũ, nghĩ mất bao nhiêu công lao mới đào được cái ao cá, mới làm nên được cái nhà sàn cột gỗ dẻo. Nhưng cứ nhớ đến thẳng Tây bắn chết thẳng Sạ, thì càng nghĩ sâu xa đến những câu hát ngày xưa các cụ để kín lại cho con cháu, lại vắng vắng nghe : *Thẳng Tây đến đây làm nhiều bề tội ác...* Như thế, bố con ông Mông yên lòng ở Mường Lùng phát nương, xây dựng lại, làm nên cái quê mới.

Mong mỗi như vậy, nhưng công việc ăn làm lại chẳng được như lòng mong mới.

Phát nương mùa nắng thật quá vất vả. Người người đen xạm, hốc hác như cái cây cháy trên nương vác về. Hai con mắt chị em cô Mát tối đen. Mát hay vào rừng ngồi gục mặt xuống tảng đá khóc một mình. Ông Mờng lắc đầu, thương con, bảo : « Thằng Sạ chết khổ hại như thế, cái ma nó còn trở về ám mày, bao nhiêu năm nữa cũng chưa dứt được. Ta phải gọi thầy về cúng cho hồn nó đi được mát mẻ thì mày mới yên được ». Muốn cúng ma cho con gái, nhưng trong lưng ông không có đồng hào trắng, bạc trắng nào để trả công thầy mo. Còn cô Ính cũng ốm sốt luôn. Nhưng ba chị em vẫn cố làm. Có lúc ái ngại các con làm khó nhọc, ông Mờng chán nản nghĩ : « Hay là ta đành về trong kia ? ». Tuy vậy, rồi ông lại cố tự quên ý nghĩ ấy đi.

Thế rồi đến lượt An ốm. Cậu An ốm không ăn, không dậy được. Túng bấn, khổ cực, lo lắng quá đỗi.

Bây giờ thì ông Mờng lo : « Nhà mình có một nó được làm con trai, nó mà chết thì mất giống ». Ông Mờng nghĩ lo suốt mấy đêm. Rồi có người vùng ngoài vào nói tin thắng Tây lại mới về chiếm cả Mường Lò rồi. Nó mà lên chiếm nốt Mường Lũng này thì không còn đường nào chạy nữa. Ở đây chưa chắc đã yên. Mà các con ốm, không cúng được, vì không có bạc trả công thầy mo, then.

Một đêm, vào lúc gà gáy sang canh, ông Mờng ngồi dậy gọi hai con gái, bảo :

— Về thôi, các con ạ.

Ba bố con lặn lội dòng dã ngót nửa tháng về được đến đỉnh đèo Lạn Phạ, đứng trông xuống thấy ruộng Mường Giôn vẫn vèo vèo mờ mờ chạy vòn quanh chân núi.

Mường què ta kia, đất mường ta có cơm trắng cả ngon ăn quanh năm. Thăng Tây, và các quan lại đến, lại về, thì ra sao bây giờ? Đời con người ta thế là đổi khác rồi. Mắt nhìn thấy ruộng mà tưởng như không còn thấy đồng ruộng bản mường giàu có què mình đâu. Có ba con trâu, có thằng con rề tốt thì chết cả. Ruộng quan làm trước, bây giờ quan còn có cho được làm không?

Xuống đến cánh đồng, lội qua suối, ông Mòng hãy vào nghe ngóng ở nhà ông Tạo On trước đã. Ông Tạo On trông thấy ông láng giềng cũ, liền ra đứng đầu sào, nói ngay xuống:

— Ruộng quan của thăng Sạ, ruộng quan của ông, quan bang Kỳ đem chia lại cho dân cuông làng khác rồi. Ông đề gánh đấy, lên uống nước đã.

Hai bàn tay ông Mòng run bần bật trên cái đòn gánh. Mát đặt địu An xuống. An gầy quá. Ính phải đỡ em xuống. Ba chị em ngồi tựa vào nhau, mặt người nào cũng tối sầm lại. Cái khi nghe tin Sạ chết đã khổ, bây giờ lại tin mất ruộng này. Thật là đời con người ta chẳng những đổi khác mà lại không còn mấy may gì nữa.

Tối hôm ấy, ông Tạo On đến nhà ông Mòng chơi. Cứ kể người họ Lò như ông Lò Văn On, vốn họ làm quan thì thường không chơi và khinh người các họ ngoài. Họ Lò ở đất này làm quan, cha truyền con nối, cắt nhau đi làm phía, tạo ở tất cả các làng trong mường có ruộng tốt. Người họ Lò thì không phải đóng góp, đi phu, làm đầy tớ nhà quan như mọi dân thường. Ông Tạo On này cũng là người họ Lò, nhưng ông là họ Lò ở cảnh dưới, phải bọn họ Lò cảnh trên chèn ép nên ông On chỉ được làm tạo bản, được xem nom dân ở một xóm nghèo có

vài nhà. Ông Tào On cũng chỉ nghèo bằng những nhà dân biết làm chăm việc. Chánh, phó phía, châu đoàn, ngay người trong họ mà nó cũng coi ông Tào rẻ như cái lá. Ngày trước, có lần Tào On cũng học đòi các quan châu, quan bang ăn chơi, định lấy thêm một cô nàng hầu cũ của nhà quan châu, thế mà chúng nó cũng ghen tức làm cho ông không lấy nổi. Quan châu bảo : « Người hầu của tao mà về lấy thằng tao bản thì xấu danh giá tao ». Tào On rất ức, mà tủi. Tào On thường phàn nàn với ông Mờng, khi nào gặp việc ức. Nhưng dù sao ông Tào On cũng là một ông tao bản có dân, « một ông quan bé ». Ông Tào On được ăn ruộng, được ngồi trên. Ông Tào On hơn nhiều người, ông Tào On cũng thích thế.

Nhà ông Tào On gần nhà ông Mờng, cách nhau có mấy chân ruộng. Khác bọn họ Lò kẻ cả, trước sau hai ông già ấy vẫn là hai người bạn từ thuở trẻ.

Ông Tào On đem đến cho ông Mờng một gánh thóc, rồi ông Tào On kể chuyện nhà, từ khi hồi cư.

— Nay ông Mờng, thằng Bản nhà tôi thế là ném xuống sông mất bốn năm đi ở rẻ rồi, ông đã biết chuyện chưa ?

Ông Tào On có bốn người con trai. Một con trai ông, thằng Bản đi ở rẻ Mờng trai mười năm. Bản ở rẻ vừa được xong bốn cái Tết thì Tây trở lại đóng đồn Mờng Trai. Viên đồn Tây xuống làng, thấy vợ Bản đẹp, nó quắp ngay lên đồn. Mất vợ, Bản trở về nhà mình tay không.

Ông Mờng nghe chuyện, thở dài :

— Khổ thân thằng Bản !

Hai ông trò chuyện đến quá nửa đêm, ông Tạo On mới nói :

— Bây giờ tôi tính thế này. Ông cho thằng Bàn nhà tôi đến ở rề lấy con Mát. Phần ruộng của thằng Bàn thì ông lấy về nhà nuôi ông. Vừa con tôi có vợ, vừa nhà ông có ruộng, có người làm như khi ông còn thằng Sa, ông không mất gì.

— Ông giúp tôi lúc túng đói này, tôi quý lắm. Nhưng tôi không muốn cho thằng Bàn phải ở rề đâu. Ông cứ cho nó đem nộp tôi ăn mỗi năm hai mươi gánh thóc, nộp bốn năm đủ lệ thì tôi cho được vợ về nhà ngay bây giờ, không phải ở rề.

— Cưới ngay như người Mèo à? Làm thế trái với tục lệ dưới ruộng ta.

Ông Mờng cười nhạt :

— Trái tục lệ ta thật, nhưng vợ chồng nó được làm nhà ở riêng với nhau có vợ chồng, thằng Tây khó đến cướp được. Thời buổi phải đi ở với giặc cướp thì cứ nên lo xa thế. Thằng Bàn không sợ mất vợ. Mà tôi chắc có thóc ăn, ông Tạo On ạ. Tôi nghĩ thế có phải không?

— Ờ, tôi nghĩ ra rồi.

Thế là Mát lại sắp lấy chồng. Sinh làm thân con gái, không bao giờ được làng chia phần ruộng, một đời chỉ ăn ké ở đậu, để cho bố mẹ phải nghèo khổ vì mình. Cho nên em như bó củi trong rừng lấy về, đặt đâu em ở đấy. Hống chi Mát lại lấy chồng cho nhà có thóc ăn, thế nào cũng phải lấy. Vậy thì Mát còn nghĩ sao được nữa.

Sau cuộc nói chuyện với ông Tạo On, ông Mờng chỉ bảo con gái một câu :

— Tao lại tìm được chồng cho mày đấy.

Mát nói :

— Bớ ơi, bớ nhớ gọi mo cúng cho anh Sạ được mát mẻ.

— Mai tao gọi ông mo. Chi em mày bảo nhau làm đêm làm chẵn đi, tao cho người ta cười ngay.

Mát cũng không hỏi thêm bố một câu nào. Ính ở ruộng về, nghe mang máng chuyện, Ính hỏi lại chị, thì Mát gật đầu : « Ủ, tao lấy chồng ». Hai chị em tần ngần nhìn nhau, rồi mỗi người vội quay mặt đi một phía.

Trong làng đã bắt đầu có tiếng đồn : « Thăng Bàn sắp lấy cái Mát, ông Mờng cho cưới ngay ». Nhiều người cười chế nhạo. Có người láu lĩnh nói : « Ông Mờng khôn ngoan lắm. Không cưới ngay để Tây nó cướp mất, thăng Bàn lại toi công ở rề à ! ».

Đám cưới sắp tới. Người già mong cho con trẻ nên đôi, quên cả lệ làng, ai nấy đều yên trí đã sắp đặt thế và chỉ còn đợi ngày ăn thịt uống rượu đám cưới.

Thì một chuyện không đâu chưa ai ngờ tới, đã xảy tới.

Bấy giờ đang mùa lạnh. Phong tục nhà quan, cứ mùa lạnh thì các quan thường đi chơi săn nai và tắm nước nóng. Suối Nậm Giơn chảy về sau làng có nhiều vũng đá tuôn ra thành những cái giếng nước nóng. Mùa lạnh năm ấy, quan bang Kỳ đi chơi, lại đưa cả quan Ba trên đồn về tắm suối nước nóng. Bang Kỳ là người Thái Trắng ở Lai-châu, đã theo quân Tây đánh xuống chiếm đất này, rồi Tây đặt cho làm bang tá Mường Giơn.

Các quan to đi chơi thì những quan bé như ông Tạo On lại bận tất tưởi. Ông phải tìm, gọi cho được tất cả con gái trong làng đến mời rượu hầu quan. Con gái xoe, múa, hầu rượu các quan suốt đêm.

Bang Kỳ bảo Tạo On :

— Đất Mừng Giòn ăn nhiều cá nên con gái đẹp lắm, xòe giỏi lắm. Ta muốn lấy các cô gái ra lập ban xòe làm vui các quan. Bảo cho người bố mẹ nào có con vào ban xòe thì sẽ được quan cho nhiều của, nó đừng lo. Hội xòe lập rồi thì các cô gái xòe đi múa cũng được chia phần ruộng tốt như đàn ông đi lính, lại được muối quan đồn cho, có khi còn được lấy quan nữa.

Sau đấy, bang Kỳ chấm cô Mát phải về châu vào ban xòe cùng một đám hơn mười cô. Cô Mát lên châu, lên đồn. Có đến năm hôm, mười hôm cũng chẳng nghe tin trở lại.

Những người làng đi phu quấy nước lên đồn về nói : « Cô Mát lấy quan Ba rồi. Nhà ông Mờng sắp được quan Ba cho mở cửa hàng bán muối cho dân rồi ». Nhưng lại có bọn đi phu nung vôi trên châu về nói khác hẳn : Bang Kỳ lấy cô Mát làm nàng hầu, bị vợ cả nó ghen, mỗi ngày vợ cả đánh cô Mát ba trận, đêm nó bắt đứng dưới gậm sàn. Lại một bọn phu quấy do lên trát nhà quan châu về nói lạ nữa : « Bang Kỳ nó cho linh đem cô Mát về quê Mừng Tè ở Lai-châu rồi ».

Một hôm, có linh đồng xách hai con gà về nhà ông Mờng. Người đồng đứng dưới đất, gọi vôi lên : « Bố ơi ! Bố ra nhận gà vào mà cúng vía cho con gái bố được lấy chồng hầu quan. Gà quan bang cho đây. Quan bang lấy con gái bố rồi đem về Lai-châu để xem nom vườn ruộng cho quan bang ở quê trên ấy rồi ».

Ông Mờng bước ra, hai bàn tay run bần bật, phải biu lấy cái cột, ruột đau như hóm trở về làng nghe tin mất ruộng.

Lúc Ính nghe linh gọi, đã vội trèo lên gác bếp. Nhà nào ở đây bây giờ cũng phải làm chỗ để trốn tránh.

Ông Mờng đã làm cho con gái một chỗ trốn trên gác bếp. Ính nằm nghe. Người linh đồng nói xong, Ính nghe tiếng nó ném hai con gà xuống đầu sàn, rồi người linh lại hện chốc nữa cả bọn họ đến ăn cỗ cúng vía.

Tự dưng, Ính nhớ chuyện *Có Tóc thơm ở* châu Yên của anh Sạ năm trước kể trong rừng trám. « Trời ơi, quân này không phải người, nó là con thần quái đại bàng đi bắt người ta », rồi Ính khóc.

II

Hai cái Tết buồn nữa qua rồi.

Cô Ính bây giờ đã mười bảy tuổi. Đôi mày giậm, đôi mắt trong. Đôi mắt lúc nào cũng chỉ cúi xuống, thăm thăm đau xót. Trời đất này, vui sao được.

Ính đã lớn lên trong ba năm nay, thì trong bản mường có biết bao nhiêu người chết, người mất, không đếm xiết được. Bố già ở nhà cũng phải lặn lội đi phu, đi phu về, áo ướt chưa kịp cởi, đã lại có roi đến thúc gọi đi phu nữa. Một ngày ở đây người ta cứ trông mặt trời lặn nhanh cho đỡ khổ. Nhưng mặt trời lặn rồi, những cái khổ, cái sợ khác lại đến. Càng đêm tối, càng giạt mình. Linh tuần đêm ngày sùng sục vào làng, đàn bà con gái lại phải trốn đi nằm rừng. Linh mà bắt được ai, chẳng bằng lòng nó cũng khiêng. Chị em cùng một lứa tuổi tốt tươi ấy chẳng còn được có mùa kéo sợi sáng trắng trên sân ảng, chẳng còn biết vui họp nhau lại rồi gọi bạn đến đàn hát. Cái thời bình yên mà một

cô gái nghèo xấu nhất mừng cũng dẹt được đôi áo trắng mới, chẳng tiếc chi cho lắm, nhưng cũng không còn thế nữa. Biết làm thế nào? Mặt trời đã lặn còn thấy khỏ. Mặt trời mọc, cái khỏ cái hại hôm qua lại đến nhiều hơn. Làng nước, người người đều ăn cơm sầu, ở cơn buồn với nhau, Ính vui sao được!

Hôm ấy, Ính đi làm đồng về, bùn lấm lên tận mặt. Ính treo lãng cơm lên cành mần tang, rồi ra suối tắm. Ngồi xuống dòng nước, vừa quán xong váy lên đầu, trông ra đường, thấy có một đám người lạ đi vào. Ính buong váy chạy vội lên, rón rén. Có người đi vào phía này. Nhưng Ính đã nhìn rõ : không phải lính « ba chui » đi tuần. Ính nhận ra đấy là Bân và một người nữa, hai người làng đi lính. Chắc họ ở đồn về làng chơi. Ính không dám tắm, nhưng cũng không định chạy.

Mấy năm nay, Tây bắt người làng đi lính nhiều quá. Cả mừng, bắt đến hàng trăm thanh niên. Chỉ còn mấy người chạy vào rừng trốn được, những người ấy phải chân ở rừng, chân ở nhà. Nhưng sau tới năm đồn bắt các làng tập trung về ở thành một làng to dưới chân đồn thì trai trẻ ai nấy đều phải đăng lính cả, không trốn chạy được nữa. Chúng đã làm đủ cách bắt người đi lính, từ cách giữ thẻ mua muối để bắt người, cách bắt tù người già, nếu người già cho con đi lính thì tha. Lại cho lính người Mường Lài (tỉnh lỵ Lai-châu) đi cướp, hiếp. Dân kêu. Quan Ba bảo : « Mày cũng phải đi lính nhiều mà giữ của không có thì nó còn cướp nữa ». Thế là có nhiều người đại cứ xô đi khố xanh, đi đồng, đi lính lộ có (lính của châu đoàn, chánh tổng), anh nào khỏe mà hám lương to, liều chết, thì Tây xui đi khố đỏ đi lính nhẩy dù *còm mặng đơ*. Mà tính đến cuối cùng

không đi lính tráng như thế thì ở nhà cũng phải phu phen liên miên, cho nên, thôi đành vào lính cho thoát.

Từ khi mất vợ ở Mường Trai, lại từ khi lần nữa mất mất vợ vào tay quan bang Kỳ Bản trở về đi lính. Bản đi lính, đại khái cũng như những cảnh người ta phải đi lính. Sau khi cô Mát bị quan bang cướp đi, Bản phải mấy chuyến đi phu xa ra tận sông Đà, ngày đêm kéo thuyền chở súng ống đồ đạc cho Tây lên ngược, phần thì ốm, phần thì bị quan, lính đập đánh, không lúc nào kịp vượt mồ hôi. Bản về, Bản nghĩ: « Quan trên thì cướp vợ. Đi phu thì lính đánh chửi. Đứa nào cũng xem mình như con cá. Phen này mình phải đi khổ đở mà báo thù chúng nó ». Một lần, Tây về vây làng bắt thanh niên. Bản không chạy, để nó bắt. Thế là Bản đi lính khổ đở từ năm ấy.

Bản và người bạn đi ngắt nương. Cả hai người đều say.

Mỗi lần về làng, anh nào đi lính ngục cũng say khướt. Bỏ ruộng bỏ làm mà đi ăn chơi, đi cướp và làm ác, nhiều người xưa kia hiền lành bây giờ theo Tây cũng hóa ra dữ. Hình như về mà tỉnh thì có phần xấu hổ, nên họ có về làng chơi thì chỉ thường thấy say.

Ính rửa mặt, lấy lãng cơm trên cành mần tang xuống. Hai người lính đã tới nơi. Trên đầu mỗi người đội chèn vành một cái mũ vành to. Hơi rượu và mồ hôi bốc bóng nhoáng trên mặt. Họ bước quệnh quạng, cũng hệt những lính « ba chui » vào làng. Thì cũng là « ba chui », họ không cướp làng này nhưng họ đã cướp bao nhiêu làng khác.

Bản đứng sững nhìn Ính, như lạ lắm. Bỗng Bản cúi lom khom, hai tay quơ ra đằng trước, nói nhí mũi bắt chước giọng Tây nói tiếng kinh:

— Ô con gái. Ô ó...

Cả hai người lính như hóa rồ, cùng kêu oang oang thế. Ính hốt hoảng nói:

— Anh Bản, Ính đây mà, người một làng đây mà.

Bản cười hả hả, gât gât, rồi ưỡn ngực, vất tay lên mang tai, chào:

— Chào cô Ính, tôi không dám hiếp cô đâu. Tôi xin gửi lời hỏi thăm người già cô ở nhà được mạnh khỏe. Bây giờ thằng Bản tôi làm quan rồi, hôm nay quan về xử cái kiện.

Chuyện « cái kiện » ấy, mỗi khi say, Bản vẫn thường hay nói lảm nhảm, nhiều người làng đã biết. Ính liền trêu:

— Quan Bản về xử kiện ai thế?

— Xử thằng đồn Mường Trai lấy mất vợ tao. Lại xử thằng bang Kỳ lấy mất vợ tao. Tao bắt hai đứa bỏ tù, lại bắt nó đền tiền cho tao lấy vợ mới.

Bản gât gương cái đầu. Thấy Ính cười Bản lại nói:

— Cô Ính ơi, thằng Bản nó lại sắp đem tiền đến đưa cho người già nhà cô, người già có cho Bản lấy cô Ính được không?

Ính ngượng, quay mặt, bỏ đi về. Hai người lính say cứ đứng chỉ trỏ, cười hả hả.

Ính vừa trèo lên thang vào nhà, đột nhiên nghe rầm rầm.

Ở ngoài, một toán lính tuần chạy vào làng. Bọn lính này sắp lên càn quét trên vùng núi Mèo, đi qua, tạt vào

làng, tìm người khuôn vác, tìm ăn. Tây trắng, Tây đen, lính ngựa tuần đến đầy nhà tạo bản. Tạo bản không có nhà. Họ đánh trống gọi tạo bản.

Ông tạo On đang mải bữa ngoài ruộng. Nghe tiếng trống ở nhà gọi, ông ngừng người lên, thừ mặt: « Từ sáng đến giờ mới đi được vài đường bữa ! ». Nghĩ thế, nhưng rồi ông cũng phải buông cái bữa nằm chỏng gọng giữa ruộng, ông lên bờ, lật đật chạy về nhà. Vừa đến ngõ đã nghe tiếng hét truyền từ trên cửa sổ vắng xuống:

— Mươi cân gà... Gọi mười cu ly tải... Tạo bản đi lấy cho được, mau lên.

Ông Tạo On lau mồ hôi trán, rồi không kịp nhìn mặt người nói, đã quay lại, lại lật đật đi các nhà trong làng ở rải rác quanh cánh đồng. Tìm... Mươi cân gà... Mươi cu ly... Trời nắng trắng lóa, ông lợi bờ ruộng đi tắt, ngã bì bõm. Trong khi đó, bọn lính ở nhà ông nằm thở, ngủ lãn lóc như chết. Một lũ khác sà sang các nhà quanh đấy. Vào nhà nào, họ cũng hong hộc chui xuống gầm sàn, xục ổ gà, lấy trứng hút ăn.

Trên nhà, Ính không kịp chạy ra rùng. (Mỗi lần có lính vào làng, Ính vẫn chạy trốn). Thăng An cũng vừa vác bữa ngoài ruộng về. Nhưng cũng đã nhiều khi bí quá, chị em vẫn phải trốn quanh trong nhà. Cả nhà thu dọn trốn. Ính trèo lên nấp trên trái gác bếp.

Ông Mờng vợ những váy, áo, khăn vuông của con gái đem giấu nốt lên đấy, không để còn thấy vết đàn bà trong nhà. An thì lấy chăn ra và rên rỉ đắp, giả cách sốt. Chỉ còn một mình ông Mờng ngồi giữa nhà. Ông đun nước uống, bình tĩnh đợi, đợi không biết chúng ập đến

lúc nào. Bên kia ruộng, bên kia ngõ, tiếng hò, hò hét, quát chửi, tiếng gà nhảy kêu táo tác. Ông lẳng lẳng ra trông lại con dao của ông vẫn nhét trong hốc cột, rồi lại vào ngồi uống nước.

Có tiếng chân lập cập lên thang. Rồi ông Tạo On thò đầu lên, tay xách theo cái bu đựng hai con gà. Ông Tạo On rên rầm hỏi ông Mờng: « ... Người ta trốn hết rồi... Nhà còn con gà to nào không ông? ». Không nói, ông Mờng rót chén nước đưa mời ông tạo bản dương hoảng hốt. Ông Tạo On cầm chén nước, ừng ực uống. Có tiếng giảng, xé, tiếng kêu, tiếng giày xô xát ngoài dặng màn tang. Rồi mấy thằng Tây và lính ngục xô chạy vào, trong khi còn tiếng nhọn nhọn ú ở khác chạy ra xa.

Một bọn trèo lên nhà.

— À ông tạo bản. Chỉ có hai con gà này thôi à?

Một mũi giày đá văng cái lồng gà ra cửa.

— Thằng tạo bản chết toi. Muốn đi Việt minh hết à? Cu ly đâu? Thằng già này ngồi làm gì? Bắt nó đi cu ly. Cút ngay, muốn sống cút ngay.

Những cái dấm, đá răng rắc cả nhà cửa đuổi hai ông lão chạy bồ ra thang gác. Ông Tạo On nhặt bu gà, chạy sau ông Mờng.

Núp trên gác bếp, nghe tiếng người rên âm ỉ, Ính tưởng em An giả cách ồm vẫn nằm rên. Nhưng liền đấy lại nghe tiếng quát: « Thằng oắt Thồ sắp chết này, cút nốt đi ». Ính lé mắt nhìn xuống thoáng thấy em chạy ra giữa ruộng. Mùi người lạ, hơi thuốc lá, hơi, hắc bốc lên sực nức ngay bên cạnh làm cho Ính vã mồ hôi. Mà sao vẫn còn tiếng rên khò khè dưới nhà? Lại nghe những tiếng lục cục khuôn vác đồ đạc gì loanh

quanh trên sàn. Ính không dám nhúc nhích, người cứ lạnh ngắt đi. Ính đã nhận ra tiếng ấy là tiếng rên của một người đàn bà nào bị nó chẹn cổ vừa khiêng lên nhà. Rồi rõ ràng Ính trông thấy một bàn tay đen có lông thò lên đầu vách, thò ngay lên bên mang tai mình, trời ơi, nó thò tay kéo cái đầu màn che chỗ nằm. Ính hiểu. Chúng che màn để hiếp người. Hàm răng Ính nghiến chặt, nước mắt, mồ hôi ướt hết hai cánh tay áo.

Không biết là bao nhiêu lâu, đến khi An đứng dưới nhà gọi lên: «Chị ơi! Chị ơi!», Ính mới bàng hoàng tỉnh. Ính bước xuống nhà, trông thấy một cái lẵng cơm rơi ngoài ngõ. Ính hỏi em: «Ai thế?». An nói: «Chúng nó khiêng ra ruộng ba chị. Chị Yên thì nó đem vào nhà ta». Ính lại ngồi nghĩ: chị Yên, chị Yên, chị Yên ơi, khổ chị Yên. Phép làng nói «gái có chồng thì búi tóc ngược, giống như cái nường có người cầm que nhận chỗ rồi». Thằng Tây về xóa cả phép làng. Nó hiếp người nhiều quá. Còn trời đất nào nữa, chị Yên ơi. Chồng chị đi lính khổ đở, để vợ và hai con nhỏ ở nhà. Người ta nói anh Yên ra đóng ở đồn Bực ngoài sông Thao, có lần phải bộ đội Chính phủ đến đánh, anh Yên bị trúng đạn chết. Chị Yên một mình làm ăn hai năm nay, nhưng chánh phía bảo: «Thằng Yên chết rồi. Tục lệ mừng ta, nhà không còn ai đi phu đi lính được thì quan phải thu ruộng lại, bao giờ con mày nhớn, đến tuổi đi lính, đi phu được thì tao lại chia trả cho mẹ con mày phần ruộng». Rồi quan mừng chánh phía thu mất ruộng của chị Yên. Từ đấy, ba mẹ con đào mài, đào măng tìm ăn từng ngày. Khổ chị Yên!

Bọn lính dưng dưng kéo lên càn vùng Mèo trên núi, như một trận gió giạt xoáy qua đấy. Mãi đến chiều,

mà quanh cánh đồng vẫn chẳng nóc nhà nào có khói cơm. Cối nước giã gạo ngoài suối cũng bật tiếng. Người còn tan tác đầu dây chưa về.

Hai chị em Ính ngồi lặng. Tối cũng chẳng thấy bố về. Có người đến báo : ông Mừng đã bị bắt đi phu lên vùng Mèo. Không biết ông đi được hay chết giữa đường rồi? Một con bìm bịp rúc gọi bóng tối, tiếng kêu rơi xuống, buồn thảm. An trông ra, thấy trời đùng đục, nói :

— Chị ạ, quân Tây đi phá làng Mèo sẽ còn về qua đây thì chắc không ai dám ở nhà ngày mai. Ruộng của bố cày cũng chưa xong. Trời này mà mưa xuống thì mạ hỏng hết. Chị bảo làm thế nào?

Ính nhìn em : thẳng bé sớm phải lo, người đã gãy nhom. Nghĩ mà thương nó.

— Bữa nốt ngay đêm nay, em ạ.

— Em không làm hết nổi.

— Tao làm.

— Chị biết bữa thế nào!

— Tao chỉ đi vài đường thì quen tay.

— Đàn bà đi bữa, người ta cười cho.

— Còn hơn ngồi chết đói.

Đàn bà Mường Giôn xưa nay chỉ biết cấy, gặt, dệt vải, khâu chăn, áo và đi chợ sắm Tết, không ai biết cày biết bữa. Nhưng lúc ấy, Ính nghĩ : « Không trâu thì bò cũng làm được, có gì mà không biết, chẳng sợ ai cười. Khi tản cư ra Mường Lũng thì ta cũng như chị em ngoài tự do, làm ruộng như đàn ông, chẳng thiếu việc gì ».

Rồi ngay lúc ấy, em đi mượn trâu, còn Ính thì đến hỏi thăm chị Yên. Chị Yên chỉ nằm khóc. Ính không biết nói thế nào cho chị Yên khỏi khóc. Mà ngồi đấy

thì Ính lại càng trạnh nhớ, càng thương chị Mát, Ính cũng đến khóc mất. Ính phải về. Ính gặp Bán và người bạn đương cùng cùc đi lên đờn. Họ đi nhanh lắm, không còn say, nhụng nhặng như ban trưa nữa.

Lúc nầy, khi linh tuần vào nhà, Bán phải đưa thể linh của mình cho chúng nó xem. Mặc Bán ngồi chầu hầu, chúng cứ xục xạo lung tung ngay trong nhà ông Tạo On. Đến nỗi lúc họ đi khỏi Bán vẫn còn mở to mắt, ngạc nhiên, ngờ ngác. Rồi bảo bố: « Chúng nó làm ác nhiều thể này, không ai còn sống được nữa ». Bán đã có làm ác thể ở các nơi. Nhưng dường như chưa bao giờ Bán tự thấy. Bây giờ Bán ngồi trông bọn linh tuần vào làng lục lợi, khiêng người ra ruộng hiếp, nó lại tìm húp trứng gà của nhà mình, đánh chửi bố mình, Bán uất ức, kinh sợ, kinh sợ cả mình. Bán đội mũ, Bán đi. Người bạn say cũng ngờ ngác đội mũ, đi luôn.

Ính gặp họ. Không anh nào ngẩng mặt lên nhìn Ính. Đột nhiên, Ính cảm giận hai đứa không nên người ấy, Ính gọi:

— Anh rề ơi, đứng lại em hỏi nào.

Rồi Ính nhieéc:

— Em tưởng anh đi linh cho Tây để giữ cửa, giữ người cho làng, mà sao anh để Tây vào làng lấy cửa, lấy người khổ hại thể này à?

Hai người lúi lũi đi, không biết trả lời sao.

Đêm ấy, chị em Ính ra đồng bừa suốt đêm, xong cả hai tràn ruộng. Vừa sáng thì đem giã trâu, cắt bừa, rồi chị em chạy trốn vào rừng. Nhiều người lúc ấy cũng quẩy đồ đạc chạy. Họ sợ hôm nay linh lại về qua.

Ông Tạo On — chỗ mạng mỡ bị Tây đá còn đau, — ông tập tễnh ra đầu làng, đứng giơ tay, nỉa cản mọi

người, nửa phàn trần. Nhưng ai cũng mãi miết chạy, không ai đứng lại. Ông van nài:

— Chạy đâu mãi thế kia, thôi thôi làng ta mà không ai nghe Tây bảo về tập trung Mường thì nó còn giết chết hết đấy.

Một người quay lại nói:

— Ở thế này nó còn đến cướp, nữa là phải quay làng ngay cạnh nách nó thì đến cái váy Mán cũng mất nốt.

Người khác nói:

— Về Mường lấy dầu ra ruộng làm, ăn thịt nhau mà sống à?

Ông Tạo On vẫn rên râm: « Nó giết chết hết... ». Mọi người vẫn chạy qua, mặc ông trưởng thôn nhăn nhó, than thở.

Rồi cả một ngày hôm ấy, cánh đồng và trong làng im phăng phắc.

Vừa đến chiều, bọn lính từ trên Mèo trở về. Nhưng họ đi thẳng, không vào. Không hiểu tại sao. Người đứng trong rừng thở dài một tiếng, xách túi gạo ra.

Người đi phu vác đạn lên làng Mèo cũng lác đác về, đến quá nửa đêm mới về hết. Cả làng nhộn nhạo, trò chuyện, bàn tán, hỏi thăm, đi đón người, rậm rịch suốt sáng. Chuyển này không ai bị chết, nhưng có nhiều người toạc trán, xây sát, chảy máu chân, tay.

Ông Mờng phải đeo sáu quả đạn moóc-chi-ê đi vào làng Mèo. Người Mèo chạy hết rồi. Một lính cướp được hai thùng ngô, nó bắn luôn cả sáu quả đạn nọ rồi bắt ông gánh hai thùng ngô về. Ông đi không nổi. Nó đánh gậy vào đầu gối ông, đẩy ông ngã nằm giữa dốc núi.

Hai con ông tất tả đi tìm đón, mãi đến khuya ông Mờng mới lẻ được về đến nhà. Đầu gối xưng vù, nhưng ông Mờng không rên, cũng không nằm. Cả đêm tỉnh táo, ông vanh vách kể chuyện với các người đến hỏi thăm :

— Tôi được mắt trông thấy người Mèo đứng kia mà Tây không làm gì nổi. Tây đuổi thì người Mèo lăn đá, bắn súng, bắn tên thuốc, cả Tây cũng phải chạy bỏ ông bỏ bà. Đến lúc bắn được súng to lên thì người Mèo đã tót lên rừng rồi. Người ta bảo anh em Mèo có nhà ở rừng làm nương bí mật sống với cán bộ đấy.

Ông Tạo On lắc đầu :

— Người Mèo có rừng sâu, có núi đá, ta ở ruộng, nó đuổi chạy vào núp trong cái bụi cây bằng bàn tay ở chân núi kia thì chỉ biết chết thôi chứ còn chạy đi đâu.

Một người nói :

— Ông này làm việc cho Tây nên lúc nào cũng chỉ biết sợ Tây.

Ông Tạo On thở dài, chửi :

— Thăng chết toi này, tao làm quan [mà không được một người dân về hầu ; thóc của dân đóng cho tao ăn thì cho con chuột ăn cũng hết nửa ; chức việc tao bản cũng chỉ như con muỗi bậu dưới chân quan phía, quan châu. Ba thằng con tao đi lính, thế mà lính còn về phá nhà tao, đánh tao. Nó làm thế, bảo tao không phải sợ à ?

— Ông sợ thì ông về mừng một mình. Lần này, dân không ai nghe ông dụ dỗ về với Tây như ở Mường Lùng về nữa đâu.

Một người khác nói :

— Mặc kệ nó. Qua mùa này đã, về tập trung bây giờ thì không chết đánh cũng chết đói.

Ính đến nói cho chị Yên nghe chuyện của bố kẻ : làng Mèo rất gan dạ, Tây đánh, làng Mèo đánh lại Tây, không sợ. Ính nói : « Vì người Mèo có được cán bộ về bảo làm việc tốt ». Yên khóc : « Bao giờ cán bộ đến với ta, Ính nhỉ ? ».

Dù thế nào, người ta cứ dùng dằng không muốn rời ruộng, rời đất. Không ai bảo ai, nhưng đều nấn ná không đi. Đợi nghe xem sao đã.

Rồi trong cánh đồng, những ruộng cao, chạ nước về, cũng đã cấy nốt mảnh mạ cuối cùng. Đâu vẫn ở yên đấy. Cũng nhiều lúc lo, muốn về ở tập trung cho xong. Nhưng lại nhiều khi, nhất là những lúc nghe chuyện các người đi phu về kể trên vùng người Mèo đang lập du kích đánh Tây thì lại nghĩ như nếu có cán bộ đến tất cũng sẽ có nhiều cái đổi khác đến cho mình, lại đợi.

Một hôm, có người Dao bên làng Phàng Chải sang bán cá. Những làng Dao, làng người Xá ở ven suối Nậm Giơn, không có ruộng, quanh năm chỉ sống trông vào dòng nước, chuyên đánh cá mang vào bán đổi thóc cho các làng Thái trong cánh đồng.

Người Dao ấy hỏi ông Mờng :

— Thế Tây không bắt làng ta phải quay về mừng à ?

Nghe câu hỏi lạ tai, ông Mờng ngờ ngợ. Người trong làng vẫn coi thường người Dao, tưởng họ chỉ biết có nướng cá. Nhưng lại cũng từ ít lâu nay thường nghe đồn có cán bộ đến các làng Dao ngoài suối. Ông Mờng nói ướm :

— Làng tôi ở đây Tây bảo không phải quay. Các làng bên ấy chờ dò cho cán bộ thì Tây mới bắt phải quay làng.

— Chẳng chờ cán bộ thì nó cũng bắt quây ở thành đám, để nó muốn dễ ăn cướp cá của người Mán thôi. Nhưng chúng tôi đã có cách đối lại. Trong làng cũng nên làm thế. Không nên bỏ ruộng. Nó giục đi thì khát. Nó dọa bắt về ở chân đôn, ta cứ kêu xin. Sau nó cũng phải chịu. Phường Mán vẫn ở bờ suối đánh cá, không chết đói được.

Nhiều lần sau, ông Mờng đi kể lại câu chuyện người Dao ấy đã kể. Ai cũng cho thế là phải.

Tháng mười, mây trắng cao che đỉnh núi người Mèo. Cảnh đồng đương gặt đồng.

Ngày ngày lại trông thấy linh kéo lên cướp mùa gặt của làng du kích Mèo trên núi. Hàng trăm dân các làng đi phu mang bò, mang gánh theo, ngày nào cũng cướp về hàng đàn lợn, bò, ngựa, từng gánh vác áo, lại bắt cả người giải về.

Đòng dã, ngày nào cũng thế.

Giữa trưa, nghe trống tào bản gọi người làm đồng về. Mọi người về thì thấy linh đã đứng trong làng đợi lấy phu. Nó chọn năm người khỏe nhất, bắt vác năm khiêng đạn đi cùng với mấy chục người các làng khác, lại lên càn quét làng Mèo.

Lên đến lưng núi, nghe trên cao có tiếng trống thúc. Tiếng trống mặt da bò tót và tiếng thanh la chỉ đánh khi làng Mèo có đám ma, những tiếng ghê rợn đùng đùng nổi giữa núi. Trong đám phu có người kêu lao xao :

— Ta gặp điều gở rồi. Thế nào cũng có du kích Mèo nằm trên kia. Đi nữa thì chết. Chạy về thôi.

Lập tức, người vút đạn, vút quang gánh chạy cả xuống khe núi. Linh bắn theo, nhưng không kịp. Linh phải trở về.

Đương cơn tức giận trở về, linh ủa vào làng. Từng xóm bị dồn lại, bắt lập tức dọn về tập trung. Tiếng kêu nổi lên: « Bỏ ruộng thì chúng tôi chết đói. Cho chúng tôi gặt xong ». Không nghe, không tha, chúng làm mọi người phải khiếp sợ.

Thế là các lán thóc trong ruộng bốc cháy. Hàng đàn trâu trúng đạn, linh đem thui ăn tại chỗ, còn bao nhiêu thịt gánh nốt về đồn. Hai ngày khói đốt thóc cháy mù mịt, tiếng người xót của kêu khóc trong cánh đồng. Quan bang Kỳ về từng làng, dọa: « Việt minh đã về đến trên núi rồi. Chúng mày phải đến ở quanh đồn để các quan che chở cho. Không bảo được thì các quan giết hết ». Tiếng khóc lại eo óc nổi lên, giặc lại dọa đốt nhà, nếu nhà nào mai chưa dọn. Rồi quan Ba cho đem bốn người Mèo mời bắt được trên núi, đóng cọc trời giữa ruộng, bắn chết. Có giấy bắt tạo bản các làng áp tải người đến xem!

Thế là các làng đành dọn về ở tập trung quanh đồn...

Giữa trưa, nắng xa, từ ngoài suối kéo đến một đám người Dao. Trước tưởng là làng Dao vào cướp làng Thái, người ta bỏ lung tung tán loạn, cả những đồ đạc đương xếp dọn.

— Trời ơi! Lại người Mán đến cướp của!

Đám người Dao gọi to:

— Chúng tôi đến giúp anh em đây.

Một số người đương chạy, đứng lại:

— Đứng rồi. Anh em người Mán đến giúp ta.

Cả làng trở lại. Anh em Dao lại vác cả «vi» xuống. Họ nói: « Chúng ta đến mang dọn dỡ của cải cho anh em để Tây khỏi cướp mất. Làng Mán chúng tôi đã biết

qua cái khở này vài lần rồi ». Cái « vì » to trên lưng mỗi người Dao chất ninh, nôi, bát, cối gỗ, siêu nước, chiếu báng, dầy lù lù. Họ dọn về chỗ bị bắt ở tập trung. Ở đấy, linh đồn đã xuống chằng dây cắm sẵn chia thành từng khu cho làm nhà, lập làng.

Những lán thóc cháy dở vẫn âm ỉ khói giữa đồng. Người ta còn cố bới xem có sót được cum thóc nào chưa cháy không. Ngày mai là ngày cuối cùng phải dỡ hết nhà về chỗ ở mới. Anh em Dao đã ngủ lại và canh nhà cho.

Bố con ông Mờng quần quật dọn suốt ngày. Nhà đã rỗng không. Xưa nay có bao giờ tự đứng lại dọn nhà đi, mấy đời làng cũng không có bệnh dịch, nay bị ức bị dồn đuổi, phải bỏ đất nhà mà đi.

Hai mắt cô Ính đỏ hoe, mọng nước mắt. Cô khuôn nốt trên gác bếp xuống mấy cái ống vầu đựng hạt giống rau cải.

An đi cỡi cái mỗ trâu treo cột nhà.

Nhà này, nhà sàn cột kê, đã mấy đời nhà ông Mờng ở. Sáu cái cột gỗ nghiêng, cửa bức hàn, con tiện chạy suốt hai dọc mái hiên. Khi còn trẻ, ông cứ hàng năm đi lấy gỗ rừng nghiêng, rồi đón thợ người Kinh tận dưới xuôi lên làm, hơn hai năm mới dựng xong được khung nhà. Bây giờ dỡ về ở tập trung, thật không còn biết thế nào. Phải thẳng linh ác đi tuần, tìm dưới sàn mà không ra một quả trứng trong ổ, nó điên tiết chỉ phóng cho một mối lửa là cái nhà đi đời. Một chiếc cột gỗ nghiêng kia, ông Mờng đã theo bố một tháng lùng lùng mới thấy...

Ông Mờng ngồi nhớ lại từng ly từng tý, càng nghĩ càng thương sáu cái cột gỗ nghiêng. Chưa bao giờ ông

thấy lắm khủng khiếp, lắm cướp của giết người như bây giờ. Nhưng, thời kẻ cướp này rồi cũng như cơn mưa qua đi, để cho người ta đi chợ, làm nhà, con cái cưới xin. Phải, rồi cũng lại đi chợ, lại làm nhà và nấu rượu uống, chẳng nhẽ cứ thế này mãi để thằng Tây giết hết giống người sao. Phải, có lúc rồi sẽ bình yên... Nghĩ như thế, ông Mờng bàn với con gái:

— Tao nghĩ ra rồi, cái kèo cột gỗ tốt này ta cất đi. Đến chỗ làng tập trung làm một túp nhỏ ở tạm, ở tạm thôi. Mà chưa biết có khi chỉ độ ít lâu lại được về làng đấy, con ạ.

— Tây nó biết ta giấu cột gỗ tốt, nó tìm lấy đi làm đòn thì hoài của.

— Không, phải giấu kín, giấu ngay. Được rồi, ta nhờ anh em Mán. Anh em còn ở đây giúp dân ta đêm nay.

Đêm ấy, nhiều người dỡ nhà. Không hện mà nhiều người đã nghĩ giống như ông Mờng, họ đem cất cột gỗ và sà ngang, dui mè tốt dìm xuống ruộng bùn, dưới ao cá. Nhà ông Mờng có hai anh người Dao đến dỡ và xếp dọn hộ.

Trời tối, ngồi trên nóc nhà dỡ mái. Không ai thấy mặt ai. Ông Mờng hỏi:

— Hai anh ở Phàng Chải hay ở Nậm Giơn vào?

— Tôi là người bán cá hôm nọ nói chuyện chở đồ cho cán bộ đấy mà.

— Ở ngoài ấy có cán bộ đến giúp cho giỏi rồi.

— Ông Mờng đã trông thấy cán bộ chưa?

— Chỉ mới được nghe người ta nói. Nay nhưng mà có lần tôi đã trông thấy du kích.

Rồi ông Mờng kể chuyện cái lần di phu cho Tây lên càn quét vùng Mèo. Ông kể say sưa, tỉ mỉ, nhiều lúc ông làm hiệu Tây chạy, Tây bò, như thật. Trong bóng tối hai anh người Dao không trông thấy, nhưng họ lắng lạng lạng và nghe. Thỉnh thoảng họ đối đáp ngắn với nhau một câu tiếng Dao.

Ông Mờng nói hết chuyện ấy, đến lượt anh người Dao kể cho ông nghe chuyện đại đội Kim Sơn của ta đánh cho Tây thua liểng xiểng ngoài Mờng Lũng.

Nghe xong, ông Mờng ngẩng lên, dấm cái lưng đau ề ầm. Mắt ông nhìn lên một vòm trời lốm đốm sao. Ông nhớ lại những ngày gian nan, nhưng mà thanh thoi, ở ngoài Mờng Lũng. Ông thở dài:

— Nếu có cán bộ về giúp thì chết cũng không sợ.

Anh thanh niên Dao nói:

— Phải đấy, ông Mờng ạ.

— Những lúc khổ như thế này, ước gì chúng ta gặp được cán bộ.

— Ông Mờng ạ, tôi ở bờ sông vẫn thấy cán bộ qua sông luôn. Nếu ông muốn thấy, hôm nào tôi sẽ nói với cán bộ rằng trong này muốn gặp cán bộ.

— Thật đấy.

— Nhưng phải giữ bí mật.

— Được rồi. Bảo thế tôi cũng thế.

Dỡ nhà đến gần sáng, áo người nào cũng ướt sũng sương. Rét run cầm cập, mà không ai dám đốt lửa sưởi. Người ta sợ Tây thấy lửa đêm, nó bắn súng đến. Họ cứ nói chuyện cho quên lạnh. Câu chuyện lo và lại mong đợi một sự đổi thay trong lúc khổ hại này càng khiến họ suy nghĩ quên cả rét buốt. Họ lần lượt dỡ mái, đào cột,

khuôn dui, mè, thang cửa. Họ đã ngã được cả sáu cái cột, khiêng đi bỏ xuống ao cá rồi khuôn đá lên đim cột vào bùn.

Xong xuôi rồi, không đợi sáng, cả hai anh người Dao cùng trở về làng từ lúc còn tối đất. Ông Mờng, chị Ính giữ họ lại ăn cơm, nhưng không ai ở. Họ nói: « Ở đây đến sáng, Tây đi qua mà biết chúng ta đoàn kết thế này, nó hại ta đấy ». Rồi họ đi.

Ông Mờng đuổi theo, hỏi:

— Tên anh là gì?

— Dầm.

— Còn tên anh này?

— Nó là thằng em tôi.

— Anh Dầm nhớ hôm nào đưa cán bộ vào cho tôi hỏi chuyện. Tôi không sợ, tôi biết bí mật.

— Ông nhớ đấy.

Trời vừa bình bịch, rồi trời sáng.

Như có phép lạ, chỉ một đêm qua mà tất cả những nhà to trong làng đã biến hết.

Bao nhiêu tre nứa, giang thừa, ông Mờng và hai con gánh về chỗ tập trung, làm một cái nhà nhỏ. Xung quanh làng xóm cũng làm rất một lớp nhà nhỏ bé thế. Mỗi nhà một túp, cả làng chi chít sát nhau một dãy. Thôi thế là Mường Giôn bây giờ chẳng còn là Mường Giôn ngày trước, những người già đứng nhìn nhà cửa tạm bợ, rách, bẩn, bảo: « Bản mường đâu mà thế này! Phải năm núi lở sông cạn thì đem nhau đi ăn con sấu, ở con buồn thôi, chứ không phải bản mường ta đây ».

Các làng đã về ở tập trung hết dưới chân đồn.

Ính đi dọn đỡ nhà cho chị Yên. Ính kể cho chị Yên nghe những chuyện buổi đêm các anh người Dao vừa nói:

— Chị Yên ạ, ngoài Mường Lũng có đại đội Kim Sơn về đánh được Tây nhiều lắm.

— Đại đội Kim Sơn ở đâu?

— Chính phủ mới cho đại đội Kim Sơn vào.

Ính vừa nói thế, tự dưng chị Yên bưng mặt khóc:

— Em ơi! bao giờ thì đại đội Kim Sơn vào đến Mường Giôn ta?

Ở làng tập trung gần đồn, lúc nào cũng rộn rịch, táo tác, không yên. Lúc nào nhìn ra ngoài cửa sổ cũng thấy xôn xao người đi rào làng, có lính đi trước, lính đi sau kèm gọi. Hai người đàn bà đương đi, chợt quay nhìn nhau. Ính cũng thấy mình rưng rưng muốn khóc.

Mới bảnh mắt, dưới cửa sổ, bọn đồng đã quát gọi thêm người mang tre rào làng. Từ các nhà, đàn ông bỏ cả cơm sớm đương ăn, chạy ra, ngơ ngác, tay còn vè nắm cơm xôi, vừa đi vừa nhai vội.

Ông Mờng cũng phải bỏ cái lạt đương buộc chân cột nhà, chạy ra vác hai cây tre đi làm bờ rào quanh làng. Tây đồn bảo: « Rào làng nhanh lên, không có Việt Minh vào cướp hết cửa ». (Không ai tin, vì người ta chỉ thấy đồn, thấy lính đi cướp cửa). Ông Mờng tất tưởi vác tre, lầm bầm: « May chỉ nói đặt chuyện ». Được rồi, thế nào đại đội Kim Sơn cũng vào đây. Những chuyện tốt đã nghe càng ngày càng nhiều, nghe nhiều thì phải sắp đến rồi.

Từ lộ cốt đồn Mường Giôn, tiếng trống đồ hồi. Trên các trạm gác mới làm ở đầu các làng mới, tiếng trống

cũng lần lượt đổ theo. Đây là tiếng trống báo sáng cho phép các làng giương cánh công lên, thả người ra làm đồng và cho người đi nộp thuế, đi làm công hầu quan, đi phu đồn quấy nước, vác tre, nung vôi, xẻ gỗ, tải lương, cứ từng đoàn từng toán lên châu chực đầy cửa đồn. Một lúc sau thì cái chợ và cái sông bạc của Tây đồn cho ông phía (lý trưởng) đứng ra thâu, mới mở giữa làng, cũng bắt đầu nhộn nhịp.

Chợ chỉ toàn người đói đi đổi chác. Người Dao vào đổi cá lấy thóc. Những người các châu dưới, ở Phù Yên, ở châu Mộc hay châu Mường La, hoặc người trốn phu trốn lính lên đây, hoặc người bị Tây ngờ « theo Việt Minh », nó đày « biệt phương » lên đây; những người ấy không có ruộng, đi ở không công thì không có chỗ, bây giờ đi đào mài, đào măng, bán váy, áo, bầu con, có khi đi ăn trộm gạo cối, gạo kho, đi la liếm ở chợ kiếm sống từng bữa. Chợ chỉ ngồn ngàng những người khốn cùng ấy. Một cái « vì » nặng đầy ngô mà nói lạy van mãi mới đổi được hai chén muối của mục vợ lính, chồng mục vừa trộm được của kho muối trên đồn. Người Dao vốn hiếm con, những người Dao hiếm con cố đeo đến chợ một « vì » ngô, đã mua được một đứa bé năm tuổi của người Mường ở châu dưới vừa bị đi đày « biệt phương » lên đây.

Bên cạnh cái chợ người đói là sông bạc.

Chủ nhật, nhà sông bán hàng, làm phở, bánh rán, có lính xuống uống rượu, đánh sóc đĩa, đánh nhau. Bọn vợ lính kéo vào chơi ít xì. Trẻ con đến sông đánh bắt, hút thuốc lá.

Nhà sông có cửa hàng bày bán xà phòng, các thứ đồ tạp hóa kim, chỉ xanh đỏ, nước hoa, gương lược, vải,

thuốc lá, toàn hàng Mỹ, hàng Tây sắc sỡ bày xen lẫn giữa từng đồng ninh, nồi, bát, vòng tay, vòng cổ, áo Mán, thùng gỗ thông của người Mèo, — những thứ này của Tây đồn và lính, mỗi lần đi cướp được lại đem về gửi nhà sòng bán. Cũng thỉnh thoảng. Khi đi cướp phá, cần quét về, quan Ba lại bắt nhà sòng dẹp hết hàng đi vài hôm, để bày ra chỗ quày hàng mấy cái đầu người và những cái tai người bê bết, xin đen máu me, bảo là « cái đầu, cái tai Việt Minh » chúng vừa cắt được trên núi ; chúng muốn làm khiếp đảm mọi người.

Sớm ấy, sòng bạc chưa mở cửa, đã thấy Bản đến lách phen vào. Hôm nào chẳng vậy, từ gà gáy, Bản đã không tài nào ngủ được, chỉ nằm đợi trống báo sáng, thế là mắt nhắm mắt mở Bản chạy xuống nhà sòng, mua rượu uống.

Bản mãn linh về đầu năm nay. Bản mãn linh, sau một chuyến hút chết, Bản mất một cái gân tay, không cầm được súng nữa, Tây nó thả Bản về. Nguyên là giữa Tết năm ngoái, có một toán lính được đưa ra đóng thêm ở đồn Phố Lu ngoài sông Thao. Bộ đội ta về tấn công phá tan đồn Phố Lu. Trong trận ấy Bản phải một phát đạn xuyên qua cánh tay. Từ đấy, một tay trái của Bản không còn giơ lên được.

Bản về làng. Bọn chức việc trong làng cứ chiếu lệ làng rằng người tàn tật, cũng như con gái, đàn bà góa, trẻ con, không đi phu đi lính được thì không được phần ruộng của làng chia. Bản tức quá, chửi chúng nó. Nhưng chửi cũng không ra ruộng. Bố Bản chỉ là một ông tạo bản bé nhỏ, chẳng xin, chẳng cướp nổi cho con được mẫu ruộng. Không nhẽ chịu đói, hay là đi ăn trộm gạo ngoài cối nước đem ra chợ bán ? Tay thì hỏng

rồi, không làm gì được. Bàn nghiên răng, nói: « Lần này tao đi xin việc Tây đồn, nó không cho tao việc thì tao đâm cổ tao chết ». Tây đồn bảo Bàn sang xin với quan bang. Bang Kỳ cắt cho Bàn việc giữ kho lúa của dân phải tập trung ở sân nhà quan châu.

Ít lâu sau, Bàn lại được kiêm việc nhận đồ tiếp tế hàng ngày của các làng nộp cho đồn, cho châu. Hàng ngày Bàn được ăn thịt, uống rượu của dân đút cho cai tiếp [tế. Bàn say liên miên, không thiết gì, không biết gì nữa.

Lúc ấy Bàn chui trong sòng bạc ra, đương lão đảo ngất ngưỡng đi ra thì gặp ông Mờng vừa vác tre rào làng về, đã lại tất tả đánh trâu ra ruộng. Bàn chấp tay lạy ông Mờng rồi nói:

— Bố ơi! Bố đừng ra ruộng, bố đánh trâu về thôi.

— Có việc gì thế, con rề ơi?

Ông Mờng hỏi Bàn, bao giờ cũng thế, vẫn thân thiết như ngày trước. Người già hết nước mắt rồi không khóc được, chứ ông xót xa con gái ông bao nhiêu thì ông cũng vẫn bấy nhiêu thương thằng Sạ, thằng Bàn, đưa khỏe mạnh, đưa thì tốt nốt.

— Bố lại sắp đi phu.

— Lão nào, tao vừa đi phu tải lương mười ngày về, chưa kịp thay áo đầu mà.

Bàn lại vái ông Mờng mấy vái:

— Lạy bố, con nói cho bố nghe: chuyện này thì cả người sống người chết ở Mờng Giờn đều phải đi phu một năm, bố ạ. Vì thằng Tây sắp làm đồn trên núi Lạn Phạ. Nó bảo Việt Minh « người kinh » đánh đến đồn Nghĩa Lộ ngoài Mờng Lò rồi. Đất Mờng Giờn này có

nhiều của nuôi Tây, Tây phải làm thêm đồn mà giữ lấy, không cho Việt Minh đến được. Giầy bắt phu đã chạy về làng từ hôm qua, mắt tôi trông thấy phu chạy thur về các phía, bố ạ.

Không nghe thằng say rượu, ông Mờng sợ mất buổi làm, ông cứ tất tả đánh trâu ra ruộng. Từ khi về ở tập trung, khổ nổi vẫn phải làm ruộng xa tận làng cũ, mỗi sáng trống báo mở cổng làng mà đánh được con trâu đến ruộng làm thì nắng đã lên cao. Phải như ngày trước thì lúc ấy đã làm một đổi lâu, lại thả được trâu chơi rồi.

Ông vội vã mắc cày, vừa đi quanh queo được vài đường, quả nhiên, thấy tiếng trống tạo bản gọi dân đã dồn dập nghe khắp các đầu đồng, đuôi đồng.

Có cả tiếng trống của phía gọi tạo bản đánh từng hồi dài. Lại cả trống trên châu cứ nện năm tiếng một. Một vùng trống khua inh ỏi, sòi nổi. Thôi lại có việc to, việc khổ đây. Có lẽ thằng Bàn say rượu lúc nãy nói đúng. Ông Mờng chép miệng, tháo cày, uể oải đánh trâu về.

Cánh đồng cày mùa đương rộn rịp, bỗng vắng ngắt.

Ông Tạo On đánh trống xong, chưa thấy ai đến, phải đi gọi từng nhà. Từ khi làng về ở tập trung, việc tiếp tế các thứ cho đồn nộp được đúng ngày, phu không thể trốn và con gái trong mường nhiều người đã phải ra lấy lính, lấy Tây thì ông Tạo On không bị Tây đồn đánh, dọa bỏ nhà pha lần nào nữa. Nhưng dân làng thì càng ghét và chửi rủa tạo bản. Quan dọa, ông sợ. Dân chửi, ông ấy cũng sợ. Lúc nào ông cũng run rẩy, xanh xám.

Thấy ông Mờng đương rửa cày, ông Tạo On đến rí tai :

— Ông ơi, đàn ông trong làng chuyển này phải đi hết đấy, cả hai bố con ông cũng phải đi.

— Đi hết thì bỏ ruộng ai làm ?

— Cố cho qua cơn này, ông ạ.

— Cố làm mới no, chứ cố đi phu thì chỉ chóng chết. Nhất định tôi không chịu cho thằng An đi, chết thì chết.

Ông Tạo On thở dài, ngơ ngẩn :

— Chết ai chưa biết, chỉ biết tôi, ông Mờng ơi !

Ông Mờng tức quá, ông hăm hăm nhểc :

— Ông làm quan bản tỉnh thoảng ông cúi mặt chịu vài cái đá, cái đánh thì cả họ Lò nhà ông không phải đi phu mà, ông nhục lắm. Ông chết đi cho xong.

Ông Tạo On không biết nói thế nào, và ông cũng nổi giận. Thân tình với nhau như ông Mờng mà cũng không hiểu, cũng nỡ nói ông như vậy. Ông lại lập cập xách gậy đi gọi từng nhà. Nhưng ông vẫn đề ý nghĩ về ông Mờng. Lâu nay, ông đề ý thấy có người lạ, có người Dao hay đến nhà ông Mờng. Lâu nay ông Mờng ăn nói bướng cứng hẳn lên. Ông Tạo On sợ. Nghĩ xa xôi, ông càng sợ.

Ông Mờng về bàn với con gái :

— Một mình tao đi thôi. Thằng An ở nhà. Chị em mày ở nhà bảo nhau mà làm. Mày nghĩ phải lắm. Không sợ xấu hổ gì, mày cứ đi cày, đi bừa cho tao. Mùa này nữa mà không được hạt cơm vào bụng thì chết cả.

Ngoài đường đã thấy người đến tập trung. Nhưng ông Mờng chưa đi. Ông cố ý đợi anh Dầm ngoài Phàng Chải

mà ông đoán nếu Dầm nghe tiếng trống bắt phu trong này Dầm sẽ vào. Dầm đã hẹn với ông thế. Hôm nọ, Dầm vào chợ bán cá, ông Mờng bảo Dầm:

— Anh ơi, chúng tôi trong này khát nước lắm đấy. Anh bảo cán bộ cứ đến. Có đưa người Thái làm quan theo Tây, có đưa đi lính cho Tây, nhưng không phải ai cũng theo Tây. Đừng nghĩ không tốt cho người Thái. Bố con tôi không biết phản bội đâu. Chúng tôi khát nước lắm rồi.

Anh Dầm ghé tai ông Mờng:

— Cán bộ đến rồi đấy.

— Đâu?

— Cán bộ đến làm nhà dỡ nhà, giúp ông đấy. Người đi với tôi đêm ấy. Không phải em tôi đâu.

— Trời ơi!

Dầm lại bảo ông cách giữ bí mật, lấy tin, xem xét người tốt. Rồi Dầm hẹn vài hôm Dầm lại vào.

Đã đến quãng ngày Dầm hẹn vào đây, Dầm vào thật. Lát sau, Dầm đeo «vi» dựng cá bước lên nhà.

— Đi phu đâu mà trống gọi nhiều thế, ông Mờng?

— Đi làm đồn Lạn Pha. Tôi đương đợi anh đây. Làm thế nào bây giờ?

— Các làng chúng tôi ngoài suối chuyển này cũng phải đi phu. Cứ đi rồi ta xem lúc nào bỏ chạy được về là chạy thôi. Như năm trước làng ta đã chạy phu một chuyến ở trên núi ấy. Không chạy được thì bảo nhau làm lười, làm hỏng. Các làng chúng tôi cũng đã dẫn nhau làm thế cả. Thôi, tôi còn vợ đi, cứ làm thế, ông Mờng ạ.

Dầm đi ngay. Các tổ trung kiên trong các làng khác đang chờ Dầm đến liên lạc đưa kế hoạch của cán bộ cho.

Ông Mừng bỗng hăng hái, ra đường, đứng vào đám người đợi đi phu. Ông nói bô bô, giơ tay chỉ trỏ, nhiều người xúm lại nghe ông. Họ càng làm náo động hơn.

Cuộc bắt phu làm cho suốt ngày hôm ấy làng xóm náo động. Từng toán người cứ kéo đi lại kéo về loanh quanh. Đã rĩ tai nhau cùng làm như thế rồi. Không có lính đồn về thúc mà chỉ có trống thúc thì ai cũng cố dùng dằng uống rượu, gói thêm com, đèo thêm ít gừng. Đứng tụ tập nghe ngóng, chuyện một lúc, chưa thấy gì, lại ai lẻ tẻ về nhà nấy, cố đợi trống thúc lần nữa lần nữa mới lại lò dò ra đường. Ông Mừng bảo: « Bao giờ có người đến gọi tận tai mới đi. Com nhà việc thằng Tây, tội gì mà cố ». Từ các ông chánh, phó phía, các ông tuần quản, ông sen làm việc trên mừng cho đến trong làng, các ông tạo, ông sự, ông đồ, các ông chức việc trong làng, kẻ cưỡi ngựa, người xách gậy cứ chạy tối mắt. Dồn, đuổi, đánh, kéo co từng người, từng bọn. Cuối làng, tiếng hò hét, chửi đánh nhau túi bụi. Đẳng kia, một toán người không có lính ớp, lại lui về.

Cho tới chiều hôm ấy, mới chỉ tổng được một số phu lên nốt trong đồn. Thế là cũng dằng dai hết một ngày.

Ông Mừng đi trong đám phu đi sau cùng ấy. Trước khi đi thật, ông dặn lại con gái:

— Chị em mày ở nhà cày nốt ruộng, còn bữa thi đợi nước, đợi bố về làm cho.

Thằng An, cả ngày vẫn nằm trốn phu trên gác bếp, bấy giờ mới thò đầu xuống nhìn bố, rồi « ừ » một tiếng.

Hai chị em linh kính suốt đêm ấy không ngủ được. Mỗi lần bố đi phu chị em lại ngơ ngẩn mấy ngày.

Làng đêm, nhiều người đi phu vắng, trống trống, buồn bã. Đêm dài, tưởng không bao giờ lại thấy sáng.

Nhưng rồi tiếng trống báo sáng cũng đổ dồn một hồi trong bóng sương lảng đảng đương tan. Người gác trên chòi đánh trống xong, trèo xuống dựng cái cổng làng lên. Lác đác có người chui qua cổng ra. Đây chỉ là những người đi phu còn sót, bị thúc lên đồn sớm, chẳng có một người nào đã đánh trâu ra làm đồng. Ruộng cày dở, bỏ không người làm, đất nắng vỡ trắng xóa.

Chỉ có một mình Ính vác cái cày ra đầu làng.

Xưa nay trong mường chưa bao giờ có đàn bà đi cày, làm công việc của đàn ông như thế.

Hai mẹ vợ linh quê Mường Lài, váy dài xòe mặt đất, thùng thĩnh ra chợ đợi người đến đổi muối, đương đứng hút thuốc lá phập phèo trước cửa sòng bạc. Trông thấy Ính vác cày trên vai, hai mẹ vợ linh bảo nhau :

— Con gái nhà mắt giống nào kia, sao bố nó chẳng may quần cho nó mặc làm con trai mà đi ở rề làm ruộng cho nhà vợ nhỉ?

Rồi hai ả chỉ trỏ, cười. Ính nghĩ tức đầy máu : « Những quân thềm thịt thềm mỡ chỉ biết lên đồn nằm ngửa mà ăn! ». Nhưng lại giệp cơn giận được, Ính vẫn vác cày đi, không quay lại, cũng không chửi lại câu nào.

Xa xa, tiếng người léo xéo kêu mắt trộm gạo ngoài cõi nước bờ suốt đêm qua. Làng mạc bây giờ chán quá. Bàn ở sòng bạc ra, mặt rượu đỏ lựng. Bàn nhìn Ính trần trần :

— Trời ạ, trời về đây mà xem con gái biết đi cày này.

Ính nói:

— Anh Bân ơi! Anh Bân có thuộc câu hát Mừng:
*Cưỡi đồng mừng ta giậm cỏ. Ngọn সুối mừng ta quân
ác đống. Phường ta mới phải khổ hại thế này... không?*
Vi Tây làm đói cho nên con gái làng ta phải đi cày
đấy.

Bân cười gật gật:

— Tôi bây giờ gãy tay, không cầm được cày, thì tôi
cũng là đàn bà. Cô biết đi cày, cô làm đàn ông, ta lấy
nhau, rồi vợ chồng ta đi xin làng cho phần ruộng, cô ạ.

Bân cười rúm mặt, rúm cả chân lại. Ính không muốn
giễu cợt như ngày trước thường trêu Bân say rượu. Mỗi
lần gặp, Ính chỉ thương. Chỉ mới cách mấy tháng nay
thôi, Bân già sùt đi hẳn. Bân già ốm, đi như một con
vượn, lúc đứng chỉ thấy lòng thòng những lưng và tay.
Ai cũng biết: vì buồn khổ quá mà Bân thành người
già rồi.

Ính không trêu Bân, Ính đã có ý nghĩ: tìm cách gọi
Bân, làm cho Bân hiểu, nếu Bân hiểu, Bân có thể công
tác lấy tin đồn, tin linh cho cán bộ.

Đợi Bân tan cơn cười nhăn nhó, Ính mới nghiêm
trang nói:

— Trước kia anh Bân sắp được làm nhà ở chung với
chị Mát em, thế mà đến khi quan Bang Kỳ về đây nó
cướp mất vợ anh. Em tưởng anh đi linh ác còm-măng-
đồ để về giết đũa cướp vợ. Ồi, bây giờ anh lại về làm
con ngựa quan Bang Kỳ thì anh nghĩ thế nào, sao anh
lại nghĩ thế?

Bản chưa kịp trả lời, Ính đã quay lại :

— Em hỏi thế thôi, bao giờ anh tỉnh rượu thì anh hãy trả lời em.

Rồi Ính tong tá đánh trâu ra ruộng. Để lại Bản đứng buồng thông tay, không nói gì cả.

Hai chị em cày đổi. Tay An gầy vêu vao không cầm được mũi cày xuống mặt ruộng. Con trâu cứ kéo lê theo cả cày lẫn người. Thương hại em, Ính cố sức cày luôn cả buổi.

Những hôm không mượn được trâu, vì làng có ít trâu lắm, hai chị em phải đi cuốc ruộng. Cái cuốc cùn mòn quá nửa lưỡi, nó già đã hơn mười năm nay, (ở chợ không bán cuốc) cứ cuốc xuống lại bật lên. An sai tay, ôm cuốc khóc rưng rức. Ính lại cuốc thay An. Mấy bữa rồi, chị em không được một hạt cơm vào bụng. Nhà còn ít gạo hôm trước bố đã phải mang ăn đường đi phu. Rừng giang, rừng sặt đầy trước mặt nhưng không có phép quan đồn cho đi rừng lấy măng, không dám vào rừng kiếm ăn, ai nấy chỉ quanh quẩn nhặt rau má ngoài ruộng.

Hai hôm sau, thỉnh linh ông Mòng về. Máu trên mặt chảy xuống đã khô đen khắp ngực áo. Ông Mòng thở thở nói nói :

— Du kích Mèo đến bắn. Phu chạy hết, linh chạy hết...

Ông Mòng chạy về, ngã núi đá, toạc một miếng trán.

Giữa lúc ấy, tiếng trống đầu làng đã lại ùng ùng nổi. Có linh đồn xuống điếm đình, trống gọi. Bọn linh còn bắn ra oai mấy phát súng thêm. Những người trốn phu về, cả những người chưa đi cũng tất tả chạy đến nhà tạo bản, trong khi linh tỏa đi xục từng nhà. Gà lại bị

lấy mắt trứng, nhảy táo tác. Người lại bị bắt lên đồn. Đồn Tây điếm đủ người rồi, lần này, tao bản làng nào ộp phu làng ấy đi. Ai chạy, tao bản phải tội tù. Quan đồn đe thế.

Ông Mòng chỉ kịp dặn vớ lại được một câu: « Thằng An mày ở nhà, mày không đi phu, chúng nó muốn làm gì thì làm », rồi không kịp thở, vẫn cái áo đã đen máu trên ngực, ông lại đeo cái lẵng cơm chạy lẫn vào đám người đương nhốn nháo, túi bụi trong tiếng quát chửi, tiếng roi gậy vụt xuống đầu, xuống lưng, đám người lếch thếch bị dồn từ làng lên đồn, lại lên dốc núi Lạn Phạ, ngay hôm ấy.

Người trong làng, người đi cày lại lạnh tanh. Nhưng tiếng trống đồn, trống làng vẫn ngày ngày đêm đêm thể thọt buông đây đủ từng tiếng, tiếng rùng rợn, tiếng lặng ngắt.

Trống này là trống gọi dân đi nộp tiếp tế. Hôm nay đến phiên làng phải nộp tiếp tế, chẳng may lại vào phiên chủ nhật cho nên bên linh đồn ăn tiệc, bắt nộp những ba tạ thịt trâu. Bên quan châu và quan bang cũng có tiệc, quan châu sức lấy thịt, lại cho dân đi mò ốc nhồi, mỗi nhà nộp đủ năm con ốc nhồi béo. Ba làng nộp ngọt một nghìn ốc cho quan châu, thì quan châu vừa soạn được bữa tiệc ốc to.

Tạo bản các làng ộp phu đi Lạn Phạ vắng, cai tiếp tế Bản phải xuống làng đánh trống, đi thu đồ tiếp tế lấy. Từ sáng mới chỉ bắt được hai con trâu nộp cơ bên đồn, còn thiếu trâu nộp bên châu. Lại ốc nữa, trống thúc nộp ốc đã ba đạo mà chưa ai về nộp.

Cả làng đồ đi mò ốc, quá trưa còn lúi húi trên các ngọn suối. Đã lâu, đồn cấm người vào rừng săn bắn

và lên ngọn nước bắt hiu, bắt ốc, vét rêu đá. (Đồn sợ người ta giả vờ đi để tìm cán bộ). Hôm nay mới được một buổi nhân thể, phải đi làm bữa no ốc. Người ta mặc kệ trống thúc, trống giục.

Bản lại giờ thảng cánh, lệch người, đánh một hồi trống, rồi quăng dùi đứng trông xuống cánh đồng, chữi loạn xạ.

Chốc, có người đến. Bản chạy ra nhưng không phải là người đến nộp ốc. Một cụ già bước vào, rồi hai ba cụ mọ nữa chống gậy vào. Các cụ mọ vào chỗ gậm nhà sàn buộc hai con trâu vừa mới bắt về, sắp đem lên tiếp tế. Các cụ đứng nhìn trâu, rồi khóc trâu: « Trâu ơi! Không phải đám cưới, không phải đám ma mà người ta đem thịt trâu cày. Trâu ơi! Từ khi người già để ta, ta cũng chưa thấy ai làm như thế này. Đến mày mà không được ở với người nữa là chín mười tám con trâu làng ta vì các quan Tây, quan mừng mà chết đấy ». — « Trâu à, người ta đem giết ăn thịt mày bây giờ thì cả xóm phải bỏ ruộng trắng, rồi người cũng đến đi chết với mày thôi, trâu ơi trâu à ».

Bản nhìn mấy cụ mọ kẻ lẻ, khóc lóc. Bản chỉ thấy sốt ruột, Bản lại ra gõ trống. Bản cũng không nghĩ ngợi, nó cho thế là thường. Các cụ già có tính hay nói chuyện, hay khóc, đi khóc cả với trâu. « Khóc hay không thì trâu cũng phải bỏ người mà đi chết rồi ».

Xế trưa, trông lên thấy nắng đã trắng xóa tường đồn Ính và mấy chị nữa mới xách giỏ cua, giỏ ốc từ ngoài suối, vẫn nguyên váy áo lấm thề, trở về. Mỗi người lấy trong giỏ ra năm con ốc nhồi, bỏ vào cái bao tải thồ đã dựng sẵn dưới chân cột sàn. Bản đứng đếm từng con.

Ính xách giỏ tới, chọn ốc, đếm.

Bản nói với Ính :

— Hôm nay tôi tỉnh rượu rồi.

Ính trả lời :

— Thế thì anh Bản cứ đếm hết bọn ốc này rồi em nói chuyện.

Chị Yên và mấy chị về trước, còn Ính ra ngồi đợi Bản. Thấy thế, Bản hết sức lúng túng. Không ngờ Ính ngồi lại. Chẳng biết Ính nói chuyện gì, nhưng Bản thì có một chuyện muốn nói với Ính, câu chuyện mà chưa một lúc tỉnh rượu nào Bản đã dám nói. Bản lúng túng loay hoay mãi mới đóng xong được tải thồ ốc lên lưng ngựa.

Xong xuôi, Bản ra, Bản nói trước luôn :

— Tôi muốn thừa chuyện với người già xin cho cô Ính lấy tôi. Tôi hồng tay không được phần ruộng làng. Nhưng tôi làm việc quan có nhiều bổng. Lấy muối trong đồn cũng có. Tiếp tế làng nào cũng phải biếu tôi thịt, rượu. Như hôm nay, thịt trâu, rượu, ốc, tôi được đủ, sướng lắm. Chịu khó làm việc quan thì dù không có ruộng, mai sau cũng có tiền.

Ính bảo :

— Anh Bản trả lời em câu hôm nọ đã rồi em sẽ trả lời anh. Anh quên thì em nói lại nhé. Trước kia, khi anh sắp lấy được chị Mát, em đã đi vay bông về làm chăn, đệm cho hai người rồi đấy.

— Trời ơi! đừng nói nữa!

— Rồi quan Bang Kỳ mượn thế đồn Tây về cướp chị Mát em đi.

Bản im. Ính lại nói :

— Có phải thằng đồn Tây ngoài Mường Trai cũng cướp mất một lần vợ anh rồi phải không?

Trời ơi, khổ cho tôi! Tôi chỉ còn muốn chết thôi.

— Bây giờ anh nghĩ thế nào? Anh chỉ muốn chết thế thì chẳng còn biết thù đũa giết mình nữa rồi.

Bản chặc lưỡi, chửi :

— Cái thằng chết toi ấy, tao thù nó lắm. Nhưng mà nó giết được mình, mình không thể giết được nó, làm thế nào!

— Không đánh nó được à?

Bản lắc đầu :

— Nó mà báo Tây rằng tao theo Việt Minh thì tao chỉ còn việc chết. Trong làng có đũa làm linh áo dài* ở lẫn với ta.

— Sao anh biết? Làm gì có linh áo dài ở làng ta!

— Tao ra vào cửa quan, hôm nào chẳng thấy chúng nó lên lên đi trình, đi báo luôn, tao thuộc hết mặt bọn linh áo dài trong mấy làng này rồi. Những thằng này... thằng này...

Bản nói nhỏ tên mấy người. Ính cau mặt, cương quyết bảo :

— Không lo. Biết đũa nào thì dân làng bảo nhau kiêng mặt nó, không cho đi, không cho ngồi với ai. Còn quân ác làm cho ta khổ thì ta phải thù nó. Không bao giờ bỏ thù được. Chúng em là thân gái, ý ăn nhẽ ở hẹp

*Linh áo dài là bọn linh chỉ điếm, mặt thàm, biệt kích bí mật của Tây. Người làng đặt tên là «linh áo dài» vì nó cũng mặc áo dài, như mọi người và ở lẫn với người trong làng.

hỏi, mà nghĩ đã biết nổi chua xót. Con gái làng này mất bao nhiêu, khổ bao nhiêu vì nó. Trâu ta đầy rừng mà bây giờ cả xóm phải chung một con trâu làm. Có bao giờ thế, mà bây giờ còn phải nộp trâu nữa. Các cụ cũng phải khóc mà anh không biết thương ư? Sắp chết đói mà cũng phải đi mò ốc cho chúng nó ăn. Nó ăn của ta từ con ốc, con sên, lấy từ củ hành, cái lá chuối lột tay chặt thịt. Có bao giờ như bây giờ? Anh nữa, anh nghĩ xem bọn Tây, bọn quan trong mừng đã hại anh thế nào, anh phải thù chúng nó, chúng nó làm ác mất tay anh, mất vợ anh, ruồng anh không có, không ai lấy anh, anh không thù chúng nó sao được.

Ính nói dần dần hăng, đôi má nhợt nhạt tái đi, mà đôi mắt thì long lanh lên, khiến cho Bản không dám nhìn. Bản sợ, Bản tủi, nghe những lời lạ Ính nói. Bản chưa bao giờ nghĩ ra như thế. Bản bàng hoàng quên cả những ý định vừa hỏi Ính lúc nãy.

Hai người còn đứng nói chuyện một lúc nữa.

Rồi, người ta thấy Bản ùng ùng đánh trâu, dắt ngựa về đồn, không cần đủ số trâu, không đợi nốt những người về nộp ốc muện. Bản đương nhớ lại năm trước phải ra đánh nhau ở phố Lu ngoài sông Thao. Một phát đạn ấy mà nhích vào đến ngực Bản, thì hôm nay cũng không còn Bản nữa. Cái thằng Tây ác lúc bấy giờ cũng phải chạy, cũng chết bỏ cha bỏ mẹ. Nó không giỏi gì. Nó chỉ ác, nó chỉ giỏi làm hại người ta...

Bản đi Bản nghĩ lung tung. Những lời Ính nói còn rớt vào tai. Bản lại ùng ùng quất ngựa chạy nhanh, như càng giận dữ điều gì.

Ra đến đầu suối, Bàn đứng lại, quẳng luôn cả bao tải ốc xuống nước. Bàn không lên châu, bỏ thẳng về uống rượu.

Đến nửa đêm ấy, Bàn từ kho thóc lần lên đôn, Bàn bò vào chuồng trâu. Bàn rút cái rổ công.

Mười mấy con trâu nhốt trong chuồng của kho tiếp tế xông ra, lồng chạy về làng. Trong làng nghe tiếng chân trâu quàn ngoài bờ rào, người canh gác trên chòi tưởng con ma trâu hiện về. Buổi sáng thì trông thấy mấy con trâu thật đứng nghếch mõm thở phì phì vào trong công, người ta ra xúm lại nhìn, nửa mừng, nửa sợ. Nhưng cũng chưa ai dám nhận trâu.

Anh Dầm đến, đeo theo một «vi» cá khô. Nhưng Dầm không đổi ở chợ được con nào. Nhiều nhà đã hết cả thóc. Người ta lo lắng chưa biết làm thế nào để sống qua được tới tháng mười.

Dầm trở lại nhà ông Mờng, đợi một lúc thì hai chị em Ính vác cuốc, xách giỏ, lủ lủ từ buổi làm cật lực ngoài đồng bước về. Thấy Dầm, Ính tươi ngay nét mặt. Ính kể cho Dầm biết chuyện gặp Bàn, Bàn đã nói lộ tên mấy thằng trong làng làm lính áo dài. Dầm nhâm lại cho nhớ. Rồi Dầm bảo Ính: «Đồng chí Ính ạ, tối nay đồng chí đi gặp cán bộ».

Dầm dặn Ính cách đi.

— Có rủ chị Yên đi cùng không?

— Chị ấy ở tổ khác.

Mặt trời đã lặn sau đỉnh đèo Lạn Phạ. Trông lên vừa thấy tường đôn, tường châu đã vàng úa trên những tùm cây hoa mào gà bầm tím như máu đọng. Người làm ngoài đồng nghe hiệu trống gọi chiều đã lác đác về làng.

Ính thấp thỏm đợi, đứng ngồi không yên. Lần đầu tiên Ính đi gặp cán bộ.

Tiếng trống vắng vắng báo tối cho các cửa làng đóng lại, rồi trống vắng vắng báo khuya cho các làng, các nhà tắt lửa. Đêm nào cũng như đêm nào, cùng một lệnh trống ấy từ lô cốt vắng xuống. Làng xóm, cả trên sông bạc, dân và lính đi Lạn Phạ nhiều, không đâu còn một đốm lửa.

Vọng gác đầu làng đã lên tiếng bắt đầu hồi trống báo giờ canh đêm. Tiếng trống âm vào bóng núi, vọng đi truyền đi các làng mừng này, các làng mừng khác, bên này núi, bên kia núi, đâu cũng âm vang một hiệu ghê rợn ấy. Cứ nghe nó mà nghĩ ngợi, người già người cả lo không mấy ai ngủ được. Nhưng nếu có dậy hút thuốc, cũng phải rón rén nghe xem có lính tuần qua dưới cửa sổ không.

Ính lên đi, đã ra tới bờ rào. Có thể đi đặng cổng làng được, vì cổng làng vẫn mở. Đói quá, những đêm đồng canh đêm vẫn thường mở trộm cho người ra sưởi quai chài. Chỉ có đồng và đàn biết với nhau.

Nhưng, cẩn thận, Ính không đi đặng cổng, Ính chui bờ rào, trèo qua hai hố chông sau làng.

Ra khỏi mấy bước, quay trông lại thì cái làng chỉ còn lù lù như cái mả. Trên nóc mả, những cành tay tre, phên nứa phấp phới bay như những cái cờ, cái áo đen của ma. Nó thật cũng là cái mả chôn sống người. Từ khi được liên lạc với cán bộ, được nghe hiểu chuyện các nơi, Ính không buồn khổ rầu rĩ như trước nữa. Ính biết ở mừng nào, chín châu mười mừng đều có khu du kích. Chính phủ, bộ đội ta vẫn có ở khắp mọi

nơi với mọi người cùng một lòng đánh giặc cứu nước. Không phải trong làng chỉ có linh áo dài và những kẻ hay đi kiện, mà người trung kiên đã có ở cả trong làng. Ính biết anh giao thông Dầm có đến nhà khác nữa. Chỉ vì trong làng còn có linh áo dài, còn có người thích đi kiện, có người không tốt, chưa biết về với nhau một bụng, cho nên còn phải bí mật với nhau.

Trời tối mịt, nhưng Ính nhìn hướng rừng vẫn quen và bước nhanh. Ính biết cán bộ vẫn về ở lán bí mật trên ngọn nước. Ính theo suối qua những khoảng rộng đã bỏ hoang ven rừng. Mấy năm nay không có người đi rừng, lau che kín đầu, lấp mắt hết lối. Ính lội ngược ngọn nước. Bỗng nghe trước mặt vẳng lại tiếng hươu gô. Ính đứng lại, chúm miệng giả làm tiếng sóc rúc rích đuổi nhau. Sau đó, có tiếng người hỏi khẩu lệnh trong tiếng nước chảy. Ính nghe không phải tiếng Dầm. Nhưng khẩu lệnh đáp đúng nhau, như Dầm hẹn.

Một bóng người đàn ông hiện ra. Ính trông nghiêng lên thấy một người chít khăn to, đoán là người Xá. Ính lội suối theo người ấy đi nữa.

Một lát, trèo trên một bãi đá. Những tiếng người nói ở trên ào ào như gió trong bụi lau. Có nhiều người ngồi họp dưới một gốc cây to. Nhưng không trông thấy mặt ai. Thật là một cuộc họp mặt kỳ lạ. Ngồi một lát, đã quen bóng tối, Ính nhận được tiếng và nhận hao hao bóng mặt chị Yên và hình như cả tiếng anh Muộn cùng làng. (Sao anh Muộn đi phu trên Lạn Phạ lại về đây họp?) Ính gọi khẽ « chị Yên ». Đúng, chị Yên, mờ mờ cái áo trắng ngắn. Hai người đến ngồi gần nhau. Còn hai chị nữa, một chị, nghe giọng người Thái Đen. Một chị là người Mường. Ính không đoán được tiếng

ấy là quê mừng nào. Nhưng mà như thế là rõ ràng bạn tốt của mình thì ở mừng nào cũng có.

Nghe giọng anh cán bộ nói, anh ngồi đằng kia, cũng không biết được anh là người mừng nào. Nhưng Ính đoán: anh cán bộ là người Thái Trắng. Ính nghĩ: « Tây bảo chỉ có người Kinh đi làm Việt Minh. Không phải, thằng Tây nói không đúng. Mừng nào cũng có người đi bí mật ».

Buổi họp ấy bàn về kế hoạch không cho Tây đồn tập trung thóc của các làng lên chứa kho ở sân nhà quan châu như mọi năm. Nó đã thu thóc, chỉ còn để mỗi nhà một ít ăn, nay lại vét giữ nốt thì cũng cầm bằng như nó nắm cổ tay đấy. Quyết không nhà nào để thóc về nằm trong tay chúng nó. Mùa gặt sắp đến rồi. Việc chống tập trung thóc phải về tuyên truyền làm ngay mới kịp.

Lần đi họp này Ính và Yên học thêm được nhiều bài hát mới. Chị Mừng người Phù Yên kể, (chị Mừng ấy quê ở châu Phù Yên), chị kể rằng « Ở cửa suối Tắc dưới Phù Yên có thằng Tây vào đóng đồn giữa làng Chiềng Cuội. Nó bắt hết con gái trong làng phải lên đồn, chia nhau ra mà lấy lính. Con gái nhớn lấy không đủ, nó bắt cả em bé mười hai tuổi, cả bà già sáu mươi lên đồn lấy nó. Thằng lính nào thua bạc túi tiền thì bán vợ cho thằng nào được bạc. Thằng nào đổi đi thì bán vợ lại cho thằng ở lại. Đàn bà chúng tôi ở Phù Yên khổ nhục nói không thể hết lời. Người Chiềng Cuội đã phải làm nên bài về *Tội ác Tây ở Chiềng Cuội* ». Rồi chị hát bài đang (bài hát) *Kể cho chồng đi lính cho Tây nghe tội ác thằng Tây ở Chiềng Cuội*. Nghe giọng hát, ai cũng buồn nát ruột, muốn khóc.

*Anh nghe anh đừng khóc
Tây về ăn hết trâu, hết lợn, hết rượu, hết gạo
Không trả một đồng tiền*

Ính nghĩ đến việc bắt ốc nộp quan ban chiều. Chúng nó vor vét đến thế là hết đường. Như thế có nhẽ ở Mường Giơn cũng khổ chẳng kém ở Phù Yên.

*Đàn bà con gái nó thấy nó hiếp
Nghĩ đặng cay trong lòng
Sớm tối cơm nhịn bữa
Đến chết hết giống người
Hai ta không biết ai chết hay còn
Anh vừa thổi nồi cơm chín
Đạn bắn đến, chết chưa được ăn cơm
Ở nhà, em chỉ khóc
Em kêu trời khản cổ
Anh ơi anh đừng dại
Đi làm lính cho Tây
Nó là giặc ác hại ta
Vợ con rất khổ đấy
Anh ơi, anh đừng dại...*

Ính thấy bài hát này cũng như những lời mình đã nói với anh Bân ban trưa. Minh cũng đã làm như thế.

Quá nửa đêm, cuộc họp xong. Anh cán bộ nói:

— Các đồng chí về vận động không cho địch tập trung được thóc. Việc này là việc cả làng. Ta hô hào mọi người cùng làm mới được.

Ra về, Yên và Ính còn biu lấy hai chị cán bộ. Họ biết hai chị ấy cũng là cán bộ bỏ nhà, đi công tác, tựa như trong câu hát: *Con gái Việt-nam bây giờ đi cứu mường đầy đồi đầy núi. Thân ta ngồi không sao yên...* Hai chị

trong làng bởi hồi ước ao được như hai chị cán bộ. Các chị ôm vai nhau, bịn rịn.

Anh cán bộ hỏi Ính :

— Làng ta còn nhà ai làm ruộng gần suối Nước nóng không nhỉ ?

— Từ khi về tập trung thì bỏ cả ruộng ở đấy, anh ạ. Tiếng anh ấy chép miệng :

— Đất Mường Giôn gạo tốt, cá nhiều, người đẹp có tiếng mười mường, mà bây giờ khổ hại thế !

Ính nghe anh nói giọng người Thái Trắng ở châu trên, « tiếng nói vang như chiêng trống ».

Ra tới cửa rừng, anh cán bộ nói theo :

— Tôi gửi lời chị Ính hỏi thăm người già ở nhà mạnh khỏe.

— Bớ tôi đi phu rồi.

— Ông Mờng đi phu à ?

Phía ngoài, đồng chí giao thông người Xá đứng gác đã vào báo mọi người về nhanh, kéo trời sắp sáng. Hai chị cán bộ bắt tay hai chị trong làng, cùng nói : « Trở về ! Em trở về », rồi đứng lại. Trong bóng tối, nhưng họ nhìn nhau không muốn rời.

Ính và Yên về qua những tràn ruộng hoang. Ính nghĩ : « Anh cán bộ biết cả tên bố mình. À, thế ra anh cán bộ này có lẽ là anh về điều tra đêm ấy, đêm ấy dỡ nhà hộ nhà mình đây. Phải rồi... Anh cán bộ người Thái Trắng vùng trên... Tiếng nói choang choang... Bây giờ bao nhiêu con trai các mường đi công tác... » Ính thở dài nhẹ nhẹ, trong lòng mình mang nghĩ đến những chuyện xa xôi, yên vui, to lớn, đi, về, một tối xòe sắn,

một hôm bộ đội đánh đuổi được hết giặc Tây đi, nổi mừng vui cứ lan man không rõ ràng, không mạch lạc. Ính mới nhận ra lúc tối đi vào rừng mình đã đi dọc theo cái suối có vũng nước nóng. Đã lâu không được vào suối Nước nóng, quên cả. Nhưng bây giờ trở lại, thì Ính vụt nhớ lại hết. Những ngày vui đã qua không thể bao giờ còn nữa, đến lúc đã nhớ lại thì càng nhớ.

Nhớ trong suối Nước nóng, ngày trước... Con nai to của anh Sạ săn được. (Bây giờ thì chỉ bọn Tây, bọn quan mới được đi săn). Lại nhớ những lần trời rét đi bắt hươu, đi hái lá hương nhu, cũng vào rừng theo con đường này. Ính tưởng ngay ra mùi hương nhu vẫn còn tỏa quanh đầu đây, làm cho Ính ngáy ngất. Lại nghĩ đến lúc ấy còn trẻ con, thường nghịch trèo lên cây, hú anh Sạ và chị Mát. Nghĩ lại, bây giờ Ính nghe gió núi lạnh lạnh thổi qua má, thấy mặt mình dương nóng bừng. Những chuyện ấy xa xôi quá rồi. Không nghĩ nữa. Nghĩ đến chỉ buồn thôi.

Nhưng chuyện cũ cứ về vầy quanh Ính, không xua đi được, làm cho Ính cứ liên miên nhớ, lại nhớ lại chuyện *Có Tóc thơm* người châu Yên của anh Sạ kể. Anh ấy tài nhớ, tài kể quá. Nghĩ đến *Có Tóc thơm*, lại buồn. Chị Mát thì cũng bằng *Có Tóc thơm* người châu Yên ấy thôi. Anh Sạ cũng là trai làng đuổi theo con thần quái đại bàng. Thăng Bang Kỳ là con thần quái đại bàng. Nhưng đảng này chạy đuổi theo đã không nhặt được mảnh vạt áo của vợ mà người lại chết. Đời người đàn bà từ khi thăng Tây đến chiếm mừng thôi thì khổ nhục chẳng thể lúc nào cạn. Đã mấy năm trời không có bình yên, không có người vui chơi, không có người yêu nhau, Ính càng buồn, càng nhớ.

Cái áo trắng của chị Yên thấp thoáng trong bóng tối trước mặt, cũng như thấp thoáng cho Ính nhớ chuyện cũ. Bóng tối bùng mắt, không nhìn thấy người, chỉ nhìn thấy ngày trước. Cái lúc người ta không còn vui sướng nữa thì chỉ thêm cái vui sướng đã qua. Dù cũng nghèo, cũng khổ, nhưng nghèo khổ ấy cũng còn hơn ngày nay, cho nên mỗi khi đã nhớ lại càng nung nấu nhớ, Ính đương đi mà chiêm bao thấy lạnh cái lưng áo trắng của mình. Chị Mát đứng dưới suối té lên ướt hết lưng áo Ính. Rồi hai chị em vừa đi vừa hát... *Thuyền ơi, thuyền hời... Thuyền sang bến nào... Trên búi tóc chị Mát cài một cành hương nhu hoa tím. Trời ơi!*

Nhưng những ngọn hóp bờ rào làng đã dựng đứng đen xì, tua tủa trước mặt. Ính ngo ngẩn thấy lại mình đã về đến trước cái mả lúc chập tối, vừa chui ra, bây giờ lại chui vào. Trước cảnh ấy, Ính tê tái đau đớn. Chị Yên bảo: « Bao giờ cả người làng này cũng theo về với ta thì chẳng còn thằng Tây, thằng quan. Ta tha hồ đi họp ban ngày. Anh cán bộ nói phải nhỉ? » Ính đương nghĩ về nhiều việc sắp phải làm. « Phải làm được! » Đi họp gặp đồng đồng chí, người cũng thấy gan hơn, vui hơn lúc ở nhà một mình. Chị Yên nói: « Ính ơi! phải làm sao cho làng ta lại vui, chơi đêm chơi ngày được chứ? » Rồi hai người chia tay.

Vài hôm sau, ông Mừng đi phu trên đèo Lạn Phạ lại thỉnh linh về. Lần này ốm, cứ đi dò từng bước. Ông không bước lên nổi cái thang lên nhà, Ính phải xuống công bố lên. Nhưng, cũng như chuyến đi phu Mèo năm trước về, ông Mừng long lanh mắt, gơ tay, nói rất to:

— Con ơi! Thằng Tây không làm nổi cái đồn Lạn Phạ, thằng Tây phải chạy hết về rồi.

Rồi ông Mờng kể: « Từ khi Tây đem linh và phu các làng lên Lạn Phạ, đêm nào du kích của ta cũng về bắn, linh và phu cứ rán mắt mà thức canh suốt đêm, không ngủ được, sinh ra ốm cả. Đã không làm gì được, mà vẫn cứ phải ở trơ vợ giữa núi. Tây tức mình, cứ đánh phu đánh linh cả ngày cả đêm. Ngày nào phu các làng cũng trốn, linh gác trông thấy phu trốn, cũng không buồn đuổi. Phu trốn nhiều quá, tạo bản không giữ được phu. Tây bắt các ông tạo bản đi tù. Làng ta có mấy người trốn, cả thằng Muộn cũng trốn. Ông Tạo On phải đi tù rồi. Du kích, ngày không thấy mặt, đêm về trên mỏm bản súng, bản nỏ, lăn đá xuống. Linh cũng không biết đầu mà bắn, mà đánh. Linh càng ốm, phu càng ốm, không đi đào đất đắp lò cốt được nữa. Tây đánh cũng không đi. Bọn linh cứ nằm, vừa rên lại vừa hát kể tội Tây, rồi xui phu bỏ việc. Họ nói: « Các ông mà làm cho Tây xong cái đồn này, tôi phải lên đóng dây thì tôi cũng chết thôi ». Không biết tại sao mà bọn linh biết hát bao nhiêu bài hát chửi Tây, tao thấy có bài này ở nhà cũng thuộc đấy. Là thật. Rồi đến các thằng Tây cũng ốm. Nó phải cho về, thế là bỏ cái đồn đào dở trên núi ».

Ính nói lại chuyện Ính vừa đi họp đêm trước cho bố biết, rồi thêm: « Ôi trời, thôi thế linh của Tây cũng về ta thật rồi ».

Mấy hôm sau Tây và linh đi điếm đình từng làng. Làng nào bị kiểm soát, đếm người lại cũng thấy thiếu người. Làng này thiếu anh Muộn. Tây bảo: « Thằng này đi du kích », rồi nó đốt nhà anh Muộn, bắt bố anh Muộn. Rồi nó đem ông già hơn sáu mươi tuổi ấy dày đi đầu, không ai biết.

Ông Tạo On ngồi tù hơn một tháng, mới được về. Vừa về, còn ốm, lính đã đến xách ông, đưa đi từng nhà để tìm thu hết nỏ và ống tên. Từng gánh nỏ khiêng về đồn làm củi. Ngày nào lính đồn cũng đi lùng bẻ cánh nỏ. Vì du kích trên núi bắn nỏ thuốc độc, làm cho Tây phải sợ cả cái nỏ bắn chuột. Lính nguy, lính Tây càng nát rượu hơn. Sòng bạc giữa làng càng đông rầm rập. Một ngày bán hết mấy chum rượu. Những mặt lính mặt ngủ, sốt rét Lạn Phạ ăn mặt vàng bệch. Họ uống rượu suốt ngày. Vừa đi vừa hát nghêu ngao :

...Nước Nậm Tè mùa đục mùa trong
Anh em một làng chẳng thể nào loạn lạc*

Bài hát ấy chính là bài hát anh cán bộ đã hát ở cuộc họp đêm nọ trong rừng. (Anh Muộn đi họp bí mật rồi về Lạn Phạ đã dạy bài hát ấy cho lính). Những người lính Lai-châu rất ác ấy đương say rượu, đương hát những lời vợ dặn chồng đừng theo quân ác. Ính ngờ ngợ : nó hát thế, nó có biết nghĩ lại không? Tiếng hát ngắn dài bay vào cửa sờ làm cho Ính bông bột nghĩ đến đêm họp hôm nọ. Nhưng Ính không dám ra nhìn theo. Ính vẫn còn sợ quân ác. Ính không dám nghĩ chúng nó có thể thay đổi.

Buổi chiều vàng ủa càng thấp xuống sát trên những mái lá chen chúc, lụp xụp trong cái làng tập trung chật hẹp, ướt át dưới chân đồn. Tiếng hát au ơ dài ngắn buồn rứt thít. Bóng ông Tạo On lử đử đi trên đồn về. Cả ngày ông phải ộp phu đem nộp tiếp tế. Thấy ông về,

* Sông Đà, quãng từ châu Thuận ngược lên Lai-châu, người Tây Bắc gọi là Nậm Tè.

ông Mờng sang dò la tin tức trên đồn, — một công tác ông thường làm. Ông Tạo On lắc đầu :

— Nó làm ác thế này thì cũng có ngày tôi phải đây biệt phương thôi. Ông bàn cho tôi trốn đi đâu bây giờ?

Thấy người bạn già tuy còn sợ, nhưng đã biết có ý khác, ông Mờng bảo :

— Được, rồi tôi bàn với ông việc ấy. Bây giờ hãy lo giữ thóc cho khỏi phải tập trung đã.

Ông Tạo On trợn mắt, hốt hoảng :

— Không tập trung thóc thì lại chết tôi.

— Không sợ. Ta phải có cách bảo nhau. Nhất định không ai làm hại ai được.

— Thế à, ông?

Rồi ông Mờng bảo phải nên tổ chức nhau lại, hai ba nhà họp làm một tổ, có việc gì khó thì cùng bàn với nhau, cái gì khó không bàn được thì ta hỏi cán bộ. « Cán bộ đã về đây quanh làng mà ông chưa biết ư? ». Ông Mờng lại nói luôn: « Bây giờ tôi họp với ông thành một tổ ».

— Làm thế nào cho tôi khỏi khổ thì tôi xin theo.

— Được rồi. Phải đánh Tây, đánh quan thì ta khỏi khổ!

Nghe câu ấy ông Tạo On không bịt tai rồi đứng dậy đi ngay, như một lần ông Mờng đã nói đại khái như thế. Ông Mờng thì nửa lo nửa mừng: « A! thắng quan bản này mà về được với ta thì việc tốt lắm rồi ».

Rồi dần dà những hôm sau, ông Mờng hay kể chuyện cho ông Tạo On nghe. Có hôm ông Tạo On ở đồn về, bị chửi, bị đánh, thì những câu chuyện ông Mờng kể đã làm cho ông được khuấy khỏa, bớt khổ. Ông Mờng

kể cho ông Tạo On nghe chuyện đại đội Kim Sơn hoạt động ngoài Mường Lũng vừa mới chiếm được đồn Tú Lệ, giết chết thẳng bang tá gian ác. Ông Tạo On nghe, nhớ đến du kích quấy rối trên núi Lạc Phạ. Ông thấy là việc có thật, ông không còn quá sợ như trước nữa, và từ đấy, ông bắt đầu tin. Mỗi khi sang nhà ông Mờng, ông không nhút nhát và dò xét như trước — vì trước ông nghe như ông Mờng vào Việt Minh bí mật, ông không dám làm hại ông Mờng, nhưng ông sợ. Bây giờ đã khác. Hai người bạn già bây giờ mới thật thân thiết, thật lòng với nhau.

Phong trào đánh Tây cứu nước bí mật âm ỉ trong các làng. Tổ trung kiên ở các tầng lớp, các lứa tuổi đương lan rộng dần dần, dần dần tới như mùa lúa chín đương tới.

- Mùa lúa chín tới. Cảnh đồng và trong làng đượm mùi thơm ngọt, bát ngát.

Một toán các chị đi gặt, lưng cài lẵng cơm ăn trưa, ra đường gặp Bàn dắt con ngựa thồ thủng thỉnh đi qua.

— Anh Bàn hôm nay về làng làm gì thế?

— Về thu bịch thóc để mang lên kho. Sắp đem thóc tập trung rồi còn gì.

— Lấy được cái bịch nào chưa?

— Chưa nhà ai có.

— Nay em bảo: dân sẽ ăn hết thóc rồi dân mới đan bịch nộp kho đấy.

Các chị cùng cười. Ai cũng biết lâu nay anh Bàn không hay quát chửi người ta như trước. Anh Bàn cũng ít say rượu và nét mặt trở nên lầm lì, suy nghĩ khác trước. Công việc làm cho quan bây giờ cũng

không làm mạnh, làm ác như trước. Mọi người đùa cợt anh, anh cũng lặng lẽ, ít khi đáp lại. Tây đồn sai đi thu bịch đưng thóc đã mấy hôm, nhưng Bàn chỉ xuống làng đánh một hồi trống rồi nằm ngủ một giấc ngon ở nhà bố, đến lúc trở dậy thì dắt ngựa về.

— Các chị gặt lúa sớm nhà ai mà đi đông thế?

— Làng ta năm nay đến lượt làm cuông cho quan bang.

Bàn ngoảnh mặt đi. Tự dưng, một cái gì đau đớn, mà Bàn không muốn, lại đến. Rồi Bàn đập dây cương xuống cái nạng thồ gỗ trên trốc lưng ngựa, giục ngựa đi nhanh hơn và cất tiếng rè rè hát:

Anh nghe anh đừng khóc

Tây về ăn hết trâu, hết lợn...

Các chị nhìn nhau, ngơ ngác. Có tiếng gọi Bàn: « Đừng hát. Đừng hát nữa, anh Bàn! ». Nhưng Bàn vẫn cất tiếng sàu thảm, đi khuất còn nghe tiếng.

Các chị xuống ruộng gặt. Ruộng của Bang Kỳ là cánh ruộng liền một cõi, không bị suối lở, không có đá tảng đá sỏi, màu tốt nhất đồng. Mỗi mẫu thu hơn hai trăm gánh, thóc nặng gấp đôi cum thóc ruộng chân núi.

Các chị gặt, ngắt từng bông thóc. Ính nói:

— Này của nó mà công mình, nghĩ có xót xa không? Tội gì mà ta không lấy.

Mọi người im lặng, cúi ngắt từng bông thóc, hái được một nắm, họ lại chia một ít bỏ giấu vào trong ruộng.

Vợ quan bang Kỳ ra xem gặt. Bà quan mặc váy xa tanh đen xúng xính. Thấy vợ quan tới, mọi người phải ngồi xếp giữa ruộng, quay đầu ra, cúi xuống chào. Bà

quan bang không trả lời, chỉ đứng chấp tay sau lưng, nhìn mọi người làm một lúc, rồi về.

Quá trưa, bang Kỳ cưỡi ngựa dừng đình qua cánh đồng. Quan bang dừng ngựa lại bèn bò ruộng. Người ta lại ngồi cả xuống giữa ruộng. cúi đầu, chào quan bang rồi lại đứng lên, vẫn cúi mặt, lặng lẽ làm. Phải cúi mặt, vì để quan bang trông thấy mặt thì biết đâu tai vạ lại chẳng sắp đến. Có điều là thật ở đây cũng chưa người đàn bà nào đã nhìn rõ mặt bang Kỳ. Lúc bấy giờ các chị chỉ trông con ngựa của nó đạp chân dầm dộp, mồm nó quơ ra ngoạm ăn lúa.

Ính chua sót nghĩ đến chị Mát. Trên cánh đồng vàng ngày trước, những mùa gặt như thế này. Mỗi nhà quày quần trong ruộng nhà mình. Người lớn làm. Trẻ bé nhảy chơi, đập rơm. Con gà nhặt thóc. Chị Mát, anh Sạ và Ính ở lại ngủ đêm để đập lúa ngoài lều ruộng. Những đêm ấy vui không bao giờ quên. Ính thường mãi nghe anh Sạ hát, đứng sưng ướt hết khăn mà không biết. Tại ai mà anh Sạ, chị Mát chết, mất rồi. Đứa thù đứng trước mặt ta đây. Ính chớp mắt, nước mắt mọng trên mí.

Ngựa bang Kỳ đi đã xa. Nước mắt lóa trong mắt, Ính ngẩng lên mà không nhìn thấy nó nữa. Chỉ thấy cánh đồng một màu vàng hây hây thì Ính lại tưởng như đất mường đã trở lại yên vui. Đồn Tây và thẳng bang Kỳ đã chết như bọ chó ở Tú Lệ. Chị Mát, như cái người đàn bà lấy hổ trong cổ tích, con hổ chết bây giờ lại trở về làng với chúng bạn, chị đứng đứng sau lưng Ính, chị hái từng bông lúa kia. *Thuyền trở về im lặng. Đất mường trở về yên vui...*

Nhưng trong cánh đồng mùa gặt hôm nay đã chẳng có một bóng lều gặt, không có tiếng một con gà nhặt thóc ngẩng lên vỗ cánh gáy. Một ngày buồn lại qua... Và cũng không ai ngờ được.

Hôm sau, một người vợ linh ở trai con gái trên đôn, xuống làng, đến nhà ông Mờng. Mụ mang theo đến một cân muối, vừa ngồi xuống đã đưa gói muối ra cho ông Mờng.

— Quan châu muốn lấy con gái ông về làm vợ cho quan Ba đấy. Ông à, lấy chồng Tây thì được bốn nghìn bạc hẳn hoi. Thế là may lắm, cái khi tôi lấy thằng chồng linh Mừng Lài, nó xách đến một con gà, một chai rượu, bảo bố tôi cùng ăn thịt uống rượu với nó, say rồi khuya nó ngủ lại đấy, thế là có một đêm mình đã thành vợ nó. Bố mẹ mất không con, chẳng được ăn một gánh lúa. Nhà ông được con gái lấy Tây là nhiều phúc lắm rồi.

Rồi mụ vui chuyện với Ính :

— Bây giờ tôi sắp bỏ thằng linh Mừng Lài, tôi cũng sắp lấy Tây. Chị ạ, lấy Tây được mặc tốt, ăn cơm có mỡ có thịt, sung sướng. Lại có muối mang về cho bố mẹ. Nay, tôi nghe như quan Ba đang muốn cho thầu một ty bán muối ở Tuần giáo mà chưa chọn được vợ nào đứng bán, chị mà được vào cái chân ấy thì lên tiên một đời.

Ông Mờng đẩy gói muối lại trước mặt người vợ linh, ông nói to :

— Tao đói muối mấy năm nay thật, nhưng tao không thèm ăn cái muối này.

Mặt ông Mờng kéo con tức lên, đổ tia tai, hai tay vung ra như sắp đánh ai. Mụ vợ linh sợ quá, đứng dậy, lùi dần ra cửa, rồi lùi.

Mấy nhà người hàng xóm trung kiên đến hỏi. Ông Mờng kể chuyện mụ vợ linh đem cân muối đến. Mọi người lo lắng nhớ ra :

— Thôi chết rồi ! Thằng bang Kỳ hôm ấy đi đồng xem « cuông » gặt. Lại vẫn nó thôi. Chả nhẽ nó lại vác mặt đến cướp con gái ông lần nữa cho nên nó phải bày mưu khác đấy.

Bàn tán xôn xao, nhưng cũng không ai biết làm thế nào. Bố đành bảo con :

— Có thể nào thì con ra rừng con ở.

— Ra rừng thế nào ?

— ... Với cán bộ ta về.

— Nhưng mà chưa có liên lạc, biết ở đâu, đi đâu ?

Việc thăm đương đến mà không biết liên lạc với ai, không biết ai cứu được Ính.

Tối nào ông Mờng cũng cứ chui bờ rào ra rừng. Ông giả tiếng hươu, làm hiệu gọi liên lạc theo những khẩu lệnh bí mật. Tiếng gõ lên dội vào vách đá. Không một tiếng bần trả lời. Ông Mờng cũng biết khó mà cán bộ liên lạc đã về được làng. Đã bao nhiêu rừng núi, lại nào Tây linh đi tuần, nào đưa hai lòng. Ông Mờng cũng không thể ra tìm Dầm ở Phàng Chải được. Nếu một người Thái đến làng Dao là Tây đồn nghi ngay, cả làng Dao ấy sẽ không ở yên. Ông Mờng càng sốt ruột : « Đưa con gái đầu lòng mất rồi, đứa này lại mất ư ? Các đồng chí ơi, các đồng chí ở đâu thì về cứu con gái tôi ».

Đêm đêm, ông lại mò ra rừng. Không thấy gì, trở về nhà, khuya rồi mà ông vẫn đứng đầu sào nhìn bốn phía. Những mái nhà xung quanh lúp xúp đen xì, chặn ngang mắt. Gió thổi hút vào những lỗ mái thủng, vách nửa trống hốc, như những hang gió. Tiếng ho thủng thẳng, tiếng rên, và tiếng trẻ con cửa mình khóc. Chấn đệm rách cả, không mấy người ngủ được.

Trong nhà, đến bảy giờ, Ính vẫn còn ngồi tựa bên cột. Ính ra khẽ gọi bố :

— Bố ngủ đi thôi. Con đã liệu việc con rồi. Bố đừng phải lo.

Ính thì Ính yên tâm, bình tĩnh. Bàn với chị Yên, chị Yên bảo : « Có thể nào thì cứ trốn đi. Việc gì mà lo ». Ính cũng không lo. Nhưng ông Mờng không thể ngủ, cũng không thể ngồi trong nhà được. Ông nghe đằng xa có tiếng bồi hồi vang lại, tiếng động của những con thú rừng ra phá lúa. Thú rừng về ăn lúa mà không ai được đốt đuốc đi đuổi, quan đồn không cho phép. Ông Mờng càng xót lúa, lại càng sốt ruột.

Rồi xa xa tiếng vợ n hú giỡn nhau trong vách núi, thế là sắp sáng.

Sương trắng xóa sa nặng trước mặt. Trời vừa tang tảng sáng. Anh Dầm, từ trong bóng sương mịt mù chui ra, quần áo ướt đầm. Ông Mờng dỡ ngay cái chuồng gà vào làm củi đốt cho Dầm sưởi : « Tôi đương mong anh quá ». Dầm giơ hai bàn tay lên lửa, ngón tay buốt cóng mới giãn dần ra được. Dầm vừa ghé tai ông Mờng, bỗng nghe chân người rầm rập chạy dưới cửa sổ. Ông Mờng thò đầu ra nhòm rồi hốt hoảng :

— Lính tuần !

Dầm đứng phất lên :

— Nó vào đến đâu ?

— Đầu làng.

Dầm trèo thoát lên chỗ trốn trên mái bếp. Nhưng cái mái ọp ẹp, chân vừa dẫm lên, cả cái mái đã sập xuống sàn. Dầm vội thoát xuống thang, chạy bay ra sau làng.

Tiếng trống tạo bản ầm ầm thúc người đến cho linh điếm mặt. Nhưng không phải linh đi điếm đình, mà linh đi khám bắt thường. Tây và nguy vào khám từng nhà. Khám cả chuồng gà, cả mái bếp. Có cả linh mặt thám áo dài, đeo súng ngắn đi nhận mặt. Chúng đã gác kín cả hai cổng làng. Không biết Dầm thoát ra được chưa.

Vừa thương, vừa sợ, rồi cố trấn tĩnh, ông Mờng ngồi xuống đun xiêu nước uống. Ba người lính nguy xò lên thang nhà ông Mờng. Thấy linh đến, Ính bày mấy cái chén ra đề mời nước. Biết không trốn đi đâu được, Ính cũng thản nhiên, không luống cuống. Từ nãy, Ính đã dựng sẵn con dao phất vào góc bếp. Chưa đủ, Ính còn dặt một lưỡi dao liềm vào trong vạt áo. Ba người lính nguy đã đứng súng sừng sững giữa sàn. Ba mũi súng quay vòng quanh hai gian nhà.

— Có người lạ vào đây không, bố ơi !

— Không.

Rồi cả ba người ngồi vật xuống bếp, giơ tay sờ, dánh mệt mỏi. Một người nhắc điếu, hút rồi say lả ra. Chừng từ sáng người ấy chưa được ăn gì. Hai người kia cũng mặc hẳn nằm lả lầy, mà ngồi lừ đừ hơ tay trên lửa bếp, không nói không rằng. Những người này nhìn kỹ thấy vẻ nhọc, vẻ buồn nhiều hơn vẻ ác. Ính nhẹ nhàng hỏi :

— Có việc gì mà các thầy về khám làng sớm thế ?

Một giọng gái ngủ :

— Suốt đêm qua đến giờ chúng tao đi phá, đi đốt, giết sạch cả hai làng Mán dọc bờ suối rồi. Bây giờ nhọc quá, muốn ốm chết đây.

Bấy giờ Ính mới nhìn thấy trên áo, quần và mũ họ có lấm tẩm vết gì như vết máu mới khô đen xám lại.

— Trời ơi, sao mà giết người ta ?

— Sao à ? Biết được ! Nghe nói những phường Đạo, phường Xá, phường Puộc ở Phàng Chải mới chở mấy thuyền Việt Minh sang đây. Bây giờ xó nào ở Mường Giôn cũng có Việt Minh, Tây bảo phải giết hết những đũa chớ đồ đi.

Ính bảo bọn linh :

— Các thầy quá nghe Tây mà đi giết người oan. Một thuyền Xá chỉ đưa sang được ba người, mấy thuyền thì được bao nhiêu. Việt Minh nhiều bằng linh đồn ta thế nào được.

Một người vươn cổ lên, thở dài :

— Thế mà mình chết trong tay nó lúc nào, vợ con ở nhà không biết đấy.

Một tràng súng nổ ngoài ruộng. Ba người linh dương ngủ gà vùng chạy choàng cả ra.

Trống lại thúc gọi, người người cả làng ra điểm mặt lại. Lần này nó điểm mặt cả người già, cả đàn bà, trẻ con. Người tuốn đến nhà tạo bản ngồi đặc mấy ngõ. Rồi linh kèm súng dẫn cả xóm ra bờ ruộng sau làng.

Trông vào ruộng lúa thì thấy xác anh Dầm vừa bị bắn chết. Quan Ba cho hỏi một lượt : « Có ai biết thằng

Mán này tên là gì, nó ở đâu? Vào nhà ai? Biết thì quan cho thưởng? ». Mấy trăm người đều nói không biết. Nhiều người Dao vẫn vào làng bán cá, vào chợ đổi muối, không ai biết ở đâu. Hỏi đi hỏi lại ai cũng vẫn lắc đầu. Quan Ba liền cắt đầu anh Dầm, đem vào bày ở trước quầy hàng của sòng bạc rồi bắt người đi qua, nhìn. Những người đi qua, nhìn đầu anh Dầm, ai cũng khóc. Tây không hiểu sao, nhưng cũng không làm gì được ai.

Lính còn tục sạo suốt buổi sáng. May lắm, bọn Tây không vào nhà Ính.

Lại một bọn lính nữa kéo vào. Không biết đã vớ được rượu ở đâu, họ lão đảo cả. Có người hỏi cô biết hát không? Ính bảo không biết. Thì mấy người cùng bảo: « Tôi hát cho cô nghe nhé ». Rồi hát: *Anh nghe anh đừng khóc. Tây về ăn hết trâu, hết lợn, hết rượu, hết gạo...* Rồi nằm lăn ra ngủ ngay ở sàn. Mặt người nào cũng nhợt nhạt trắng bệch, quần áo thì dây máu bê bết. Chắc đã có cán bộ dạy bảo họ. Ính nghĩ: « Thế là phải. Vợ con mày ở nhà, Tây cũng vào hiếp mà mày chưa biết đấy ».

Bọn lính tuần đã ra khỏi làng. Nhưng cả làng, suốt ngày không ai dám ra đường.

Thế rồi, không biết từ ở đâu ra, lúc chập tối, Bàn chạy đến nhà ông Mừng:

— Lạy bố, con xin nói với bố một câu.

Và Bàn nói luôn:

— Con hôm nay mới biết quan bang Kỳ muốn lấy cô Ính về cho quan Ba. Thế ra trăm tội cũng đều ở tay thằng Mừng Lài ấy mà đến. Bố ạ, con phải giết quan

bang Kỳ, rồi con đốt luôn cả cái kho cho nó mất tập trung thóc của ta. Chỉ còn một tay này, con vừa đốt nhà, con vừa đàm quân ác, bố bảo có được không?

Nói xong, Bàn chạy vào trong làn mưa bụi và sương mù mịt mờ đương xuống. Cả ông Mờng, cô Ính và An chạy theo nhưng không kịp.

Vừa lúc ấy tiếng trống báo tối đổ hồi trên lò cốt. Cái chốt cổng làng kéo kẹt đóng sập xuống, rợn như con dao chém vào cổ người nào.

Ông Mờng lật đật sang nhà ông Tạo On. Hai ông già còn đương lo sợ với nhau thì nghe tiếng nổ nổ lộp độp phía đồn, rồi ánh lửa sáng hồng lên. Tiếng kèn báo động thổi xé trong sương. Mấy quả móc-chi-ê trong đồn bắn dọa, rơi xuống nổ dưới cánh đồng. Ai nấy không dám ra, cứ ngơ ngác đứng trên sân sà mà nhìn sang bên kia bờ rào.

Rồi đêm lại trở về im lặng, tối mò trong mưa bụi. Như không có một việc gì đã xảy ra.

Sáng sớm, một người vợ lính hót hải chạy xuống sông bạc. Người ấy ngơ ngác bép xép:

— Đêm qua cai Bàn đốt kho thóc, giết quan bang. Linh Tây ra đánh chết cai Bàn rồi.

Ngay sáng ấy, lính đồn ập xuống vây nhà ông Tạo On. Cả gia đình hai người con trai ông Tạo On đi lính khổ đở đóng ở Mường La mà vợ con ở nhà, đồng cũng ộp đi, bắt đi ngay, gánh theo những chần rách và ninh, nôi, cùng với mấy đứa trẻ gầy kheo khur, những đứa trẻ phải viu lên cột cổng mới trèo qua được bậc thang cổng làng. Mấy bố con ông cháu lên đồn ngồi tù. Được hai hôm, phải đem đây biệch tích tất cả. Từ đấy, không

ai trông thấy gia đình bỏ con ông Tạo On. Còn hai cái nhà ở thì một toán linh xuống dỡ mang về đồn làm chuồng ngựa.

Rồi tiếng trống thúc các làng đàn bõ dựng thóc nộp đồn lại ầm ầm suốt ngày. « Việt Minh đã vào đến đây giết cả quan bang rồi, dân các mường không đem gửi thóc ngay thì Việt Minh cướp mất ». Quan Ba bảo dữ dội như thế.

Tiếng trống thúc cứ thúc. Người ta cứ dềnh dàng gặt. Như lo lắng. Như chờ đợi. Chỉ còn hạn có vài hôm nữa đã phải tập trung hết thóc. Anh Dầm đã hy sinh rồi. Biết ai người đi tìm được cán bộ? Ông Mờng lại ra rừng gọi. Đêm nào ông cũng cứ gọi vọng mãi vào núi thì rồi cán bộ sẽ phải nghe tiếng. Người già thường tin tiếng kêu và lòng thành của mình thấu được tới trời, ông Mờng cũng định ninh như vậy. Thằng bang Kỳ đã chết rồi. Nó chết, Bân cũng chẳng may phải chết ngay. Nhưng vẫn còn quan châu, quan đồn thì ông già vẫn còn lo. Tối tối, ông Mờng lại lên ra rừng gọi.

Hôm ấy, tiếng trống cấm lửa vừa điềm hồi, ông Mờng trông ra cửa sổ, đợi sương xuống thấm hơn nữa mới đi. Ông ngồi đợi một mình. Ính và em An đã ngủ yên trong nhà. Ông Mờng ngồi, sương giá dần dần thấm vào lỗ quần áo rách, như cắt thịt da; ngón tay, ngón chân buốt muốn rơi xuống.

Ông Mờng bỗng sững sốt, rồi đứng dậy. Ông vừa thoáng nghĩ thấy một mùi lạ, mùi người đương đi vào. Không phải mùi khét của quần áo lính tuần. Hay là linh áo dài đi nghe trộm cửa sổ? Ông Mờng tròn trợn, ra hóc cọt rút con dao.

Từ dưới chân thang vang lên ba tiếng tặc lưỡi bắt chước chuột rúc, chuột chạy.

Ông Mờng mừng quá, đáp tiếng lại. Đồng chí ta về rồi. Cả Ính và An cũng nhồm dậy. Ra hai chị em rét quá, không ngủ được, vẫn nằm nghe, nằm đợi. Trong sương lẫn trăng suông trắng trắng, một người vào nhẹ, rón bước lên thang.

— Ai?

— Dầm đây.

— Ồ... Anh Dầm chết...

— Tôi cũng là Dầm. Nó giết thế nào hết được người Mán.

— Trời ơi!

— Có vào được không?

— Được.

Đồng chí giao thông người Dao ấy trở ra. Lát sau, có hai bóng người bước vào.

— Chào cụ, chào chị, chào em. Chúng tôi là cán bộ được cấp trên cử về đi thăm hỏi bản mừng ta.

Đây là cán bộ về thăm các làng gặt hái và hỏi xem mấy ngày nay phải Tây càn làng bị thiệt hại những gì. Nghe câu nói ấm áp ấy, ông Mờng yên tâm, sung sướng hẳn lên. Ông luống cuống thổi bếp than. Ính thì đã nhận ra đây là tiếng anh cán bộ « người Thái Trắng ở châu trên » dạo nọ về họp đêm trên rừng. Ính vội ra ngồi vào bếp, thổi tiếp lửa mà ông Mờng cứ phù phù mãi, chưa bén đỏ.

Cả bốn người đã ngồi quanh bếp. Anh cán bộ bỗng nắm tay ông Mờng, nói một giọng cảm động, nhỏ nhỏ, khác hẳn:

— Bố ơi! Thăng Sạ con rề bố đã về đây.

Ánh than hồng đương rực lên. Ính ngạc nhiên nhìn : trên cái cổ áo Mán đã rách sờn thấy hai con mắt nhỏ, sắc, ánh nhìn lại Ính.

— Cô Ính!

— Anh Sạ, bố ạ. Anh Sạ, bố ơi!

Ông già giơ tay lên vuốt tay áo Sạ. Sạ lại nói :

— Con rẽ bố về thật đây, không phải con ma về đâu? Bố đừng lo. Em Ính, em An à!

Thế là ông Mừng khóc: « Mát ơi! ». Ính và An cũng khóc. Sạ chớp mắt, nước mắt cũng rơi xuống, không biết nói thế nào, trong khi ông Mừng, em Ính, em An cứ níu tay, níu áo Sạ. Họ không chú ý đến anh cán bộ đi cùng Sạ, anh ấy, từ nãy ngồi yên giữa sự đoàn tụ mà buồn ấy. Mãi sau anh ấy mới cất lời nói :

— Thưa bố, chúng tôi hôm nay về đây thăm bản thăm mừng. Dù lúc khổ sở thế nào cũng có chúng tôi, bố cứ yên tâm. Sau nữa chúng tôi có việc bàn với bố.

Ông Mừng nhìn sang anh cán bộ vừa nói. Tiếng anh lơ lớ giọng khó, ông Mừng đoán ra đấy là một cán bộ người Kinh. Ông vội hỏi :

— Đồng chí ơi, có việc gì thế?

— Làng ta gặt được nhiều chưa?

Ính vọt buồm cánh tay anh Sạ, đáp anh cán bộ :

— Gặt được nhiều rồi, anh ạ. Nhưng còn chưa biết thế nào, không biết giấu đâu, cứ để ở ruộng thì chuột cũng ăn mất nhiều.

Câu chuyện giữa mấy người xoay sang mặt công tác. Chỉ còn em An vẫn cứ ôm vai anh Sạ, nhìn anh Sạ, lại nhìn anh cán bộ người Kinh. Sạ nói :

— Em không sợ. Ban huyện đã cho kế hoạch rồi. Đừng nộp, nộp thóc thì nó lấy nó ăn hết thóc của ta. Mỗi nhà chỉ để đủ thóc ăn ở nhà. Còn bao nhiêu gửi lên khu.

— Nếu có chỗ gửi được thì chắc ai cũng bằng lòng gửi. Gửi thế nào cũng được. Không kể của ai đâu. Xem ra người ta ghét thẳng Tây quá rồi.

Ông Mờng hỏi:

— Thế Tây nó hỏi thóc đâu thì làm thế nào?

— Nó không hỏi được.

— Tại sao?

— Có du kích về bảo vệ cho ta.

Rồi hai anh cán bộ châu đầu lại, bàn bạc nhỏ nhỏ với bố con nhà ông Mờng.

Khi hai người cán bộ đứng dậy sắp đi, ông Mờng hỏi Sạ:

— Con ơi, con có biết việc nhà mấy năm nay khổ hại thế nào không.

Sạ thưa:

— Con biết cả rồi, bố ạ. Bố yên tâm. Con đã dọn thế, em Ảnh cứ ở nhà, không sợ. Rồi con lại về.

Họ ra khỏi nhà. Vào đến đầu rừng, hai người mới nói chuyện:

— Cò em vợ tích cực nhỉ?

— Ừ.

Sạ đương mãi nghĩ về những năm trước. Cảnh đi ở rẻ nặng nhọc, nhưng vợ chồng thật đã thương yêu nhau. Không ngờ cái hôm ở lại đánh trâu ấy mà rồi xa nhau mãi mãi. Thật là chua xót.

Trung đội trưởng thấy lâu lâu đồng chí Sạ chỉ « ừ » một tiếng, anh biết mình đã lỡ hỏi làm cho anh Sạ lại

nghĩ ngợi vương vấn chuyện cũ. Như lúc nãy, ở trong nhà, mọi người đang bịn rịn quanh Sạ, trung đội trưởng đã đưa công việc lại, gỡ ra mối tình cảm quá nặng, bây giờ anh lại hỏi :

— Này, liệu ngày kia đã xuống thuyền thóc trong làng ra được chưa ?

— Tở tôi sẵn sàng rồi.

Hai người ra khỏi nhà đã lâu. Thế mà trong nhà vẫn im như tờ, chỉ nghe mơ hồ tiếng bụi than tí tách rất nhỏ, rất nhỏ, đương vạc dần đi. Chiêm bao ư? Mọi người có lẽ vừa mơ tỉnh dậy. Như đã trăm nghìn lần nhớ lại, Ính nhớ xa xôi lại cánh đồng làng ngày mùa, những ngày gặt hái rộn rã. Anh Sạ vừa hát vừa đập lúa. Chị Mát thì ngồi trong lều ninh sồi. Ính ra sau ruộng đuổi mấy con vịt về quây lại. Ính chỉ mãi đứng một tý nhìn ông sao chiều le lói mọc sớm trên ngọn núi, thế mà quay lại đã thấy sau lưng im tờ, anh Sạ đã buông tay lúa vào rúc rích trong lều từ lúc nào. Chả vắng bố mà... Ính còn muốn nhớ lại nữa...

Ính khẽ khẽ nói :

— Bố ạ, nếu thế thì con đã gặp anh Sạ từ cái đêm họp ở rừng mà con không nhận ra.

Ông Mừng cứ bàng hoàng nhớ dần. Dù sao thì ông càng tin rằng trong việc này có ý của ông trời muốn. Ông chậm chậm nói :

— Có lẽ nó là cán bộ đi với anh Dầm về dỡ nhà từ năm trước. Ghé thật, trời ạ, trời ạ.

Ính ngờ ngợi nhớ lại. Nhưng làm sao, Ính nhớ chuyện gần không ra, mà Ính chỉ nhớ thấy cánh đồng mùa gặt, cánh đồng mùa hái rau và chị Mát mà thôi.

Hôm sau, Ính và ông Mờng đi bí mật nói lại kế hoạch cán bộ về chỉ dẫn đêm qua cho các nhà trung kiên trong làng.

Tiếng trống của phía (lý trưởng) thúc gọi nộp thóc vẫn rền rĩ. Người ta ra ruộng bỏ thóc lại từng gánh, không quảy đi nộp kho mà lại đem về giấu cả trong nhà.

Một đêm trăng sáng lơ lơ trong sương. Từ ven rừng, bỗng có từng đám người lặng lẽ đi ra, đi qua cánh đồng đến đứng quanh bờ rào làng. Rồi những người đồng gác trên chòi, đã được hẹn trước, lẳng lặng xuống mở cổng làng.

Đấy là du kích trên khu xuống đón thóc của làng gửi lên núi.

Những cum thóc trong làng gánh ra, chuyền qua rào, qua cổng. Chuyền đến sáng thì hết.

Sáng hôm sau, trống báo sáng vẫn dỗi đáp từ trên đồn xuống làng, như thường lệ. Cửa làng mở, gác gác thả người ra đồng gặt nốt. Trong làng lạnh vắng, như thường ngày, như từ hôm bang Kỳ chết, đồn cấm lính không được xuống làng đánh bạc, uống rượu. Chợ đổi chác cũng không họp. Cả làng chết im. Nhưng ngày hôm ấy, trong cảnh lạnh chết, lòng người cứ nóng hồi. Người ta lo: dù đã định sẵn cách đối phó, nhưng nếu có lính trên đồn hôm nay xuống ộp nộp thóc, hỏi thóc đâu cả, thì thế nào?

Cửa đồn vẫn đóng im. Bọn lính lại ra kéo những guồng dây thép gai rào ngang giữa đường cái lên. Người đi phu vác nước cho đồn phải đứng xa gọi, lính ra khám rồi mới để từng người vào. Tình hình cần mật,

như sắp có bộ đội đến đánh. Không bóng một người lính lảng vảng xuống làng. Lính không xuống, thì lý trưởng cũng không dám đi thúc. Mà chỉ có tiếng trống gọi nộp thóc vẫn ra rả, dai dẳng vang vang kêu trên chòi đồn. Còn lý trưởng thì sợ run, cứ đứng trong nhà gõ trống ra.

Mới chập tối, cả hai trung đội vũ trang của đại đội Kim Sơn đã về nằm rải rác trong những trùn ruộng có gốc rạ cao che trên người.

Tối hẳn, một bộ phận tiến ra bao vây dưới chân đồn.

Hai tiểu đội tỏa vào các làng. Họ vào gặp dân. Từ khi đồn Tây về chiếm Mường Giôn, đây là lần đầu tiên bộ đội về làng. Cũng là lần đầu tiên người Mường Giôn được biết bộ đội, đời người ở đây chưa thấy bộ đội bao giờ.

Sạ và Muộn — phải, anh Muộn di phu Lạn Pha đã thoát ly từ ngày ấy — và một đồng chí nữa, tổ ba người này có nhiệm vụ vào tuyên truyền trong làng. Trung kiên lên thang từng nhà gọi người ra giữa làng « nghe cán bộ Chính phủ về hỏi thăm ». Chỉ một lát, người đã đồng nghịt ngã ba, bắt chập cả những kẻ thường ngờ là lính áo dài — có lẽ lính mặt thám áo dài cũng ra hết, theo hết về ta. Trời tối, không đốt lửa, không trông rõ mặt ai, áo chàm lẫn vào bóng tối đen kịt, chỉ ngửi thấy mùi xôi thơm lụng.

Sạ đứng dưới gốc cây mần tang mà nói. Tiếng anh choang choang, vẫn giọng lớ tiếng Thái miền trên. Chỉ có tổ trung kiên ông Mờng và tổ chị Ảnh biết được đồng chí cán bộ ấy là Sạ. Trời ơi, nếu dân làng biết được đây là anh Sạ, là con em mình đã thành bộ đội trở về

đây, biết ăn nói và làm việc cứu nước như thế này thì vui sướng xiết bao! Sạ nói:

— Thưa bà con anh em bản mường, chúng tôi gửi lời hỏi thăm thân ái. Từ khi thằng Pháp và phường quan bán nước về, nhân dân ta khổ hại nhiều quá. Đồng bào khổ hại thế nào thì Chính phủ cũng khổ hại, cũng đau lòng, buốt ruột như thế. Cho nên Chính phủ bảo chúng tôi vào đây. Hôm nay bộ đội về đánh đồn, để cho thằng Tây biết là bộ đội và dân như nhau, bộ đội và dân như nhau thì lúc nào bộ đội cũng đến tận nơi đánh nó được, nó không thể ở được, nó phải trả lại đất nước bản mường ta.

Lúc đó, tiếng súng rào rào nổ vào đồn. Rồi moóc-chi-ê câu ra, tiếng lựu đạn âm vào trong. Nghe súng loạn xạ, cả đạn moóc-chi-ê vọt qua đầu, nhưng không ai sợ, không ai chạy, vẫn đứng xúm đông quanh cán bộ. Anh cán bộ hỏi: « Bà con có điều gì muốn hỏi không? » Người ta chen nhau hỏi:

— Đồng chí ơi, bắt thằng Tây phải trả làng hơn một trăm con trâu và bao nhiêu lợn gà. Hôm nay đánh đồn bắt nó trả đi, đồng chí ơi!

— Chúng tôi khổ lắm, làm thế nào?

— Sao đồng chí không đem tôi đi khu du kích?

— Tôi xin ủng hộ bộ đội một lạng cơm xôi.

— Tôi ủng hộ...

— Tôi ủng hộ...

Người tiu tit đến đưa cơm xôi cho ba đồng chí bộ đội. Thì ra ai cũng đã mang sẵn một lạng cơm, làm cho bóng tối thơm lừng. Đồng chí Sạ, tổ trưởng tổ ba người đã giải thích và trả lời câu hỏi thăm của từng người

hỏi, lại cảm ơn, nhưng từ chối không nhận xôi. Tuy nhiên, gạt đi không được, người ta cứ đến đeo lẳng vào tay các anh, xúm xít, tíu tit.

Từ nãy, Ính chen ngay vào, nắm tay Sạ, gọi « anh », rồi quàng một lẳng cơm xôi vào tay Sạ. Người ta xúm quanh, hỏi, vuốt áo, vuốt tay Sạ. Sạ và hai đồng chí nữa biết như thế có thể nguy hiểm nhưng họ không làm thế nào đây được những người hăng hái và tha thiết ấy ra. Ính thì không dám hỏi sợ lộ. Nhưng Ính cứ bám theo, nắm chặt cánh tay Sạ. Đến lúc Sạ chào bà con, bước ra, mới thấy cánh tay mình vẫn bị nắm lại. Ính chạy theo.

— Anh Sạ không về nhà?

Sạ cúi xuống, khẽ gỡ tay, nói:

— Về sao được, em quên bí mật à? Lần khác anh về.

— Anh lại về, anh nhé.

— Ừ. Nay em Ính!

— Anh bảo gì?

Sạ nói tự nhiên:

— Bao giờ kháng chiến mà thành công, anh được phép cấp trên cho về chơi làng, anh lại đến xin ở rề nhà bố, em ạ.

Ính lúng túng không biết nói thế nào, chỉ nhắc lại: « Anh về, anh nhé! », rồi Ính choáng váng, bỗng chưa tin cảnh này là cảnh thật.

Tiếng ám hiệu tập hợp vắng lại. Sạ buông vai Ính, chạy vào trong bóng sương.

Ở đầu làng, đồng chí Muộn cũng đương nói chuyện với bà con. Sắp đi rồi, chào rồi mà bà con cứ níu lại.

Các cụ già phều phào vừa nói vừa khóc. Muộn cũng nói cứng cổ, nhưng nước mắt cứ ứa ra: «Bố ơi! Các bố ở nhà khuyên bảo con cháu một lòng ủng hộ kháng chiến, chúng con đi, chúng con lại về». Rồi Muộn dứt chạy ra.

Không ai biết đây là anh Muộn người làng. Riêng chỉ một người biết. Muộn vừa ra khỏi bờ rào, một bóng người thoáng theo.

— Anh Muộn, em đây. Yên đây.

— A chị Yên.

— Anh Muộn cho em lên khu với.

— Chị không sợ thằng phía nó bắt người nhà phải nộp phạt à? *

Yên bảo:

— Anh ơi! Con tôi cho đi ở nợ nhà giàu rồi, không còn ai cho Táy bắt phạt nữa. Không, đàn bà bây giờ cũng là đời con người biết ăn biết nghĩ. Anh cũng biết đời tôi nay như thế nào...

Yên nức nở không nói thêm được. Muộn chưa biết trả lời sao. Tiếng âm hiệu tập hợp vẳng lại.

— Việc này chị phải về bàn với tổ đã. Phải làm thế đã.

Rồi Muộn nói nhanh: «Tôi đi, chị Yên ạ. Lần khác tôi về».

Đảng phía đồn, tiếng súng đã im hẳn. Du kích rút vào tới ven rừng, tập hợp, xem lại người. Không mất

* Nếu phía (lý trưởng) biết nhà nào trong làng có người thoát ly đi khu du kích, nó bắt người nhà, người họ phải hàng tháng nộp một số tiền phạt vì tội «có người nhà theo Việt Minh».

ai, mà lại thấy thừa ra một người. Tối quá, mọi người đương lao xao, lúng túng, thì chị Yên bước ra trước mặt đồng chi trung đội trưởng, nói và khóc :

— Các anh cho em đi với.

Trung đội ấy lại đi. Có cả chị Yên đi.

Hôm sau, mặt trời đã lên cao mà cái đồn vẫn còn lặng như chết. Từ trong đồn, từng loạt súng nhỏ, súng to bắn tới tấp ra.

Bắn khoảng không một lúc để mở đường tiến trong đồn ra rồi xông vào làng. Như đi đánh trận! Từ ngày ông Tào On phải dày biệt phương thì làng không có tao bản, mỗi lần Tây vào làng, lại phải dắt lý trưởng theo. Bấy giờ thẳng phía cầm cái roi ngựa có lính đi kèm hai bên, cả lũ vào trước cửa sòng bạc, đánh trống gọi dân ra.

Làng đến, cả các cụ và đàn bà công con ngồi suốt hai bên đường. Lính thì cầm ngang súng cầm lưỡi lê nhắm nhắm, đi đi lại lại. Lính hỏi :

— Có Việt Minh trong đám này không? Á giỏi, dân mừng của quan mà dám đưa Việt Minh về đánh các quan.

Ông Mông, — đã được sắp đặt đứng ra đại biểu, — bấy giờ ra trở một đám bồ, bịch quăng la liệt xung quanh, nói :

— Đêm hôm qua có hàng nghìn người vào làng lấy hết thóc đi rồi, có còn gì nữa đâu.

Người lý trưởng vừa trợn mắt, vừa run :

— Chết rồi! Sao chúng mày không đi báo quan?

— Các quan còn phải ở trong đồn bấy giờ mời đám ra, quan đâu mà về từ đêm qua cho chúng tôi báo.

Người lý trưởng mặt xám lại, quay nhìn châu đoàn, châu đoàn cũng đang ngơ ngẩn. Tây đồn thì đi đi lại lại, vụt gậy vào những cái bồ không, bồ quay lông lốc. Mọi người im lặng nhìn. Không xúc xạo, cũng không điếm đình như mọi khi, lát sau, họ kéo về.

Sau trận quấy rối đồn Mường Giơn của đội võ trang, giặc bắt dân dẫn cây, chặt tre, đào thêm hào, quây làng thêm một lần rào nữa. Lại cho lính mới ở Mường Lài về đóng ba đồn nhỏ trên ba mồm đồi chặn quanh cánh đồng.

Tây đồn bảo châu đoàn :

— Việt Minh vào được các làng Thái rồi. Các ông phải canh giữ dân cho cẩn thận.

Lính mới hung hăng đi tuần tiễu, bắt điếm đình, xúc xạo gà, trứng gà, lại dũ. Chúng khiêng người ra đồng hiếp, chúng uống rượu đánh bạc, đánh người, cà nhau. Ngày nào cũng loạn xạ từ cổng sau trại con gái xuống khắp làng. Nhưng mỗi khi lính say thì lại thường vừa đi vừa hát bài « Kể cho chồng đi lính cho Tây nghe ». Càng say, càng hát, càng khóc. Những người hung ác đến lúc say ấy mới thật tỉnh dấy.

Nhưng bây giờ làng không chịu một bề như trước. Một lần, hai lần, lính đụng đến, người ta đánh lại, lính cắp trứng, cắp gà, người ta đuổi theo giăng lại. Quân tuần tiễu vào quây, các chị chạy xúm ra một chỗ với các bà già, trẻ con ngồi quanh các chị thành từng đám, hàng trăm người. Lính nào táo tợn sà vào, các chị kêu, bà già cũng kêu. « Con ơi ! Con hiếp cả mẹ à ? », trong khi đám trẻ em thì la hét chửi ầm ĩ. Từ đấy, lính vào làng, lúc nào súng cũng phải xách ngang giữ thế, đi len lét như con rắn.

Vấn đi phu, quấy nước, hầu hạ bên đồn, bên châu, vẫn phải tiếp tế gạo, rau, từ củ hành, củ tỏi, con ốc, vẫn nặng nề đau khổ đủ điều! Chúng muốn làm cho người ta càng khổ, càng đói. « Cho khổ hại, không còn sức, còn người mà đi Việt Minh » — Tây đồn bảo các quan mừng, rồi các quan mừng lại dọa lại dân như thế.

Nhưng cũng bây giờ, ban đêm và cả ban ngày, khu du kích trên núi và các làng dưới cánh đồng vẫn vượt qua vòng đai trắng những rừng rượng và làng bỏ hoang, họ đi lại, tin tức với nhau, không kể đồn mới đóng thêm tân ven rừng, không kể quanh làng thêm hào, rắc thêm chông và rào thêm mấy hàng gai nữa.

Những ông già như ông Mờng, tùm tùm cười nhạt, nói:

— Con chó, mày dốt lắm! Rào làng thì mày rào nổi chứ rào cái bụng người ta thì mày không rào được đâu.

III

Một năm sau.

Một mùa gặt nữa lại tới.

Lúa đã rụng rưng rưng chín trước mặt. Lúa tốt ở ruộng giữa đồng thì của các nhà chức việc, các quan làng, quan mừng. Lúa của dân phu thì xấu, lép dưới ruộng chân giộc, ruộng bờ suối cạn. Nhưng dù cho có đói kém khó khăn, thì bao giờ cũng vậy, khi mùa tới, người người cũng vẫn háy háy vui. Bây giờ vừa vui mong đợi, vừa phấp phồng. Vì trên đồn lại đã có lệnh xuống làng bắt đàn bò bịch mới. Mọi người nghe lệnh một tai,

cứ nhân nại vừa đan vừa ngóng. Chưa biết việc giấu thóc năm nay sẽ làm thế nào. Mấy hôm ấy lại nghe tiếng súng to vang lại từ phía Mường Lùng. Người ta hỏi nhau: « Đại đội Kim Sơn lại đánh Mường Lùng à? Đại đội Kim Sơn đây ».

Thế rồi, mới mờ sáng một hôm, ở cửa sông bạc, không biết từ đâu kéo đến lối nhỏ những đàn bà và trẻ con khóc inh xóm, giữa những gánh chần, đệm bọc vải hoa sặc sỡ, xoong chảo mạ kền sáng nhoáng, va li, làn mây, cái ấm giở đồ chon chót. Từ tờ mờ sáng cho tới tối mịt, luôn mấy ngày, ngày nào cũng lũ lượt bối rối, tấp nập, những bọn vợ con linh từ các vùng Nghĩa lộ, từ Tú lệ, từ Mường Than mấy hôm nay, hết bọn này đến bọn khác chạy qua đây. Mỗi bọn chạy qua lại rắc theo vào một câu chuyện càng ngày càng ghê gớm: « Súng to nổ tóe thế này... Bộ đội lên đây đồn... Tây chết hết. Linh chỉ còn sống sót thôi. Bộ đội gọi tao ra, bảo thế nào, cho ăn thế nào, cho đi nhận đồ đạc thế nào, dạy dỗ thế nào, rồi cho về thế nào... Đồn Nghĩa lộ to bằng cái núi Lạn Phạ kia mà thằng Tây chẳng giữ nổi, còn bị chết cháy trong ấy, cái đồn Mường Giơn bằng cái cục đất này không biết có ăn được một phát súng to của bộ đội không? Chết, chết, quê mường nào về mường ấy mau thôi, mẹ ơi! ».

Một bọn rối rít giục nhau thổi cơm ăn ngay giữa đường. Ính và mấy chị nữa đến dò tin. Một vợ linh đương mớm cơm cho con, nghe Ính hỏi thăm, chị ta kể:

— Úi trời ơi, chính em ở Tú lệ về đây, chính em trông thấy thằng Tây nhảy dù xuống cứu nhau ở Tú lệ. Bộ đội đuổi, Tây chạy lên dốc Cao Phạ. Nó đội cái mũ sắt, chạy lên dốc một lúc, nó vứt mũ sắt. Đầu tiên nó

còn mặc cái quần da, chạy một lúc vường quá nó cởi vút cả quần da. Rồi nặng chân quá, nó cũng chẳng kịp tháo giày, cứ vừa chạy vừa xé cổ giày quăng đi, rồi lại chạy. Đến lúc nhọc quá, nằm chết giữa dốc thì chỉ còn mặc có cái quần đùi. Chúng em về đến Mường Piêng lại gặp Tây dẫn lính ra cứu nhau. Chúng em kể chuyện thằng Tây ở Tú lệ chạy thế, bọn này không nghe, cứ ra. Hôm sau chỉ thấy có mấy người sống sót chạy về, còn có cái quần đùi, cứ khóc ồ ồ như mẹ chết.

Một bọn vợ lính trên đồn Mường Giôn xuống cũng xúm lại nghe chuyện «Tây nhảy dù Tú lệ», nghe chưa xong đã hoảng chạy về ngay. Một lúc, tất cả vợ lính ở khu trại con gái sau đồn ùng ùng dọn đồ xuống làng ở, quan Ba cũng chưa kịp cản.

Tiếng trống thúc dân gặt vẫn vang động trong làng. Khi đó, tiếng súng to lại dội ình ình càng ngày càng vang động đằng sau núi.

Quang cảnh rối loạn như ma làm đã hiện lên khắp nơi. Nhiều người lính trốn đồn, cuống queo chạy khuôn hòm của cải cho vợ. Có người hoang mang chạy ra ruộng rồi không biết đi đâu, cứ đứng ngay như cái cây chết đứng. Có người vào nhà sòng bạc uống rượu. Có người lo xa, la cà hỏi các nhà dân để mua sẵn khăn và áo dài phòng lúc phải trá hình chạy đi. Trong các xóm, người ồn ào ra, lẫn lộn có cả một bọn lính áo dài trên đồn vừa tung xuống cho đi nghe ngóng. Các chị tổ trung kiên ngang nhiên đến nói vào từng ngõ: «Làng ta nhất định không đi gặt. Gặt bây giờ thì thóc vào đồn, nếu Tây chạy như ở Tú lệ là nó đốt hết. Nhất định không gặt!».

Mấy lính áo dài lẳng vẳng theo dõi liền xô lại chĩa súng ngắn, bắt trời cả bọn các chị Ính, chị Mỹ, chị Sao, cùng mấy chị nữa. Quan Ba quát ra lệnh:

— Ai ở đầu cứ yên đấy. Ngày mai cả làng đi phu rồi quan lớn cho muối mà ăn.

Lại dọa:

— Trên rừng chỉ còn có năm Việt Minh, quan mới bắt nốt được, sẽ đem bắn cho mà xem.

Có năm thanh niên du kích Mèo trên núi bị bắt từ tháng trước. Chúng bắn chết, rồi cắt đầu. Lại đem bày trên những quày hàng trước cửa sòng bạc.

Nhưng bây giờ khác tháng trước, khác năm trước rồi. Quan và lính vừa đi khỏi, bà con đem chôn ngay đầu các đồng chí du kích. Làng nước không chết lịm đi như mọi lần bị khủng bố. Người ta cứ vợ vẫn ngoài đường cả buổi tối rồi lại đến tụ tập trước cửa sòng bạc. Muốn đòi đời rồi, không thể ai nằm yên, ngồi yên được. Ai cũng nói:

— Trời đất nóng lắm rồi. Bộ đội sắp về đánh Tây rồi. Đi phu cho Tây thì chết oan. Ta phải trốn vào nghe trong rừng mà đợi bộ đội đến.

Nhiều người ồn ào: « Phải đấy! Phải đấy! ». Có người nhát mới lắp bắp: « Không nên... », lập tức câu nói bị át giữa những tiếng chửi rủa: « Chẳng chết toi... Mày là lính áo dài ở Mường La lên, tao biết mày rồi », — « Tao đâm thủng cổ mày bây giờ! ».

Ông Mòng nói to:

— Làng ta tránh cả vào rừng, không cho Tây ngày mai bắt được người phu nào. Nhưng người già phải ở lại giữ mường, dù Tây có đánh chết cũng không

tiếc bằng chết người trẻ. Con gái tao nó bắt rồi. Còn có thóc nó muốn bắt nốt à? Bỏ con tao chết hết à? Không xong đâu, người già phải ở lại giữ lấy thóc mà đợi bộ đội.

Các ông già vừa đến đều đứng lên nói bằng lòng ở lại trông nhà, trông ruộng cho cả làng trốn đi phu vào rừng ngày mai.

Đồ đạc tốt và chảo gang đem chôn cả xuống hố «tăng sê» đầu nhà. Ngay nửa đêm ấy, các nhà gồng gánh bí mật vào rừng. Nhiều vợ con linh xuống làng cũng theo làng vào rừng. Tất cả làng đều vào rừng. Những điểm đồng canh đầu làng cũng bỏ gác, đồng làng chạy hết, không ai đáp trống canh đêm trên đồn nữa.

Ông Mờng buộc cái chăn vào đòn gánh cho An. Ông bảo :

— Con đem nồi này vào rừng mà thổi cơm. Bỏ chỉ giữ cái siêu nước, cái bùi nhùi kéo lửa là đủ.

An quảy gánh đi. An đã lớn, An không bị rịn, bị áo bố như trước nữa. Bước chân đi, An nhớ chị Ính, An càng thương chị Ính. Chị Mát xưa đã phải giặc bắt đi chết bỏ bạn trong rừng rồi. Bấy giờ An chỉ mới đứng cao bằng đầu cái cây đã phải đi cây. Con trâu cứ kéo lê cả cái cây, tha cả An lê trên mặt ruộng. Nhà An khổ quá. Nhưng anh Sạ đã về bảo : « Có lấy được đất nước thì mới khỏi khổ ». Từ đấy An mới biết rồi có ngày khỏi được khổ. Chỉ có bộ đội về lấy lại đất nước mới làm cho ta khỏi khổ được. Bấy giờ bộ đội sắp đến. Bấy giờ vào rừng đợi bộ đội anh Sạ đến cứu à? Không, ta phải đi gọi anh Sạ về nhanh cứu mừng, cứu chị Ính ta. Chị Ính không thể chết như chị Mát. An đã nghĩ

thế. Rồi khi quảy gánh ra khỏi nhà thì An không vào rừng với người làng, mà An ra đi.

Khi đó vào quãng đầu canh một. Rét, gió dữ. Mây võ từng mảng rơi thấp xuống trời rất nhanh ngay trên đầu. Mỗi đám mây tối đen vùn vụt đi, lại thoáng ló ra một khoảng trời le lói sao.

An cứ theo sáng sao, chạy về đèo Lạn Phạ, phía tiếng súng âm lại. Phía ấy chắc gặp được bộ đội anh Sạ.

Không phải chỉ trong làng, ngoài đường cái mới rối loạn tí mù mịt hôm nay, mà cả trong đồn cũng vậy.

Ở trại giam đồn Mường Giơn — một trái nhà hầm dưới chân lò cốt, các chị dưới làng bị đẩy vào giam cùng mấy gia đình người Mèo bị bắt.

Bên ngoài vang vào những tiếng đập thùng sắt, tiếng đập hòm xúng xoảng. Trên lò cốt, nghe hòm đạn cứ kéo ré xèn xệt quanh quần các lỗ châu mai, kĩa kĩa như trâu kéo mật. Quan Ba chửi thẳng bằng tiếng Thái: « Thằng Thổ chết toi... thằng Thổ chết mất giống... », lúc nghe tiếng quan Ba ở phía này, lúc lại nghe nó chạy sang phía khác. Người chửi rửa dẳng sau lưng lại cuồng lên trong tiếng đập chai và đập hòm xiềng.

Rồi bỗng đâu vẳng một bài hát Lào, bài hát của những toán lái buôn người Lào ngày trước mỗi khi Tết đến lại thấy họ dắt ngựa lội suối, vừa đi vừa hát vào mừng, toán lái người buôn đem từ đất Lào đến đủ thứ: kim chỉ, vải xanh đỏ, lược ngà. Tiếng hát bao la thương nhớ, tiếng hát mong mỗi yên vui. Rồi tiếng hát lại bị đứt quãng vào cuộc chửi nhau, giằng xé gì đấy của bọn lính. Chốc chốc, hồi trống báo canh trên cao lại đập tang tang vào thái dương, choáng óc.

Bên ngoài cứ táo tác rối rít như thế, rồi tối sập xuống. Có tiếng báng súng lịch kịch đến tựa vào cửa. Ấy là bọn lính đến gác đêm ở nhà giam.

Có lính đến gác, các chị chột dạ, nhất là sợ trong lúc đêm tối này. Rồi chỉ nghe những người lính canh lâu bầu cãi cọ nhau. Có lúc họ đấm, đập, xé vải, cào cấu nhau. Ính nghĩ: «Súng bộ đội gần rồi. Chúng nó sợ lắm đấy». Rồi nói truyền tai cho các chị, nói tự nhiên thế cũng giữ được tinh thần nhau. Chị em cứ nửa bình tĩnh, nửa phân vân. Bây giờ mới chập tối, còn cả một đêm, một đêm rét buốt và dài lắm. Không biết nghĩ thế nào, có thể sẽ thế nào?

Tiếng súng to lại nổi lên, bần bật sau núi. Bọn lính gác bỗng im. Ngớt súng, họ lại rì rào chửi nhau. Cứ lúc to, lúc nhỏ:

— Ngày mai không biết nó còn đưa tao đi chết ở đâu chưa biết.

— Thăng bếp *xéch-xông* Một theo cả bọn nó trốn xuống làng với vợ lúc này. Thế là sống rồi.

— Chắc chúng nó chạy thăng.

— Còn phải nói!

— Có thăng quê trong làng này ở cơ nó đưa đi.

— Bọn lính quê ở đây thì bụng theo Việt Minh mấy năm nay rồi. Chúng nó xui cai bán giết Bang Kỳ đấy.

— Trời ơi, bây giờ mà tao chết thì bỏ vợ một mình trong mường ư?

Tiếng hát rè rè bỗng dừng nổi ngoài tường:

Nghĩ đắng cay trong lòng

Sớm tối cơm nhin bữa

Hai ta không biết ai chết ai còn...

Những tiếng cãi cọ đột nhiên lắng xuống. Họ đương chú ý nghe câu hát buồn.

Trong nhà giam, các chị xúm đầu lại :

— Nó hát bài của ta !

— Ính mày, nói cho nó giác ngộ đi.

Tiếng Ính :

— Thầy cai ơi, thầy hát bài ấy còn thiếu một câu :
« Đến chết hết giống người. Hai ta không biết ai chết ai còn », thế mới đủ.

Bọn lính ở ngoài nín lặng. Tiếng thẳng quan Ba quát đặng xa lại nổi ồm ồm đưa lại. Lúc ấy, họ lưỡng lự gì đó. Rồi một người thở dài, nói trống không :

— Con gái Mừng Giơn theo Việt Minh hết rồi, ghê thật !

Tiếng trong tường lại nói ra :

— Thầy cai nào vừa hát cũng theo Việt Minh đấy chứ ai mà lạ.

Người lính hát bài vừa rồi, sợ quá, lắp bắp nói :

— Việt Minh gì tao ! Nghe bọn phu Mừng Giơn năm trước làm đồn Lạn Pha hát, tao cũng bắt chước thôi, tao biết gì.

Thế ra mấy người lính này đã ở Lạn Pha, cái khi Tây làm đồn trên ấy. Họ đã ném đạn du kích. Họ đã biết trong đám phu Mừng Giơn bấy giờ có anh Muộn đứng lên giác ngộ anh em lính ngục và dạy họ hát bài hát cách mạng. Rồi chính những người lính ấy đã mở cửa cho phu Mừng Giơn chạy về. Câu chuyện ngày ấy như thế. Thế thì có thể dễ rồi. Ính vững bụng hơn, mạnh bạo hỏi :

— Mai thì bộ đội Chính phủ đến, quan Ba mà chạy thì các anh chạy đi đâu?

Tiếng trả lời rụt rè :

— Nó làm quan trên đầu mình thì phải chạy theo nó vậy.

— Không được đâu. Các anh có nghe bọn vợ lính ở ngoài vào kể chuyện Tây nhảy dù ở Tú lệ, chạy chết cả đám như cá chết đuối, các anh nghe chưa?

Rồi Ính kể lại chuyện Tây nhảy dù chết ở Tú lệ. Bộ đội ta đuổi nó chạy lên dốc Cao Phạ. Đầu tiên nó chạy vút cái mũ sắt nặng. Một lúc, nó chạy vút cái quần da nặng quá...

Bọn lính nin thở nghe, Ính vẫn nói ra :

— Bản mừng nào bây giờ cũng có Chính phủ về cả rồi. Bản mừng nhà mình đây, mình ở, sao lại chạy đi quê chỗ nào. Các anh thế là đi sang con đường trái rồi.

Câu chuyện cứ thì thầm qua khe tường đến nửa đêm.

Nửa đêm, những người lính gác ấy lấy lưới lè vắn gậy khóa trại giam. Cả lính và các chị Mường Giôn, mấy người Mèo bò xuống chân đờn. Họ theo người Mèo chạy lên núi. Trèo một buổi sáng đến giữa trưa đứng lại, thấy dãy núi trước mặt vẫn cao giõn lên như sóng. Một cụ già Mèo nói : « Đến đây là sống rồi. Thăng Tây chỉ bắt ta được một lần thôi, không thể bắt nổi ta một lần nữa. Các chị đừng sợ, cứ theo người Mèo ».

Họ trèo tới một làng Mèo ở khuất dưới chân một đám mây trên đỉnh núi.

Nhưng sốt ruột quá, không ở được. Các chị bàn nhau, rồi chỉ có bọn lính ở lại, còn các chị chia nhau mỗi người một ngã, tìm đường trở về dưới làng đón tin.

Ính lần được hương xuống đến nguồn nước rồi từ rừng rậm theo dòng nước ra. Xuống qua mỗi quãng đá khuất, lại nghe nước rào rào vật vã trên lớp ghềnh đá phía dưới.

Xa xa, một tiếng hươu gộ rơi vào rừng thẳm. Ính giật mình đứng lại. Ính cố ngỡ đây là tiếng ám hiệu. Nhưng đây chỉ là tiếng gộ của con hươu thật, không phải cán bộ hú ám hiệu.

Ính lại đi. Ính cắm cúi bám chân, truyền từng tảng đá giữa thác nước. Ồ, năm trước, những đêm đi họp ở rừng gặp anh Sạ, mà chưa biết là anh Sạ, hình như ta cũng lội quãng suối này đây. Tiếng hươu lại vang mặt nước. Ính buông váy, mặc cho nước trào vào váy, Ính đứng giữa suối đưa tay lên miệng, làm con hươu đáp tiếng bạn.

Không biết tiếng kia là ám hiệu hay là tiếng hươu thật, nhưng lúc đó là lúc mà Ính đương nhớ Sạ, nhớ quá, Ính đương bước mà Ính tưởng là bước qua những chỗ hai người đã đi. Ính càng bồi hồi, càng đi nhanh. Có lẽ mà dưới kia bộ đội đã về tới, Sạ đã về tới. Mỗi lúc tiếng súng vọng lại một gần, chưa bao giờ nghe súng gần như thế.

Ra đến cửa rừng, đột nhiên Ính nghe tiếng người oang vào vách núi, râm râm như tiếng loa rao :

— Bộ đội về rồi. Đất mừng về ta ở, thóc lúa về ta ăn rồi.

Tiếng hú tiếng gọi lại dội vào núi :

— Ai còn trốn ở rừng thì về mừng mà đón bộ đội...

Các mọ già đương đi hú gọi nốt những người còn ẩn trong rừng.

Không kể gì cỏ gianh, gai to, gai hạt dẻ đâm toạc cả chân tay, Ính vạch rừng chạy ra. Ính thấy nhiều người gồng gánh đồ đạc và trẻ con cũng đang ở rừng kéo ra. Ính níu vai một người, không biết là vai ai. Hai người cứ băng băng chạy trong bóng tối nhập nhoạng.

Khắp làng đã đầy bộ đội. Suốt ngày bao nhiêu bộ đội đã qua đây, rồi lại đuổi theo bọn Tây, bọn châu đoàn, bọn phía phản động đương bỏ đồn chạy về Luân châu.

Một đơn vị vừa tới, nghỉ đúng hai mươi phút rồi đi. Các « anh nuôi » của trung đội đương lúi húi bắc nồi đun nước, rọi dóm, chạy tìm củi.

An về từ chiều. Đêm qua, An đi tìm bộ đội, gặp bộ đội đã tiến tới lưng đèo thì quay về cùng.

An cứ chạy khắp làng xem bộ đội, thoát thấy mặt lại thoát đi.

Vừa hay lúc ấy ông Mờng và Ính bước vào ngõ. Ông Mờng hỏi đồng chí cấp dưỡng đương tìm củi đun :

— Bộ đội tìm gì đấy?

— Chào ông già, chào chi.

— À à, bờ rào làng đấy, kéo vào mà đun.

— Bờ rào của nhân dân, bộ đội không được lấy đâu.

— Không, không phải bờ rào mừng ta, thẳng Tây làm ra bờ rào ấy để hại người thôi.

Lửa tre khô bốc quanh nồi nước réo ngùn ngụt. Ông Mờng từ từ đi nhìn từng đồng chí nằm, ngồi quanh lửa. Ông nghĩ : « Bộ đội Chính phủ từ các mừng xa lắm về. Toán này cũng không có thẳng Sạ. Hay là Sạ ở toán đi trước rồi không biết ».

Từ chiều, ông Mờng đã ngóng, xem, đoán trong nhiều đơn vị đi qua. Quanh nhìn bộ đội một lúc, tự nhiên

không biết đang nghĩ thế nào, ông Mờng bảo Ính: « Bản mừng yên rồi thì tao cho mày làm vợ thằng Sạ. Tao không bắt nó ở rề, tao không lấy tiền, lấy thóc của nó đâu ».

Ính không nói, Ính nhìn những anh bộ đội ôm súng, gối đầu trên hòm đạn, trên bao gạo. Ính tưởng như trong đám ấy có anh Sạ.

Một đồng chí bộ đội cười, chào Ính, như quen biết từ lâu, khiến Ính càng tưởng trong đám ấy thế nào cũng có anh Sạ. Không thấy anh Sạ, chỉ nghe câu nói sung sướng của bố, làm sao mà Ính cứ bồi hồi, lo lo.

Đại đội ấy lại đi, mãi miết truy kích. Đơn vị khác đến, nghỉ một lát, lại đi.

Ông con ông Mờng và cả làng cứ ra công suốt đêm dỡ rào ủng hộ bộ đội đun nước. Không ai còn muốn có cái rào, cái chòi canh, cái cổng ấy. Đến sáng thì quanh làng đã quang cả ba lần bờ rào.

Bấy giờ, một buổi sáng mùa đông khô ráo. Từ mặt đất, mây mù cứ dần dần cất cao như một cái màn sương dần dần cuộn lên, đầu tiên trông thấy đồng lúa chín, rồi thấy nước suối Nậm Giơn óng ánh sáng, rồi nóc nhà trong làng nhấp nhò, rồi thấy ngang lưng quả núi xanh ngắt.

Người đứng trong làng nói to: « Trời dất quang lắm rồi ». Một ông cụ mọ chống gậy, ra đầu làng đọc một tờ tiếng Thái *Tám điều mệnh lệnh của Chính phủ*... mà đơn vị bộ đội đã dán lên các vách nhà từ đêm hôm qua. Cả làng chạy ra nghe. Tám điều mệnh lệnh cụ Hồ ra cho bộ đội và cho nhân dân các vùng mới giải phóng. « Thật là bây giờ mới được nghe toàn những lời phải. Cái cây tre bây giờ mới mọc được, con trâu bây giờ

mới chắc sống từ hôm nay ». Nhiều người cứ đứng, tự nhiên mừng quá mà khóc.

Mấy hôm sau, có một đơn vị đến đóng quân ở Mường Giôn. Bộ đội đang xuống đồng gặt giúp làng.

Trong cánh đồng. Lốm đốm áo xanh là bộ đội. Áo chàm, áo trắng là các chị, các em. Tiếng hát lại vờn lên. Trong làng ngoài suối, ồn ào người đi. Cửa hàng mậu dịch của Chính phủ đã mở ngay ở cái nhà sòng bạc cũ. Gian nhà sòng đánh bạc bây giờ để làm kho chứa muối, cuốc, dao, vải, thuốc Lào. Chỗ nhà hút thuốc phiện bây giờ là nơi quầy hàng mua bán. Ngày phiên chợ, các vùng Mèo lũ lượt dắt ngựa xuống mua muối.

Đi trên đường cái, nghe trống kêu tong tong. Trống gọi trẻ con học. Cuộc sống yên vui bây giờ đang chạy nhanh trở lại. Trạm bưu điện của tỉnh đóng đầu xóm, các đồng chí giao thông viên trưa nào cũng đi dạy các em học. Cũng là tiếng cái trống lấy ở nhà lý trưởng ra, sao mà bây giờ tiếng trống nghe như tiếng hát. Trống gọi dân công, gọi đi mua muối, gọi ngay binh đi dự lớp giác ngộ. Tiếng trống bây giờ sao mà vui, mà ngọt tai.

Không ai bảo ai, cái làng tập trung tan vỡ ngay. Mọi nhà, mọi người hối hả trở lại các làng cũ, các xóm cũ, như ngày trước, rải rác thành thoi trong cánh đồng.

Ông Mờng đã về làng dựng xong nhà mới. Dựng nhanh để kịp ăn Tết giải phóng. Hôm vót cột, dui nhà giấu ở dưới ao cá lên, ông Mờng nghĩ thương anh Dầm quá. Ông định hôm cất xong nhà thì cùng ma cho anh ấy. Bây giờ cái nhà có sáu cột gỗ nghiêng chân đá kê lại về đúng nguyên trên nền đất ngày trước. Hai cái cửa sỏ lại nhìn xuống ao cá. Hai cái cửa sỏ lại nhìn ra cánh đồng. Tết sắp đến rồi. Chiêng trống ngày đêm tập xòe

đã vang lừng. Từ khi giải phóng mới lại được nghe tiếng chiêng trống xòe đêm. Làng nước chỉ đợi gặt xong thì ăn Tết.

Ông Mờng và An khiêng cây tre ra trước sân ảng cắm cây nêu. Một đồng chí bộ đội đi qua, tạt vào biểu ông Mờng bức tranh vẽ hình cụ Hồ. Đồng chí nói: « Đây là cụ Hồ ». Ông Mờng cầm tờ tranh, ngẫm nghía, nói: — Năm nay cụ Hồ về ăn Tết mừng ta...

Rồi ông cười.

Những người già, trong lúc vui thường hay trạnh nghĩ chuyện đã qua. Ông Mờng nhìn lên cây tre cắm nêu vừa trồng xong, gió đánh lắc lư. Cây nêu cắm lên để chỉ cho hồn người chết nhớ đường về nhà ăn Tết. Tết sum họp yên vui sắp đến, ông Mờng nhớ người con gái đầu lòng, chắc đã chết ở mường xa, không bao giờ về được. Nỗi buồn cứ day dứt ông đến tận chiều. Khi tiếng trống xòe dăng đầu xóm đã lên tiếng giục già trai gái về tập xòe hát, ông Mờng mới thấy vui lại.

Sạ đang về làng. Sạ ở đơn vị được cử về làm hướng dẫn học tập của một lớp hàng, tù binh nguy ở địa phương. Lớp học đến hôm ấy thì tan. Sạ trở về nghỉ đêm trong làng mình.

Sạ đi qua cánh đồng vừa gặt xong. Mùi rơm mới còn thơm ngậy ngất trên những mái lều dựng thóc. Ven ruộng dăng xa, có một đám vừa đập lúa, vừa cười hát. Sạ phảng phất lại những mùa gặt ngày trước mình đi ở rề.

Cánh đồng Mường Giôn, nắng chiều vừa hồng lại một chút, người đông vui và ấm hẳn lên. Các chị, các em nhỏ xách thuổng đi trên các tràn ruộng đào chuột, đào

con rúi, nhật rau má. Tiếng trẻ cười inh ỏi. Bóng nước suối chảy lấp lánh bọc quanh ruộng ven rừng. Người xôn xao đi đánh cá.

Nhưng chẳng còn một bóng người làng Dao ở Phàng Chải ra suối kiếm cá. Làng Phàng Chải chỉ còn sót có một cây hoa mai ở lưng núi. Trông lên Phàng Chải mà nhớ năm trước, khi tổ võ trang của Sạ ở khu du kích Mèo phát triển xuống vùng Dao rồi lan ra năm cơ sở các làng Thái dưới ruộng. Những nhà Dao và Xá ven suối rách và thiếu ăn quanh năm, nhưng lúc nào cũng miệt mài chờ đò, đi giao thông và đưa cán bộ đi giấu. Mỗi lần Tây mong manh biết, lại đuổi làng Phàng Chải đi chỗ khác. Năm nào Phàng Chải cũng phải đổi làng. Những người thủy chung với cách mạng ấy ngày nay không còn được trông thấy giải phóng. Cây hoa mai trắng tinh trên sườn núi ở Phàng Chải kia chỉ biết đứng yên. Nó như cái cây mặc quần áo trắng tang để chờ bố mẹ. Cánh hoa là nước mắt, nước mắt bảo người sống báo thù cho nó. Sạ không bao giờ quên được.

Sạ đã đi đến trước một đám người đập lúa, toàn các anh các chị trong làng. Sạ cởi áo ngoài, chạy xuống đập lúa với bà con. Nhiều người ở ruộng xa cũng xô lại nhìn, ngắm Sạ. Không biết ở đâu, Ính cũng tong tã quảy dậu thóc đến và đứng lại.

Mọi người đang đập lúa, vợ rơm. Họ xúm quanh Sạ, hỏi tin về lớp giác ngộ cho ngụy binh. Sạ mở sổ tay, nói:

— Một trăm năm mươi người đi lính cho Tây bây giờ được học rồi nói khổ ra, mới biết nhà người nào cũng bị giặc Tây làm cho khổ hại cả. 16 người bị đốt nhà. 22 người có cha mẹ, vợ con bị giết. 30 người, nhà

có người chết đói, chết ốm vì mất trâu, vì phải tiếp tế, phải đi phu nhiều. 31 người phải đánh, phải tù. 21 người phải đồn làng, mất ruộng. 13 nhà phải nó đày đi mừng khác. Còn bao nhiêu nữa. Cọng tất cả cái khổ lại mới thấy giặc đã làm ác quá, ai cũng khóc, cũng nắm tay chửi Tây, rồi cả một trăm năm mươi anh xung phong đi bộ đội.

Mọi người vỗ tay. Một bà cụ chùi nước mắt, nghĩ lại bảy năm qua.

Đập lúa xong, nắng đã xế ngang. Sạ và Ính về. Ính quỳ đầu thóc. Sạ vắt áo khoác lên vai đi sau. Hai người không theo đường giữa đồng về, mà, không hiểu sao họ lại đi con đường xa hơn, vòng theo ven rừng, con đường có bóng cây, lúc đậm lúc nhạt trong ánh nắng.

Một quãng, hai người nghỉ, xuống uống nước dưới khe đá. Sạ trông thấy Ính gài trong cum thóc một bó hương nhu mà Ính đã vào rừng bẻ từ lúc trưa. Mùi thơm hương nhu thoảng qua. Ính cúi vốc nước vào lòng tay uống, rồi nói:

— Nước suối cũng có mùi thơm, anh ạ.

— Mùi hoa ở tay em ấy.

Ính lên ngồi sửa lại cum thóc:

— Anh Sạ này, ngày trước nhỉ, bộ đội đã có lần định về Tết ở mừng ta, chúng em đi lấy hương nhu về gội đầu thơm để đón bộ đội. Anh nhớ không?

Sạ cười, chẳng muốn biết là còn nhớ hay không nhớ. Ính lại nói:

— À anh Sạ còn nhớ chuyện *Có Tóc thơm* không?

— Quên rồi.

— Ngày trước anh biết nhiều chuyện đời cô lắm mà.

— Bấy năm đi bộ đội, đi nhiều quá, chẳng nhớ chuyện thuở bé nữa.

Rồi Sa kể một chuyện khác :

— Anh kể em nghe chuyện bây giờ vậy. Cái năm nhà ta chạy đi Mường Lùng mà anh ở lại dắt trâu. Lúc Tây bắn anh ngã, nó tưởng anh chết rồi. Bộ đội đến công anh đi, chữa ba tháng thì khỏi, rồi anh vào đại đội Kim Sơn. Đầu tiên, lên một vùng người Mèo ở. Gặp nhà có anh con trai phải lòng một chị ở núi bên, đêm nào anh ấy cũng đi rình cướp. Phải đêm làng chị ấy có đám ma, không vào được. Đêm sau, anh rủ mình cùng đi. Anh vào trước, dỡ vách. Chẳng may cái vách đổ, ông bố tưởng trộm liền hét lên. Anh ấy và cô con gái ông cụ phân trần mãi. Ông cụ không nghe, cứ chửi, đòi trói lại. Minh đứng nấp ở ngoài, thấy rắc rối, phải vào nói đỡ. Nói thế nào mà ông cụ hết giận, bằng lòng cho anh kia cướp vợ về. Rồi cái này mới hay : về sau nhà ông cụ thành nhà trung kiên thật tốt trong khu du kích*.

Ính cười mãi, mãi rồi mới nói được :

* Người Mèo có tục cướp vợ : trai gái yêu nhau, bằng lòng nhau. (Có khi chỉ có anh trai muốn người gái. Nhưng trường hợp này hiếm) thì người con trai đang đêm cùng một số bạn trai khác, đến nhà người yêu, bí mật « cướp » đi. Hôm sau anh trai về báo tin cho bố người gái ấy là tôi đã cướp được con ông làm vợ. Thế là phong tục bắt buộc ông bố phải nhận lời. Cưới lối « cướp » thì anh trai chỉ mất ít tiền cưới. Thường mùa xuân ăn Tết, con trai hay đi cướp vợ. Đó là một phong tục vui, thanh niên rất thích, bây giờ vẫn thường xảy ra.

— Bây giờ con trai người Thái không còn phải ở rề khô, thì không nên bắt chước người Mèo đi cướp vợ. Anh lấy được em mà chẳng phải đi cướp, chẳng phải làm con thần quái đại bàng đâu.

Ừ, chuyện *Có Tóc thom*. Lúc này, Sạ nói « quên » nhưng thật Sạ còn nhớ cả. Vì chính hai người đang đi trên con đường xưa, mà nay thiếu một người.

Sạ nhìn Ính, âu yếm. Hai người nhìn nhau. Sạ nin lặng. Ính thì mỉm cười lặng lẽ. Rồi họ đứng dậy, thong thả về làng. Bấy giờ nắng đã xế hẳn, nắng chiều hắt ngược lên những chỏm đồi. Những đụn Tây cũ trên các chỏm đồi quanh cánh đồng Mường Giơn, vết đất đào còn đỏ sẫm đen như những vết máu khô còn đọng lại, như nhắc người ta những cái khổ hại đã qua, những chuyện yên vui đương tới.

Về đến ngõ, Sạ và Ính thấy ông Mòng vẫn còn đương tần ngần ngắm ngọn cây nêu, gió thổi phất phơ những chiếc lá tre. Cây nêu cắm lên cho người chết trông thấy nhớ đường về nhà ăn Tết.

Ông Mòng lại nghĩ đến người con gái đầu lòng, chắc đã chết ở mường xa...

VỢ chồng A Phủ

Ai ở xa về, có việc vào nhà thống lý* Pá Tra thường trông thấy có một cô con gái ngồi quay sợi gai bên tảng đá trước cửa, cạnh tàu ngựa. Lúc nào cũng vậy, dù quay sợi, thái cỏ ngựa, dệt vải, chẻ củi hay đi công nước dưới khe suối lên, cô ấy cũng cúi mặt, mặt buồn rười rượi. Người ta thường nói: nhà Pá Tra làm thống lý, ăn của dân nhiều, đồn Tây lại cho muối về bán, giàu lắm, nhà có nhiều nương, nhiều bạc, nhiều thuốc phiện nhất làng. Thế thì con gái nó còn bao giờ phải xem cái khổ mà biết khổ, mà buồn. Nhưng rồi hỏi ra mới rõ cô ấy không phải con gái thống lý Pá Tra: cô ấy là vợ A Sử, con trai thống lý.

Cô My về làm dâu nhà Pá Tra đã mấy năm. Từ năm nào, cô không nhớ, cũng không ai nhớ. Nhưng người nghèo ở Hồng Ngài thì vẫn còn kể lại câu chuyện My về làm người nhà quan thống lý. Ngày xưa, bố My lấy mẹ My không có đủ tiền cưới, phải đến vay nhà thống lý, bố của thống lý Pá Tra bây giờ. Mỗi năm đem nộp lãi cho chủ nợ một nương ngô. Đến tận khi hai vợ

* Tô chức cai trị của đế quốc Pháp trước đặt chức thống lý cho bọn chức việc người Mèo cũng như chánh tổng, lý trưởng ở xuôi, phía ở làng Thái.

chồng về già rồi mà cũng chưa trả được nợ. Người vợ chết, cũng chưa trả hết nợ.

Cho tới năm ấy My đã lớn, My là con gái đầu lòng. Thống lý Pá Tra đến bảo bố My :

— Cho tao đưa con gái này về làm dâu thì tao xóa hết nợ cho.

Ông lão nghĩ năm nao cũng phải trả một nương ngô cho người ta, thì tiếc ngô, nhưng cũng lại thương con quá. Ông chưa biết nói thế nào thì My bảo bố rằng :

— Con nay đã biết cuộc nương làm ngô, con phải làm nương ngô trả nợ thay cho bố. Bố đừng bán con cho nhà giàu.

Đến Tết năm ấy, Tết thì vui chơi, trai gái đánh pao, đánh quay rồi đêm đêm rủ nhau đi chơi. Những nhà có con gái thì bố mẹ không thể ngủ được vì tiếng chó sủa. Suốt đêm, con trai đến nhà người mình yêu, đứng thối sáo xung quanh vách. Trai đến đứng hẳn cả chân vách đầu buồng My.

Một đêm, khuya My nghe tiếng gõ vách. Tiếng gõ vách hện của người yêu. My hồi hộp lặng lẽ quơ tay lên thì gặp hai ngón tay lách vào khe gỗ, sờ một ngón thấy đeo nhẫn. Người yêu của My thường đeo nhẫn ngón tay ấy. My bèn nhấc tấm vách gỗ. Một bàn tay dắt My bước ra.

My vừa bước ra, lập tức có mấy người choàng đến, nhét áo vào miệng My rồi bịt mắt, cõng My đi.

Sáng hôm sau, My mới biết mình đang ngồi trong nhà thống lý Pá Tra. Họ nhốt My vào buồng. Ngoài vách kia, tiếng nhạc sinh tiền cúng ma đương rập rờn nhẩy múa.

Lúc đó, A Sử đến nhà bố My. A Sử nói :

— Tôi đã đem con gái bố về cúng trình ma nhà tôi bây giờ tôi đến trình cho bố biết. Tiền bạc để cưới thì bố tôi bảo đã đưa cả cho bố rồi *.

Rồi A Sử về. Ông lão nhớ ngay câu nói của thống lý Pá Tra dạy trước : cho con gái về nhà thông lý Pá Tra thì được trừ nợ. Chao ôi ! Thế là cha mẹ ăn bạc của nhà giàu từ kiếp trước, bây giờ người ta bắt con trừ nợ. Không thể làm thế nào khác được rồi !

Có đến hàng mấy tháng, đêm nào My cũng khóc.

Một hôm, My trốn về nhà, hai tròng mắt còn đỏ hoe. Trông thấy bố, My quỳ lạy, úp mặt xuống đất, nước nở. Bố My cũng khóc, đoán biết lòng con gái :

— Mày về lạy chào tao để mày đi chết đấy à ? Mày chết nhưng nợ tao vẫn còn, quan lại bắt tao trả nợ. Mày chết rồi thì không lấy ai làm nương ngô trả được nợ người ta, tao thì ốm yếu quá rồi. Không được, con ơi !

My chỉ bưng mặt khóc. My ném nắm lá ngón ** xuống đất. Nắm lá ngón My đã tìm hái trong rừng, My vẫn giấu trong áo. Thế là My không đành lòng chết. My chết thì bố My còn khổ hơn bao nhiêu lần bây giờ. My đành trở lại nhà thống lý.

Lần lần, mấy năm qua, mấy năm sau, bố My chết. Nhưng My cũng không còn nghĩ đến My có thể ăn lá ngón tự tử. Ở lâu trong cái khổ, My quen khổ rồi. Bây

* Phong tục cướp vợ của người Mèo (xem chú thích ở trang 129 truyện Mèo Ông Giàu).

** Một thứ lá thuốc độc.

giờ thì My tưởng mình cũng là con trâu, mình cũng là con ngựa, là con ngựa phải đổi cái tàu ngựa nhà này đến ở cái tàu ngựa nhà khác, con ngựa chỉ biết việc ăn cỏ, biết đi làm mà thôi.

My cúi mặt, không nghĩ ngợi nữa, mà lúc nào cũng chỉ nhớ đi nhớ lại những việc giống nhau, tiếp nhau vẽ ra trước mặt, mỗi năm mỗi mùa, mỗi tháng lại làm đi làm lại: Tết xong thì lên núi hái thuốc phiện, giữa năm thì giặt đay, xe đay, đến mùa thì đi nương bẻ bắp, và dù lúc đi hái củi, lúc bung ngô, lúc nào cũng gài một bó đay trong cánh tay để tước sợi. Bao giờ cũng thế, suốt năm suốt đời như thế. Con ngựa, con trâu làm còn có lúc, đêm nó còn được đứng gãi chân, đứng nhai cỏ, đàn bà con gái nhà này thì vùi vào việc cả đêm cả ngày.

Mỗi ngày My càng không nói, lúi lũi như con rùa nuôi trong sọt cửa. Ở cái buồng My nằm, kín mít, có một chiếc cửa sổ một lỗ vuông bằng bàn tay. Lúc nào trông ra cũng chỉ thấy trắng trắng, không biết là sương hay là nắng. My nghĩ rằng mình đành ngồi trong cái lỗ vuông ấy mà trông ra, đến bao giờ chết thì thôi.

Trên đầu núi, các nương ngô, nương lúa gặt xong, ngô lúa đã xếp yên đầy các nhà kho. Trẻ con đi hái bí đỏ, tính nghịch, đã đốt những lều canh nương để sưởi lửa. Ở Hồng Ngai người ta thành lệ cứ ăn Tết khi gặt hái vừa xong, không kể ngày, tháng. Ăn Tết như thế cho kịp lúc mưa xuân xuống thì đi vỡ nương mới.

Hồng Ngai năm ấy ăn Tết giữa lúc gió thổi vào cỏ gianh vàng ửng, gió và rét dữ dội.

Nhưng trong các làng Mèo đỏ, những chiếc váy hoa đã đem ra phơi trên mồm đá, xòe như con bướm sặc

sờ. Hoa thuốc phiện vừa nở trắng lại đồi ra màu đỏ hau, đỏ thắm, rồi sang màu tím man mát. Đám trẻ đợi Tết, chơi quay, cười ầm trên sân chơi trước nhà.

Ngoài đầu núi lấp ló, đã có tiếng ai thổi sáo rủ bạn đi chơi. My nghe tiếng sáo vọng lại, thiết tha bồi hồi.

My ngồi nhâm thầm bài hát của người đang thổi.

*Mày có con trai con gái
Mày đi làm nương
Ta không có con trai con gái
Ta đi tìm người yêu*

Tiếng chó sủa xa xa. Những đêm tình mùa xuân đã tới.

Ở mỗi đầu làng đều có một mỏm đất phẳng làm cái sân chơi chung ngày Tết. Trai gái, trẻ con ra sân chơi ấy tụ tập đánh pao, đánh quay, thổi sáo, thổi khèn và nhảy.

Cả nhà thống lý Pá Tra vừa ăn xong bữa cơm Tết cúng ma. Xung quanh, chiêng đánh ầm ĩ, người óp đồng vẫn còn nhảy lên xuống, run bần bật. Vừa hết bữa cơm lại tiếp ngay bữa rượu bên bếp lửa.

Ngày Tết, My cũng uống rượu. My lên lấy hũ rượu, cứ uống ực từng bát. Rồi say, My lịm mặt ngồi đấy nhìn mọi người nhảy đồng, người hát, nhưng lòng My thì đang sống về ngày trước. Tại My văng vẳng tiếng sáo gọi bạn đầu làng. Ngày trước, My thổi sáo giỏi. Mùa xuân này, My uống rượu bên bếp và thổi sáo. My uốn chiếc lá trên môi, thổi lá cũng hay như thổi sáo. Có biết bao nhiêu người mê, ngày đêm đã thổi sáo đi theo My hết núi này sang núi khác.

Rượu đã tan lúc nào. Người về, người đi chơi đã vãn cả, My không biết, My vẫn ngồi trơ một mình giữa nhà.

Mãi sau My mới đứng dậy, nhưng My không bước ra đường chơi, mà My từ từ bước vào buồng.

Chẳng năm nào A Sử cho My đi chơi Tết. My cũng chẳng buồn đi.

Bấy giờ My ngồi xuống giường, trông ra cái cửa sổ lỗ vuông mờ mờ trăng trắng. Đã từ nãy, My thấy phơi phơi trở lại, trong lòng đột nhiên vui sướng như những đêm Tết ngày trước. My trẻ lắm. My vẫn còn trẻ. My muốn đi chơi. Bao nhiêu người có chồng cũng đi chơi ngày Tết. Huống chi A Sử với My, không có lòng với nhau mà vẫn phải ở với nhau! Nếu có năm lá ngón trong tay lúc này, My sẽ ăn cho chết ngay, chứ không buồn nhớ lại nữa. Nhớ lại, chỉ thấy nước mắt ứa ra.

Mà tiếng sáo gọi bạn yêu vẫn lừng lơ bay ngoài đường.

Anh ném pao, em không bắt

Em không yêu, quả pao rơi rồi...

Lúc ấy, A Sử vừa ở đâu về, lại đang sửa soạn đi chơi. A Sử thay áo mới, khoác thêm hai vòng bạc vào cổ rồi bịt cái khăn trắng lên đầu. Có khi nó đi mấy ngày mấy đêm. Nó còn muốn rình bắt nhiều người con gái nữa về làm vợ. Cũng chẳng bao giờ My nói gì.

Bây giờ My cũng không nói. My đến góc nhà, lấy ống mỡ, xắn một miếng bỏ thêm vào đĩa đèn cho sáng.

Trong đầu My đang rập rờn tiếng sáo. My muốn đi chơi, My cũng sắp đi chơi. My quấn lại tóc, My với tay lấy cái váy hoa vắt ở phía trong vách. A Sử đang sắp bước ra, bỗng quay lại, lấy làm lạ. Nó nhìn quanh, thấy My rút thêm cái áo. A Sử hỏi:

— Mà muốn đi chơi à?

My không nói. A Sửu cũng không hỏi thêm. A Sửu bước lại, nắm My, lấy thắt lưng trói hai tay My. Nó xách cả một thùng sợi dây ra trói đứng My vào cột nhà. Tóc My xõa xuống, A Sửu quấn luôn tóc lên cột, làm cho My không cúi, không nghiêng được đầu nữa. Trói xong vợ, A Sửu thắt nốt cái thắt lưng xanh ra ngoài áo rồi A Sửu tắt đèn, đi ra, khép cửa buồng lại.

Trong bóng tối, My đứng im, như không biết mình đang bị trói. Hơi rượu còn nồng nàn, My vẫn nghe tiếng sáo đưa My đi theo những cuộc chơi, những đám chơi. « *Em không yêu, quả pao rơi rồi. Em yêu người nào, em bắt pao nào...* ». My vùng bước đi. Nhưng tay chân đau không cựa được. My không nghe tiếng sáo nữa. Chỉ còn nghe tiếng chân ngựa đạp vào vách. Ngựa vẫn đứng yên, gãi chân, nhai cỏ. My thồn thức nghĩ mình không bằng con ngựa.

Chó sủa xa xa. Chừng đã khuya. Lúc này là lúc trai đang đến bên vách làm hiệu, rủ người yêu dỡ vách ra rừng chơi. My nín khóc, My lại bồi hồi.

Cả đêm ấy My phải trói đứng như thế. Lúc thì khắp người bị dây trói thít lại, đau nhức. Lúc lại trần trề tha thiết nhớ. Hơi rượu tỏa. Tiếng sáo. Tiếng chó sủa xa xa. My lúc mê, lúc tỉnh. Cho tới khi trời tang tảng, rồi không biết sáng từ bao giờ.

My bàng hoàng tỉnh. Buổi sáng âm sâm trong cái nhà gỗ rộng. Vách bên cũng im ắng. Không nghe tiếng lửa réo trong lò nấu lợn. Không một tiếng động. Không biết hên buồng quanh đấy, các chị vợ anh, vợ chú của A Sửu có còn ở nhà, không biết tất cả những người đàn bà khốn khổ sa vào nhà quan đã được đi chơi hay là họ cũng đang phải trói như My. My không thể biết.

Đời người đàn bà lấy chồng nhà giàu ở Hồng Ngải thì một đời con người chỉ biết đi theo đuôi con ngựa của chồng. My chợt nhớ lại câu chuyện người ta vẫn kể: đời trước, ở nhà thống lý Pá Tra có một người trói vợ trong nhà ba ngày rồi đi chơi, khi về nhìn đến thì vợ chết rồi. Nhớ thế, My sợ quá, My cựa quậy, xem mình còn sống hay chết. Cổ tay, đầu, bắp chân bị dây trói xiết lại, đau đứt từng mảnh thịt.

Có tiếng xôn xao phía ngoài. Rồi một đám đông vào nhà. Thống lý Pá Tra xuống ngựa, cho *thị sống* (một chức việc đi hầu thống lý như người làm mỗ thời trước) dắt ngựa vào tàu. Nghe như bọn họ có khiêng theo con lợn, hoặc một người phải trói, vừa vất huych xuống đất, cứ thở phè phè.

A Sủ chệnh choạng vào buồng. Áo nó rách toạc một mảnh vai. Cái khăn xéo trắng loang lổ đầy máu, xup xuống quanh trán. A Sủ nằm lăn ra giường. Lát sau, thống lý Pá Tra bước vào. Theo sau thống lý là một lũ *thống quán* (một chức việc như phó lý), *xéo phải* (như trưởng thôn) và một bọn *thị sống* vẫn thường ra vào hầu hạ, ăn thịt uống rượu, hút thuốc phiện nhà thống lý.

Có người bấy giờ mới nhìn thấy My phải trói đứng trong cột. Nhưng cũng không ai để ý, họ xúm cả lại quanh giường A Sủ.

Pá Tra, tay vẫn cầm cái roi ngựa, lại từ từ đi ra. My nhắm mắt lại, không dám nhìn. My chỉ nghe hình như có tiếng bố chồng gọi ra ngoài.

My hé nhìn ra, thấy chị dâu bước vào. Người chị dâu ấy chưa già, nhưng cái lưng quanh năm phải đeo thồ nặng quá, đã cong rạp xuống. Người chị dâu đến cởi

trời cho My. Sợi dây gai dưới bắp chân vừa lỏng ra, My ngã sụp xuống.

Chị dâu nói khẽ vào tai My :

— My! Đi hái thuốc cho chồng mày.

My quên cả đau, đứng lên. Nhưng không nhích chân lên được, My phải ôm vai chị dâu, hai người khỗ sớ diu nhau bước ra. Trong khi đi vào rừng tìm lá thuốc, My nghe chị dâu nói lại, mới biết chuyện A Sử đi chơi bị đánh vỡ đầu.

Nửa đêm qua, A Sử vào làng tìm đến đám chơi có tiếng sáo, tiếng khèn. Nhiều trai làng ấy và các làng khác đã tới, chơi quay, thổi sáo suốt ngày, chập tối vừa xong chầu rượu trong nhà, bây giờ vẫn còn chưa chịu tan về.

Lúc A Sử và chúng bạn kéo đến thì không còn ai chơi trong nhà, vì bố mẹ và người trong nhà ấy đã đi ngủ. Nhưng người ra người vào còn dập diu quanh ngõ.

A Sử đứng ngoài, tức lắm. Nó bàn với một lũ khác, dọa đánh bọn trai lạ vẫn bám quanh nhà đã khiến cho bọn A Sử bị vướng không thể vào được.

Bọn A Sử ném đá vào vách. Ông bố trong nhà ra chữa. Bọn A Sử vẫn ném. Ông lão không dám ra nữa, liền vào trong cửa, bắn ra hai phát súng. Thế là tan những đám hẹn. Nhưng cũng chưa người trai nào chịu về. Họ lại tản vào các nhà quen trong xóm. Để đợi sáng mai lại lên sân đánh pao với con gái trong xóm.

Bọn A Sử cũng không chịu để cánh kia yên. Sáng sớm, khi họ vừa kéo ra đầu ngõ, bè lũ bọn A Sử đã kéo đến gây sự. A Sử đi trước, nạm vòng bạc ở cổ rủ xuống những tua chỉ xanh đỏ mà chỉ riêng con cái nhà quan

trong làng mới được đeo, A Sử hùng hồ bước ra. Bọn kia đứng đồn cả lại, xôn xao.

— Lũ phá đám ta đêm qua đây rồi.

— A Phủ đâu? A Phủ đánh chết nó đi!

Một người to lớn chạy vụt ra vung tay ném con quay rất to vào mặt A Sử. Con quay gỗ ngát lẳng vào giữa mặt. Nó vừa kịp bung tay lên, A Phủ đã xộc tới, nắm cái vòng cổ, kéo dập đầu xuống, xé vai áo, đánh tới tấp. Người làng nghe tiếng hò hét đổ ra. Thấy vậy, bọn trai làng lạ tản hết lên rừng. Mấy người đuổi đón đầu A Phủ. A Phủ bị bắt sống, trói gò chân tay lại. Vừa lúc thống lý Pá Tra tới. Chúng nó xộc ngang cái gậy, khiêng A Phủ mang về ném xuống giữa nhà thống lý.

My đi hái được lá thuốc về, thấy trong nhà càng đông hơn lúc nãy. Ngoài sân, dưới gốc đào lại buộc thêm mấy con ngựa lạ.

My đi cửa sau vào, lé mắt nhìn thấy một người to lớn quỳ trong góc nhà. My đoán đấy là A Phủ.

Bọn chức việc khắp vùng Hồng Ngai đến nhà thống lý Pá Tra dự đám xử kiện. Các lý dịch, quan làng *thống quán*, *xéo phải*, đội mũ, quần khăn, xách gậy, cưỡi ngựa kéo đến xử kiện và ăn cỗ.

Trong nhà thống lý đã bày năm bàn đèn. Khói thuốc phiện tuôn ra các lỗ cửa sổ tun hút xanh như khói bếp. Cả những người chức việc bên làng A Phủ cũng tới. Chỉ bọn con trai làng ấy phải ngồi khoanh tay cạnh A Phủ vì họ bị gọi sang hầu kiện, còn bọn chức việc thì nằm dài cả bên khay đèn. Suốt từ trưa cho tới hết đêm, mấy chục người hút. Trên nhất là thống lý Pá Tra, thống lý Pá Tra hút xong một lượt năm điếu, đến người khác hút, lại người khác hút, cứ thế lần lượt xuống tới bọn

đi gọi người về dự kiện. Chỉ có đàn bà ngồi trong buồng hoặc đi lại bên ngoài dòm ngó đám xử kiện và A Phủ quỳ chịu tội ở xó nhà, là không được dự tiệc hút ấy.

Lúc một loạt người vừa hút xong, Pá Tra ngồi dậy, vuốt ngược cái đầu trọc dài, kéo đuôi tóc ra đằng trước, cất giọng lè nhè gọi:

— Thăng A Phủ ra đây.

A Phủ ra quỳ giữa nhà. Lập tức, bọn trai làng xô đến, trước nhất, chấp tay lay lia lia tên thống lý Pá Tra rồi quay lại đánh A Phủ. A Phủ quỳ chịu đòn, chỉ im như cái tượng đá.

Cứ mỗi đợt bọn chức việc hút thuốc phiện xong, A Phủ lại phải ra quỳ giữa nhà, lại bị người xô đến đánh. Mặt A Phủ xưng lên, môi và đuôi mắt đập chảy máu. Người thì đánh, người thì quỳ lay, kẻ lè, chủ bới. Xong một lượt đánh, kẻ, chủ, lại hút. Khói thuốc phiện ngào ngạt tuôn qua các lỗ cửa sổ. Rồi Pá Tra lại ngóc cổ lên, vuốt tóc, gọi A Phủ... Cứ như thế, suốt chiều, suốt đêm, càng hút, càng tỉnh, càng đánh, càng chủ, càng hút.

Trong buồng bên cạnh, My cũng thức suốt đêm im lặng ngồi xoa thuốc dầu cho A Sủ. Lúc nào My mỏi quá, cựa mình, thì những chỗ lẩn trốn trong người lại đau ê ẩm. My lại gục đầu nằm thiếp đi. Khi đó, A Sủ bèn đạp chân vào mặt My. My choàng thức, lại nhặt nắm lá thuốc, xoa đều đều trên lưng chông. Ngoài nhà vẫn rên lên từng cơn kéo thuốc phiện, như những con mọt ngiến gỗ kéo dài, giữa tiếng người khóc, tiếng người kẻ lờ xạo, và tiếng đám đánh huỳnh huých.

Sáng hôm sau thì đám kiện đã xong. Một số người, chẳng biết từ bao giờ, ngủ ngáy ngay bên khay đèn. Bọn *xéo phải* đang bắc cái chảo đồng và xách ấm nước ra nấu thêm lạng thuốc để hút ban ngày cho các quan làng thật tỉnh, các quan làng còn một tiệc ăn cỗ nữa.

Thống lý Pá Tra mở tráp, lấy ra một trăm đồng bạc hoa xòe bày lên mặt tráp, rồi nói :

— Thằng A Phủ đánh người thì làng xử mày phải nộp vạ cho người phải mày đánh là hai mươi đồng, nộp cho thống quán năm đồng, mỗi *xéo phải* hai đồng, mỗi người đi gọi các quan làng về hầu kiện năm hào. Mày phải mất tiền mời các quan hút thuốc từ hôm qua tới nay. Lại mất con lợn hai mươi cân, chốc nữa mỗ đề các quan làng ăn vạ mày. A Phủ, mày đánh con quan làng, đáng nhẽ làng xử mày tội chết, nhưng làng tha cho mày được sống mà nộp vạ. Cả tiền phạt, tiền thuốc, tiền lợn, mày phải chịu một trăm bạc trắng. Mày không có trăm bạc thì tao cho mày vay để mày ở nợ. Bao giờ có tiền trả thì tao cho mày về, chưa có tiền trả thì tao bắt mày ở làm con trâu, con ngựa cho nhà tao. Đòi mày, đòi con, đòi cháu mày tao cũng bắt thế, bao giờ hết nợ tao mới thôi. A Phủ! Lại đây nhận tiền quan cho vay.

A Phủ lê hai cái đầu gối sừng bạnh lên như mặt hồ phù. A Phủ cúi sớ lên đồng bạc trên tráp, trong khi Pá Tra đốt hương, lầm rầm khẩn gọi ma về nhận mặt người vay nợ. Pá Tra khẩn xong, A Phủ cũng nhạt xong bạc, nhưng nhạt xong lại đề ngay cả xuống mặt tráp. Rồi Pá Tra lại trút cả bạc vào trống tráp.

Con lợn vừa mua về cho A Phủ thết làng ăn vạ đã kêu eng éc ngoài sân. Từ lúc đếm tiền rồi, A Phủ không

phải quỳ, phải đánh nữa. A Phủ đứng lên cầm con dao, chân đau bước tập tễnh, cùng với mấy trai làng, ra chợ tiết làm thịt lợn hầu làng. Trong nhà, thuốc phiện vẫn hút rào rào.

Thế là từ đấy A Phủ phải đi ở trừ nợ cho nhà quan thống lý Pá Tra. Đốt rừng, cày nương, cuốc nương, săn bò tót, bẫy hổ, chăn bò chăn ngựa, quanh năm một thân một mình rong ruổi ngoài gò ngoài rừng. A Phủ đương tuổi sức lực. Đi làm hay đi săn, cái gì cũng làm phăng phăng. Không còn có lúc nào trở về làng bèn. Nhưng A Phủ cũng chẳng muốn trở về làm gì bèn ấy.

A Phủ cũng không phải người làng bèn ấy. Bố mẹ đẻ A Phủ ở Háng-bla. Năm xưa, làng Háng-bla phải một trận bệnh đậu mùa, nhiều trẻ con, cả người lớn, chết, có nơi chết cả nhà. Anh của A Phủ, em A Phủ chết, bố mẹ A Phủ cũng chết. Còn sót lại có một mình A Phủ. Làng chết và đói nhiều quá, có người làng đói bụng bắt A Phủ đem xuống bán đổi lấy thóc của người Thái dưới cánh đồng. A Phủ mới mười tuổi, nhưng A Phủ gan bướng, không chịu ở dưới cánh đồng thấp. A Phủ trốn lên núi, lưu lạc đến Hồng Ngài. Đi làm cho nhà người, lần lữa mùa này sang mùa khác, chẳng bao lâu A Phủ đã lớn, đã biết đục lười cây, biết đục cuốc, lại cây giỏi và đi săn bò tót rất bạo.

A Phủ khỏe, chạy nhanh như ngựa, con gái trong làng nhiều người mê, nhiều người nói: «Đưa nào được A Phủ cũng bằng được con trâu tốt trong nhà, chẳng mấy lúc mà giàu». Người ta ao ước đưa thế thôi chứ phép rượng cũng chẳng to hơn phép làng, còn tục lệ cưới xin, mà A Phủ thì không có bố mẹ, không có ruộng, không có bạc, A Phủ không thể lấy nổi vợ. Tuy nhiên,

đang tuổi chơi, trong ngày Tết đến, dù A Phủ chẳng có quần áo mới như nhiều trai khác, A Phủ chỉ có độc một chiếc vòng vía lằn trên cổ, A Phủ cũng cứ cùng trai làng đem sáo, khèn, đem con quay và quả pao, quả yến đi tìm người yêu ở các làng trong vùng.

Vi thế mà sinh sự đánh nhau ở Hồng Ngài.

Một năm kia, phải khi đang đói rùng. Hồ, gấu, cứ từng đàn ra phá nương, bắt mất nhiều bò ngựa. Nhà thống lý Pá Tra lúc nào cũng đầy ngựa trong tàu trước cửa, đầy lưng trâu bò đứng chen chân trong cột cửa, và dê, chó, lợn nằm quanh nhà. Ngày nào cũng lũ lượt hàng mấy chục con đi nương ăn. Bây giờ gặp khi rừng đói thế này, mỗi lần bò ngựa đi nương, A Phủ phải ở lại trông.

A Phủ ở lều luôn hàng tháng ngoài nương, đêm đến thì dồn bò ngựa về nằm chầu nhau ngủ quanh lều.

Chẳng may, đã mấy ngày A Phủ mê mải đi bẫy rím, không đếm được ngựa. Hôm ấy vào rừng thấy vết chân hổ. A Phủ vội phóng ngựa chạy vòng quanh đàn, dồn chúng quần lại để đếm. Lùa hết về, đếm đầu thấy thiếu một con bò. A Phủ đếm lại mấy lần. Thiếu một con bò. A Phủ vội nhào vào rừng, lần theo lối chân hổ thì tìm ra được con bò đã bị hổ ăn thịt chỉ còn lại một nửa mình nằm ngay dưới một cây thông cụt. A Phủ nhặt mấy miếng thịt rơi quanh đấy rồi vác nốt nửa con bò về. Nghĩ bụng « con hổ này to lắm, hầy còn người thấy mùi hôi quanh đây, ta về lấy súng đi tìm, thế nào cũng bắn được ».

Về đến nhà, A Phủ lẳng vai ném nửa con bò xuống góc đào trước cửa. Pá Tra bước ra hỏi:

— Mất mấy con bò?

A Phủ trả lời tự nhiên :

— Tôi về lấy súng, thế nào cũng bắn được. Con hổ này to lắm.

Pá Tra hất tay, nói :

— Quân ăn cướp làm mất bò tao. A Sử đầu ! Đem súng đi lấy con hổ về.

Rồi Pá Tra quay lại, bảo A Phủ :

— Mày ra ngoài kia, lấy về đây một cái cọc, một cuộn dây mây. Tao chơi mày đứng chỗ kia. Bao giờ chúng nó bắn được hổ về thì tao cho mày khỏi phải chết. Nếu không được hổ thì tao cho mày đứng chết ở đấy.

A Phủ cãi :

— Cho tôi đi. Được con hổ ấy còn nhiều tiền hơn con bò.

Pá Tra quát :

— Lấy cọc dây mây về đây !

Không nói nữa, như con trâu đã đóng lên trông, A Phủ lặng lẽ ra vác chiếc cọc gỗ rồi lấy cuộn dây mây trên gác bếp xuống. Tự tay A Phủ đóng cái cọc gỗ xuống bên cột. Pá Tra vẫn đứng đấy, bấy giờ đầy A Phủ vào chân cột, hai tay bắt ôm quặt lên. Rồi dây mây quấn từ chân lên vai, chỉ còn cổ và đầu hơi hơi lúc lắc được. Đàn bà trong nhà, mỗi khi đi qua đều cúi mặt. Không một ai dám hỏi, cũng không ai dám nhìn ngang mắt.

Đến đêm, A Phủ cúi xuống, nhay dứt hai vòng mây, nhích giãn dây trời một bên tay. Nhưng mới được đến lúc ấy thì trời cũng vừa sáng. Pá Tra vào khám, quăng thêm một vòng trông lọng vào cổ. Thế là A Phủ không cúi, không còn lắc được nữa.

A Sử và linh đồng của thống lý đi đuổi, không lòng bắt được con hổ. Thì cũng đã mấy ngày A Phủ phải trối đứng trong góc nhà. Đẳng kia, bếp lò bung ngó cao ngang nhà vẫn hừng hực đỏ rực lửa. Mỗi hôm hai buổi cơm, người ra người vào ăn uống tấp nập. A Phủ chỉ đứng nhắm mắt, cho tới đêm khuya.

Những đêm mùa đông trên núi cao dài và buồn, nếu không có bếp lửa sưởi kia thì My cũng đến chết héo. Mỗi đêm, My đã dậy ra thổi lửa hơ tay, hơ lưng, không biết bao nhiêu lần.

Thường khi đến gà gáy sáng My ngồi dậy ra bếp sưởi một lúc thật lâu thì các chị em trong nhà mới bắt đầu dậy ra dóm lò bung ngó, nấu cháo lợn. Chỉ chợp mắt được từng lúc, My lại thức sưởi lửa suốt đêm.

Mỗi đêm, khi nghe tiếng phù phù thổi bếp, A Phủ lại mở mắt. Ngọn lửa sưởi bùng lên, cùng lúc ấy thì My cũng nhìn sang, thấy mắt A Phủ trũng trũng, mới biết A Phủ còn sống. Mấy đêm nay như thế. Nhưng My vẫn thản nhiên thổi lửa, hơ tay. Nếu A Phủ là cái xác chết đứng đấy, cũng thế thôi. My vẫn trở dậy, vẫn sưởi, My chỉ biết chỉ còn ở với ngọn lửa. Có đêm A Sử chột về, thấy My ngồi đấy, A Sử ngửa tay đánh My ngã xuống cửa bếp. Nhưng đêm sau My vẫn ra sưởi như đêm trước.

Lúc ấy đã khuya. Trong nhà đã ngủ yên. My trở dậy thổi lửa. Ngọn lửa bập bùng sáng lên. My lé mắt trông sang, thấy hai mắt A Phủ cũng vừa mở. Một dòng nước mắt lấp lánh bò xuống hai hõm má đã xám đen lại. Nhìn thấy tình cảnh như thế, My chột nhớ lại đêm năm trước A Sử trối My. My cũng phải trối đứng thế kia. Nhiều lần khóc, nước mắt chảy xuống miệng, xuống

cổ, không biết lau đi được. Trời ơi, nó bắt trời đứng người ta đến chết, nó bắt mình chết cũng thôi, nó bắt trời đến chết người đàn bà ngày trước cũng ở cái nhà này. Chùng nó thật độc ác. Cơ chừng này chỉ đêm mai là người kia chết, chết đau, chết đói, chết rét, phải chết. Ta là thân đàn bà, nó đã bắt ta về trình ma nhà nó rồi thì chỉ còn biết đợi ngày rũ xương ở đây thôi... Người kia việc gì mà phải chết thế. A Phủ... Mỵ phảng phất nghĩ như vậy.

Đám than đã vạc hẳn lửa. Mỵ không thôi, cũng không đứng lên. Mỵ nhớ lại đời mình, Mỵ lại tưởng tượng như có thể một lúc nào, biết đâu A Phủ chẳng đã trốn được rồi, lúc ấy bố con Pá Tra sẽ bảo là Mỵ đã cởi trói cho nó, Mỵ liền phải trói thay vào đây, Mỵ phải chết trên cái cọc ấy. Nghĩ thế, trong tình cảnh này, làm sao Mỵ cũng không thấy sợ...

Lúc ấy, trong nhà đã tối bùng, Mỵ rón rén bước lại, A Phủ vẫn nhắm mắt, nhưng Mỵ tưởng như A Phủ đương biết có người bước lại... Mỵ rút con dao nhỏ cắt lúa, cắt nút dây mây. A Phủ cứ thở phè từng hơi, không biết mê hay tỉnh. Lần lần đến lúc gỡ được hết dây trói ở người A Phủ thì Mỵ cũng hốt hoảng, Mỵ chỉ thì thào được một tiếng « Đi đi... », rồi Mỵ nghẹn lại. A Phủ bỗng khụy xuống, không bước nổi. Nhưng trước cái chết có thể đến nơi ngay, A Phủ lại quật sức vùng lên, chạy.

Mỵ đứng lặng trong bóng tối.

Rồi Mỵ cũng vụt chạy ra.

Trời tối lắm. Nhưng Mỵ vẫn băng đi. Mỵ đuổi kịp A Phủ, đã lặn, chạy, chạy xuống tới lưng dốc. Mỵ nói, thở trong hơi gió thốc lạnh buốt:

— A Phủ cho tôi đi.

A Phủ chưa kịp nói, My lại nói :

— Ở đây thì chết mất.

A Phủ chột hiệu.

Người đàn bà ché chồng đó vừa cứu sống mình.

A Phủ nói : « Đi với tôi ». Và hai người lẳng lặng đỡ nhau lao chạy xuống dốc núi.

Hai người đi liền hơn một tháng. Họ đi trên những triền núi cao ngất, lởm đồm nhà, thấp thoáng ruộng, đất đỏ, suối trắng tinh, trông thấy ở trước mặt mà đi mấy ngày chưa tới. Đi từ Hồng Ngài xuống qua vùng ruộng ở Mường Quài của người Thái, đi từ Nậm Cắt sang Chông Chia, từ Chông Chia qua dốc Lũng Chùng Phúng lại trở về bờ sông Đà phía giữa châu Phủ Yên sang châu Mai Sơn, là chỗ đầu mối giao thông của ngoài vùng tự do và các khu du kích của các dân tộc Thái, Dao, Mèo bên kia sông, rồi họ về ở trong những làng Mèo đỏ hẻo lánh vùng Phiềng Sa. Xa lắm rồi, thống lý Pá Tra không đuổi được nữa, — họ nghỉ thế.

Dòng dã hơn một tháng, ăn rau rừng, củ nâu, mọc nhĩ, đi vừa hết mùa mưa mới tới Phiềng Sa.

Hai người tới Phiềng Sa thì ở đây không ai còn biết đây là A Phủ, người ở nợ nhà thống lý, cũng không ai biết đây là cô My, con dâu gạt nợ của nhà thống lý. Người ta ngỡ đây là hai vợ chồng trong một nhà đông anh em ở làng bên kia dốc Lũng Chùng Phúng, ruộng võ được ít mà miệng ăn thì nhiều, cho nên anh em, vợ chồng phải chia ra, đem nhau đi tìm ăn nơi khác. Hai người nhận là vợ chồng. Mà thật thì A Phủ và My đã thành vợ chồng từ những hôm vượt rừng vượt núi sang.

Từ những hôm ấy My mới thật thấy được có chồng, có vợ. Tuy vậy, có lúc chợt nghĩ tới ma nhà Pá Tra nó đã nhận cho My là vợ A Sử. Nhưng cũng chỉ sợ từng lúc. Thế rồi mấy ngày sau, chẳng những chẳng sợ ma làm chết, mà còn quên tất cả. Ở Phiềng Sa thì người ta đều gọi là vợ chồng A Phủ.

A Phủ làm nhà theo đánh ra một ngọn đồi gianh. Những ngày quang trời trông thấy dòng sông và cánh đồng Bản Pe có ruộng xòe như cánh quạt.

Được ít lâu, một hôm A Phủ bỗng thấy dưới Bản Pe có một vệt đỏ như ổ mối đùn. A Phủ không biết là cái gì, sang bên làng hỏi mọi người, rồi về nhà bảo vợ :

— Ở đôn Bản Pe, thằng Tây mới đục đất làm nhà ở, đất đỏ ta trông thấy đấy.

A Phủ vẫn cho là thằng Tây thì cũng như « người khách » bán muối, bán vải, kim chỉ ở cửa Vạn ngoài sông Đà (Nghe người ta nói chứ A Phủ cũng chưa được đi cửa Vạn bao giờ), họ làm buôn làm bán, không bận gì tới ta. Rồi A Phủ cũng không để ý hơn nữa.

Bản Pe và dòng sông kia, đôi khi trông thấy đấy, nhưng chẳng biết mấy ngày đường mới đi tới được, cũng chẳng có ngày tháng thông thả nào mà đi tới, chẳng thì giờ nào mà nghĩ tới. Bao nhiêu việc đang làm, đang đợi. Từ khi sang, nhờ làng giúp, A Phủ mượn được cuốc, được dao làm. Người ta có trâu thì con trâu làm đỡ một nửa công, đằng này không có, hai vợ chồng làm cả việc con trâu.

Năm sau, đến mùa, vợ chồng đã có bắp ăn đủ, lại trồng được một nương gai để may váy áo.

My ngồi trước cửa dệt vải, không rũ mặt xuống như những năm trước còn ở nhà thống lý, mà My ngẩng mặt

theo chiếc thoi, tay Mỹ võ con cuốn quần vào lưng, nhanh thoăn thắt. Trong chuồng nhà nuôi được hai con lợn nhỏ.

Vợ chồng đang bàn tính phải làm nhà gỗ, vì ở đây đầu núi, nhà gianh không chịu được gió lốc tháng tám, có khi bay cả người, cả nhà, phải nhà gỗ mới chắc chắn đứng được. Thế là họ bắt đầu công việc làm nhà gỗ, như mọi người chí thú khác ở trong làng. Mỗi buổi đi rừng chặt củi, A Phủ vác rìu chặt một cây gỗ, đem về, cái thì đểo làm ván, cái làm cột, cái làm mái. Đã vác về một chục mảnh. Chỉ độ ba năm sau sẽ được một cái nhà tốt.

Vợ chồng A Phủ thường nghĩ đến cái nhà gỗ tốt ấy cho cả đời mình ở, đời con cháu ở, một cái nhà gỗ có tàu ngựa quanh mái hiên, đằng trước đằng sau nhà có hai dãy đào. Trước cửa này ta sẽ nhặt hết đá sỏi dọn làm một khoảng vườn to, có ván gỗ rào quanh, đến mùa khô ráo thì trồng đủ rau cải xanh, đậu răng ngựa. Trên những tảng đá to quanh nhà, Mỹ đem váy áo ra hong nắng. Gặt hái đã xong, lại sắp Tết. Mấy nhà mở chung một con lợn to, ăn thịt, uống rượu, còn bao nhiêu mỡ thì để dành làm dầu thắp đèn quanh năm. Hai vợ chồng thường bàn tính những chuyện tốt đẹp tưởng tượng ra như thế.

Một hôm A Phủ đi nương. Giữa trưa, về thấy trong nhà có một lũ lính ngựa. Hai con lợn trong chuồng lính đã bắt ra từ lúc nào, trói nằm trước cửa. Nếu về chậm, chắc họ đã mang đi rồi.

Lạ quá, A Phủ xăm xăm chạy đến hỏi:

— Mày muốn ăn lợn của tao à ?

Mấy người lính ngự chỉ khinh khỉnh nhìn A Phủ, không nói. A Phủ lại hỏi:

— Thống lý bảo mày sang ăn lợn của tao à?

Những người lính ngự Thái cũng không nói, mà họ hát hàm về phía mấy người quan Pháp vừa từ ngoài rừng bước vào, không biết họ tìm kiếm gì ngoài ấy. Cả đời A Phủ bấy giờ mới thấy thằng Tây lần này là một. A Phủ giật mình, rón chân chạy trở lại. Nhưng A Phủ đã quên ngay sợ và lại chăm chăm mắt vào hai con lợn của mình. Trong lúc sợ hãi, A Phủ cũng nghĩ luôn rằng bọn Tây có thể giống những « người khách » bán muối, vải, kim chỉ, xưa nay làm buôn làm bán ở ngoài cửa Vạn, bèn hỏi:

— Mày về đây muốn mua lợn của tao à?

Người lính ngự gật và nói:

— Ừ, quan về mua lợn của mày. Mày phải kiêng lợn cho quan đi với chúng tao.

Họ bắt A Phủ kiêng lợn đi. Vừa sợ người Tây và lính có súng, vừa sợ mất không lợn, A Phủ chẳng kịp ăn cơm, chẳng kịp hú gọi vợ về, đã phải cùng ba người lính Thái kiêng hai con lợn, xuống núi về đồn Bản Pe.

A Phủ đi chuyến ấy, rồi năm ngày, mười ngày, mười hai ngày, nửa tháng cũng không thấy về.

My ra đứng đầu nương trông xuống Bản Pe: cái đồn vẫn đỏ hoe như tởm mối. Trông một lúc thì mắt hoa lên, nước mắt lo lắng giàn giụa ra.

Một buổi, A Phủ hốt hải chạy về. Bộ quần áo đen vẫn rách tơi tả thế. Nhưng trên đầu, không biết làm sao, đã bị cắt cụt cái đuôi tóc, mất cả cái hoa rơi mọi khi dài xuống đến vai.

Người trong làng ra hỏi thăm. A Phủ vừa kể vừa chỉ:

— Con chó đẻ ra thằng Tây. Tôi khiêng lợn xuống, nó trói, bắt tôi nằm hai ngày một chỗ với con lợn. Nó bảo tôi nuôi cán bộ, nên bắt tôi về bỏ tù. Tôi bảo: tao không biết cán bộ đâu, tao không biết nuôi ai, từ khi tao về ở đây mới chỉ có mày đến, mày lấy lợn của tao, thế là mày bắt tao phải nuôi mày đấy. Chúng nó đánh tôi nhiều lắm. Cái tóc tôi dài thế này, cái tóc bố mẹ tôi để cho, mà một lũ nó đè đầu tôi xuống, nó đem cắt hết đi. Rồi nó bắt tôi khiêng đá, bắt tôi khiêng nước... Con chó đẻ ra thằng Tây! Tôi khổ quá, phải trốn về, đành bỏ mất hai con lợn cho nó ăn rồi.

Từ đấy, những khi trời sạch mây mù, trông xuống Bản Pe thấy cái đồn Tây đỏ như tổ mối, thì A Phủ lại kể chuyện và mở vai áo ra, đếm những vết bị đánh đã vẫn thành vết sẹo. A Phủ vừa kể, vừa chỉ. Bây giờ trông cái đồn không thấy đứng vững như trước, hề trông thấy lại thấp thỏm lo. Chạy đi đâu ở thì tiếc nương, tiếc công. Mà ở đây thì lo sớm tối mất của, mất người, không biết thế nào.

Một hôm, vợ chồng A Phủ đương cuộc nương. Nghe phía nhà ở vắng lại tiếng sáo thổi một bài hát.

Thấy ruộng không thấy nương

Thấy nhà không thấy người...

Có một người lạ vừa lên nhà A Phủ. Theo thói quen, thấy nhà vắng, khách thường thổi sáo gọi chủ về. Người lạ ấy mặc quần áo chèn đen, đuôi tóc dài, nói giọng người Mèo trắng. Lát sau, vợ chồng A Phủ đã cùng ở nương về. A Phủ trông thấy khách lạ, đoán là một anh Mèo trắng, những người Mèo trắng ở dãy núi phía trong vẫn thường ra vùng ngoài này tìm đổi muối ăn.

Đâu câu chuyện với khách, theo thường lệ thân mật, A Phủ hỏi:

— Ăn cơm chưa? Ăn cơm nhà ta đi.

Rồi A Phủ và người lạ vào ngay bếp, lấy mấy nắm bột ngô xuống ăn với thịt chuột nấu rau cải của My vừa nhỏ ở nường về. Họ ăn nhăm nháp và nói chuyện.

— Ở đâu về đây?

— Ở ngoài vào.

— Ngoài nào?

— Ở ngoài vào khu du kích.

A Phủ đứng ngay lên, tay vẫn cầm cái thìa đầy nước canh vừa múc, chưa kịp húp, đồ lênh láng cả trên mặt đất. A Phủ gọi vợ, hốt hoảng. Rồi lại quay ngay vào hỏi người lạ:

— Có phải là cán bộ?

— Ừ, tôi là cán bộ Chính phủ. Tôi nghe nói anh mới bị Tây bắt, tôi về hỏi thăm anh.

A Phủ tái mặt. My đang ăn cơm một mình ngoài sân, chạy vào ngơ ngác đứng cửa. A Phủ hấp tấp bảo vợ:

— Nó là cán bộ!

Rồi A Phủ đột nhiên hăng lên, nhảy lại trước mặt người lạ, kêu:

— *Pá chính!**

Người lạ ấy vẫn điềm tĩnh cầm bát bột ngô. A Phủ trợn mắt:

— Tao thù mày!

* Tiếng lóng biểu lộ sự tức giận, cũng có nghĩa như một tiếng chửi.

Người lạ cười :

— Sao A Phủ lại thù cán bộ?

— Một đời tao chưa trông thấy cán bộ mà thằng Tây cứ bảo rằng tao nuôi cán bộ, thằng Tây đánh tao, cắt tóc tao.

Người lạ nhìn thẳng vào mặt A Phủ, nói :

— Thằng Tây muốn ăn lợn của A Phủ nên nó nói dối thế thôi. Chứ cán bộ cũng như A Phủ, cũng người chín châu mười mường trong đất nước Việt-nam, cùng nghĩ một bụng, cùng uống con suối chảy trong đất ra, vẫn thường ở với nhau, có gì khác đâu.

Rồi người lạ nắm tay A Phủ, đứng xích lại, đo cánh tay mình với A Phủ :

— Ta chân tay dài bằng nhau, nói tiếng nhau. Ta là anh em. Nó chỉ nói dối A Phủ để lấy lợn ăn không phải trả tiền A Phủ đấy.

Từ nãy nghe cán bộ nói, A Phủ đã thấy xuôi. Rồi dần dần nghĩ ra. Cán bộ nói tiếng như ta, tóc dài như tóc ta, cũng người họ ta, ăn như ta, cánh tay bằng cánh tay ta, đến nhà ta chơi biết thổi sáo gọi người về, không lấy lợn, không đánh ta, cán bộ không phải như thằng Tây, có gì mà phải thù? Thôi, thằng Tây nói dối rồi. Nghĩ thế, A Phủ liền quay ra thì thảo với vợ. Đồng chí cán bộ ấy thoáng nghe hai vợ chồng A Phủ nói chuyện với nhau, đoán nét mặt và cử chỉ, biết tình hình đã đổi khác lúc nãy. Rồi thấy A Phủ lại nhòm nhào ăn cơm. Mỵ thì đã bắt đầu ngẩng lên nhìn người lạ.

Đợi A Phủ vừa nói với vợ xong, anh liền thân mật hỏi :

— Tay bắt A Phủ mấy hôm? Làm sao trốn về được?

Thế là A Phủ mở áo cho đồng chí cán bộ xem những nốt sẹo, rồi kể chuyện Tây đánh, Tây sai lính bắt cắt tóc, bắt tù, bắt gánh đá, khiêng nước... A Phủ nhớ vợ, nhớ nhà... A Phủ nhảy qua bờ rào, chạy... Kể xong, A Phủ hỏi:

— Nó đánh ta, nó bảo ta nuôi cán bộ. Trông cán bộ thì cũng như anh em ta thôi, sao nó sợ cán bộ thế?

Đồng chí cán bộ bèn cười:

— Nó sợ cán bộ Chính phủ. Nó cũng sợ cả người nào nuôi cán bộ Chính phủ, cho nên nó phải đánh người ta.

Từ lúc ấy, đồng chí cán bộ đã trở nên thân thiết như người trong một nhà. Đã hiểu cán bộ là người anh em thì A Phủ nhìn bằng anh em ngay, A Phủ bảo: « Người Mèo chúng ta bao giờ cũng thù đũa nói dối, thù đũa ăn tham, bao giờ cũng thích người tốt làm anh em một bụng. Cán bộ có một bụng thế không? ».

Ngày buổi chiều, A Phủ bảo cán bộ cùng ra phá cái chuồng lợn, lấy gỗ vào đẽo làm vách. Đồng chí cán bộ ấy đẽo vách nhanh và phẳng, thật rõ ràng một bụng như ta.

Vừa làm, đồng chí cán bộ vừa hỏi:

— Sao không đẽ chuồng nuôi lợn khác?

— Rồi Tây lên ăn mất, thôi không nuôi nữa.

— Có cách nuôi được.

— Cách nào?

— Ở Pú Nhung trên Lai châu bây giờ nhà nào cũng có hai nhà. Người ta nuôi lợn ở nhà trong rừng, để ngó, để bí ở nhà trong rừng, cái nhà trong rừng có đủ cả còn cái nhà ngoài làng thì không có gì. Thằng Tây lên

tim sē không có gì mà cướp được. Cả nương ngô, nương khoai, nương rau cải người ta cũng làm bí mật thật xa. Tây đi tìm không trông thấy thì không làm hại được. Các làng bên kia người ta cũng đang làm như thế đấy.

A phủ bảo vợ:

— Ta cũng bắt chước như người Pú Nhung. Nếu thế thì ta vẫn ở đây được, không sợ mất cướp.

Luôn hôm sau, A Phủ và đồng chí cán bộ ấy vác gỗ, đeo những quả khoai, ngô, những thùng gỗ đựng nước vào rừng sâu làm lán, làm chuồng lợn, lại đắp cả cái lò bung ngô trong rừng. Ba hôm làm đã xong, A Phủ thích quá, ra đứng đầu nương trở xuống cánh đồng Bản Pe:

— Thằng Tây kia mà lên đến cái dốc này thì ta vào rừng. Nay, chúng ta đi bảo cho cả vùng Phiềng Sa cùng biết cách làm nhà trốn trong rừng như ta nhé.

— Người ta làm cả rồi. Chỉ còn có A Phủ làm sau cùng đấy thôi.

— Cán bộ bảo cách à?

— Ừ.

Hai người ngủ một đêm ở lán trong rừng.

Đêm ấy A Phủ hỏi chuyện vợ con nhà cửa, đồng chí cán bộ nói: « Quê nhà tôi dưới xuôi, ở đấy cũng có giặc Tây đến, nó cũng đi cướp thế này. Nhân dân cũng phải đem của đi cất giấu và đã lập đội du kích đánh nó để giữ người, giữ của. Vì tôi biết giấu của, tôi biết đánh du kích nên Chính phủ cho tôi đi các nơi, bảo mọi người cùng làm như thế. Quê nhà tôi cũng thế này. Anh em tôi cũng không còn ai nữa. Tây giết mất cả rồi ». Nghe xong, A Phủ vùng ngồi dậy, nắm chặt hai tay anh

cán bộ: « Ta giống nhau thế thì làm anh làm em với nhau được ».

Rồi A Phủ lại kể chuyện đời mình, đời My cho tới khi tại sao hai người trốn đến ở đây và lấy nhau. Đồng chí cán bộ ấy nghe, trong lòng xót xa lắm. Nửa đêm mà vẫn thao thức chưa ngủ được. Đồng chí cán bộ bảo A Phủ:

— Được rồi, tôi xin ăn thề làm anh làm em cho thật bền với A Phủ.

A Phủ sung sướng quá:

— Tên là cán bộ à?

— A Châu.

— Cán bộ A Châu!

— A Phủ!

— Bây giờ làm anh làm em rồi, nếu A Châu còn nhiều công tác Chính phủ phải đi đâu thì A Châu viết một cái giấy để lại, đến bao giờ lấy được nước độc lập thì tôi mang cái giấy ấy về xuôi, đến tận nhà mà nhận nhau.

Hôm sau, về đến nhà ngoài làng, A Phủ bắt một con gà trống mang lên giữa nhà để làm lễ *ăn thề* (ăn sùng) nhận nhau làm anh em, theo phong tục người Mèo.

A Châu treo trên vách một lá cờ đỏ sao vàng nhỏ mà từ sáng sớm A Châu đã đi sang mượn được của một tiểu tử du kích bên Phiềng Sa. A Phủ thắp lên mấy nén hương. Mùi hương thơm ngan ngát tỏa bay khiến cho đồng chí cán bộ miền xuôi ấy nhớ lại khi xưa còn ở làng, mỗi lần trong nhà có cúng giỗ. Bây giờ mình đã thoát ly và trở nên một đảng viên cộng sản, Đảng đã phân công cho đi chiến đấu chống đế quốc phong kiến

cùng với các dân tộc anh em trên rừng núi, mà lại tự tay làm cái việc phong kiến này, anh thấy vừa buồn cười, vừa ngượng. Tuy nghĩ như vậy nhưng anh vẫn lặng lẽ và nghiêm trang để nhích đầu lá cờ lên trên những nén hương, ngay đầu bếp.

A Phủ lâm râm đến giữa nhà, khấn vào bàn thờ cúng ma một lát rồi quay sang bên bếp, đứng trước nén hương và lá cờ, A Phủ cúi đầu thề :

— Tôi là Vợ A Phủ, tôi đã đem trinh ma em tôi là Vợ A Châu, tôi thề suốt đời làm anh em với nó, ăn ở với nhau tốt mãi, bây giờ cũng thế, bao giờ được độc lập cũng thế, không bao giờ tôi hai lòng mà đi báo Tây hại nó, nếu tôi làm sai lời thì trời làm chết vợ chồng, chết hết giống nhà tôi.

A Châu giờ tay thề :

— Tôi là A Châu, tôi thề trước lá quốc kỳ, tôi suốt đời làm anh em với A Phủ, ai bắt nạt A Phủ thì cùng nhau đánh đũa thù, đánh thẳng Tây, không bao giờ bỏ anh em, nếu tôi sai lời thì tôi phải chịu kỷ luật của Đảng.

Hai người đã thề xong, A phủ kê con dao lên cắt cổ gà. Được lưng bát tiết, A Phủ quỳ xuống, uống một nửa, A Châu quỳ, uống một nửa.

A Châu uống liền hai hơi hết bát tiết gà, không thấy tanh mà cũng không ghê lợm gì cả. Ý nghĩa tinh thần lớn lao của công việc đã khiến người cán bộ vượt qua những điều ngàn ngại lúc nãy. Từ lúc nghe A Phủ thề, nét mặt nghiêm, tin tưởng, rồi chính mình bước ra thề suốt đời làm anh em với A Phủ, cũng như với dân tộc Mèo, không bao giờ phản nhau, thì người cán bộ không còn ngượng và sợ mình phong kiến nữa, mà trước bàn thờ lúc này

anh chỉ thấy chói lọi một lòng trung trực tha thiết của hai người. Anh đã cảm động, thắm thía, điềm nhiên uống cạn bát tiết gà, không để ý gì khác.

My chạy từ trong bếp ra. Đàn bà không được ăn thề, nhưng My trông, My nghe hai người thề thì My không ngồi bếp được, My chạy ra quỳ xuống trước cò và mấy nén hương thắp dở, My bung mặt khóc. A Phủ cũng bật khóc. Mỗi người nghĩ lại ngày qua, cay đắng một cách.

A Châu nói với My :

— Bao giờ nhân dân ta lấy được độc lập thì vợ chồng A Phủ về quê tôi chơi. Bấy giờ tha hồ đi, đâu cũng được ở yên, làm ruộng, làm nương, làm buôn làm bán đâu cũng sung sướng như nhau.

Nghe A Châu nói, hai vợ chồng A Phủ ngược lên, nước mắt còn chan hòa, cùng nghĩ đến lúc sung sướng ấy. Có cái nhà gỗ trên núi tranh, có trâu, có ngựa quanh nhà, có trẻ con chạy chơi dưới những cây đào trước cửa, như họ đã ước từ ngày mới sang Phiềng Sa.

Từ đấy. A Châu thường khi đi, khi về nhà A Phủ. Mỗi lần công tác xa, lại dặn: « Ở đây nhé, rồi tôi trở về, ở đây nhé!... ». Vợ chồng A Phủ vẫn ở đấy.

Một năm sau, vùng Phiềng Sa thực sự đã trở nên một khu du kích. Thằng Tây đồn Bản Pe lên cướp lợn, cướp bò, bẻ ngô, thì làng chạy hết, du kích ở lại phục bắn đuổi. Lâu lâu, không dám nhung nhăng lên và khinh thường người ở trên núi nữa.

Nhà nào cũng làm nương bí mật và có lán trong rừng. Hôm Ủy ban xã làm lễ ăn thề cho đội du kích thành lập, có bộ đội và ban huyện về tham dự, mít tinh xong nhân dân lại ở lại chơi đánh pao, đánh yến. Đội

du kích đủ súng kíp, có cả ngựa. Những ngày nắng, du kích lên tập bắn trúng lá cây trên đỉnh núi. Đây là tình hình khu du kích Phiêng Sa đương hằng hái tin tưởng, mong chờ.

Mùa xuân lại đến trên những đỉnh núi cao của các làng Mèo. Tết của khu du kích đương kháng chiến không có tiếng chiêng cúng ma rập rờn như mọi năm. Nhưng trong đời cỏ tranh mệnh mỏng, gió cứ giạt từng cơn vàng rực và trong một phong cảnh khô héo cũng tựa tựa mọi năm, mỗi khi gặt hái xong, năm nào cũng như năm nào, trời cao mà như gần, cỏ tranh đã bắt đầu úa, có những con đường đất đỏ ối, dài hun hút, vờn lên từng nét ghê rợn bên sườn núi trọc, có những buổi chiều buốt, lạnh teo, thì trong khi ấy cái Tết đầm ấm thong thả tới. Nhà nào cũng nghỉ đi làm nương. Củi gỗ thông trong bếp bốc mùi thơm. Tiếng sáo réo rất suốt đêm ngoài đầu núi tranh. Nhà nhà giã bánh dày, giết lợn làm tết. Năm nay trai gái không chơi Tết trước sân đầu làng, sợ tiếng sáo và tiếng reo hò sẽ kinh động xuống cánh đồng, khiến Tây đồn nghe tiếng. Trai gái kéo nhau lên núi chơi. Đi chơi trên núi từng đoàn. Chỉ có trẻ con và người già ở lại nhà. Mấy năm qua không sắm được gì mới, nhưng cái Tết của khu du kích hoàn toàn vui bởi vì người nào cũng đã khéo dành dụm: các chị Mèo đỏ, váy thêu, áo khoác, khăn hoa chùm rực rỡ. Các chị Mèo trắng chít khăn xếp nếp phẳng lì, tóc mai cạo xanh nhẵn. Con trai thì áo trăn, bịt đầu khăn trắng, thắt lưng màu thiên thanh.

Nhà A Phủ cũng giã bánh dày. Tết này là Tết đầu tiên hai người có thịt, rượu mà ăn với nhau, từ khi lấy

nhau. Hai vợ chồng cứ mừng rỡ, vui sướng như trẻ con thấy Tết.

Buổi sáng, có một bọn trai gái trong làng trèo đồi sang nhà A Phủ chơi và uống rượu. Một bát rượu chuyền tay nhau, mỗi người uống một hớp, rượu bát chuyền quanh bếp sưởi củi thông thơm, uống hết bát rượu ấy họ lại uống bát khác. Vừa uống vừa hát.

... Em không yêu anh

Quả pao anh ném đi

Quả pao rơi xuống đất.

Khi sương mù bắt đầu tan, đám trai gái mới kéo nhau lên núi.

Họ vừa ra khỏi đây. Tiếng hát, tiếng sáo, mùi rượu, tiếng cười còn đầm ấm đầy nhà. My và A Phủ chưa đi, hai người chệnh choáng say.

My ngồi bên bếp, má đỏ rừ, lặng lẽ cời than, nướng miếng bánh ăn. Đột nhiên My nhớ lại ngày con gái của mình. Những ngày đầu tiên trong đời người con gái ở nhà mình cũng uống rượu, cũng cời than sưởi ấm, cũng có nhiều trai gái cùng lứa tuổi đến chơi thổi sáo, hát, cười. Nhà My nghèo lắm, váy áo cũ của mẹ để lại cho thôi, thế mà sung sướng bao nhiêu. Nhưng những ngày con gái êm ấm ấy chỉ ngắn ngủi, nhanh như bóng nắng. Rồi đến khi về nhà Pá Tra, khổ quá, My không còn nhớ, không còn muốn nhớ. Nhưng sao đến tận bây giờ My cũng chưa thể quên dứt được cái lỗ cửa vuông mà bao năm My đã ngồi trong bóng tối ngược mắt ra, lúc nào cũng chỉ thấy mờ bóng sương. My đang nghĩ lại...

A Phủ đã buộc xong gói bánh, xách đến ngồi trước bếp, bảo vợ:

— Ta đi chơi.

— Không đợi A Châu về cùng đi chơi à?

Nghĩ đến đi chơi, rồi My lại nói:

— Bao năm nay không đánh pao, không thổi sáo, quên hết rồi.

— Bây giờ không ai cười nhau đâu.

Biết thế, nhưng My vẫn hỏi:

— Anh không có vòng bạc, em không có váy thêu mới, rách hết mà cũng đi chơi được à?

A Phủ cười thật to:

— Bây giờ thành khu du kích, có ủy ban về ta, ta chơi Tết không còn đũa ăn mặc đẹp đi đánh nhau cướp vợ đâu. Đây khác Hồng Ngài rồi.

Nghe thế, My mũi lòng, nước mắt rỏ xuống. My khóc, nhưng trong lòng My thì phơi phới. My với tay rút cái sáo cài trên ngực áo A Phủ. Nước mắt giàn giụa, My nhắc ống sáo. Sáo thổi một bài hát tình, mười mấy năm nay không thổi, nhưng My vẫn nhớ từng câu:

Em muốn yêu anh

Anh không yêu

Em bỏ anh không được

Em phải về, em lấy anh

Làm thế nào cho em lấy được anh.

A Phủ cũng xách cái khèn, đứng dậy.

... Trời hết rồi, em ạ

Tay em biết cầm kim khâu áo

Em không có lòng thì thôi

Em có lòng thì về

Ta ở với nhau một đêm

Ngoài cửa, bọn trai gái khác đi qua, lao xao gọi vào :

— Chơi một mình với nhau ở nhà à?

Chẳng biết vợ chồng A Phủ có nghe tiếng không, nhưng hai người vẫn mãi mê thổi sáo, thổi khèn. Ngoài kia đám trai gái nọ không đợi, lại đi, tiếng sáo cũng véo von đi.

Lúc sau, A phủ chột chống khèn, nhìn ra ngoài :

— Người ta đi hết rồi. Ta cũng đi thôi. Có thể lên núi thì đã gặp A Châu trên ấy.

My khoác tay nải bánh lên vai. Hai người bước ra, theo đường dốc đi lên.

Vẫn vui như lúc nãy, vợ đi trước, thổi sáo. Chồng, đằng sau hát theo. Tiếng hát ú dài, menh mông trong đời tranh. Hôm ấy trời trong như một bóng sáng. Trông xuống thấy chảy qua chân núi một dòng suối trắng tinh.

Tới đầu dốc, sấp vào một vệt rừng thưa, bỗng A Phủ che ngang tay lên trán, dăm dăm nhìn xuống, rồi chậm chậm nói, theo mắt nhìn :

— Con chó đẻ ra thằng Tây! Nó kéo lên cướp Tết của ta kia, đồng lắm.

A Phủ vút cái khèn xuống tảng đá, chạy lao về nhà, dắt ra một con ngựa của đội du kích đưa cho My.

— Em lên báo tin cho du kích.

My vội vã phóng lên núi, trong khi A Phủ ra khe đá lấy khẩu súng kíp vẫn giấu ở đấy, rồi chạy tắt núi tranh sang Phiềng Sa.

Từ trên rừng, các đám trai gái đang chơi đã thành đội du kích tập hợp lại.

Đội du kích trở về đến làng, thì lính đồn đã ùa vào khắp nơi rồi. Không có chỗ phục, súng kíp không đến gần được, nhưng du kích cứ leo mồm đá, đứng ngay trên đầu những nơi chúng xục xạ, mà bắn súng và lăn đá. Các chị chạy theo đưa bánh, tiếp đạn.

Ơ đầu dốc vào rừng, một tổ phụ nữ tiếp tế đã phải giặc vây bắt được. Cả Mỹ cũng bị bắt.

Cuộc càn quét của giặc lên khu du kích Phiêng Sa kéo luôn ba ngày.

Ngày thứ nhất chúng khuôn hết cửa cái các nhà, từ cái thùng gỗ, cái váy, cái cối đá, đem về một chỗ và bao nhiêu người già, trẻ con còn mắc trong làng chưa chạy được thì chúng cũng nhốt cả ở đấy.

Ngày thứ hai, lần lượt đi đốt nhà, cho ngựa phá các vườn rau cải, bẻ nốt những nương bắp muôn, rồi lừa trâu, bò, dê, ngựa ngoài đồi tranh về, cuối cùng, chúng lên xục đốt phá các lán trong rừng.

Du kích bắn lại, chúng chạy bạt xuống.

Ngày thứ ba, bọn lính đã tỏa ra trên các dải núi, bắt đầu họp lại. Ngô thóc và mấy chục người già, trẻ con và các chị bị bắt, hàng trăm bò ngựa và cáng mười thặng chết, thặng bị thương, chúng đem cả xuống núi.

Suốt một ngày chưa xuống tới chân núi. Cứ qua mỗi mô đá, một khe hẻm hiểm trở lại gặp súng nổ, phải chững lại. Nhờ thế, có một số chị em bị bắt đã tan chạy. Mỹ cũng chạy được.

Mỹ về chỗ lán cũ. Nhưng lán cũ đã bị cháy hết. Mỹ theo liên lạc du kích vào cánh rừng khác. A Phủ cũng vừa về đây lấy đạn. Thấy chồng, Mỹ biu chặt vai, òa khóc, mặc mọi người xung quanh xúm đến.

Những người du kích đứng nghe Mỹ kể lại chuyện bị bắt. Mỹ vừa khóc vừa khiếp sợ kể lại :

— Vợ con A Chẽ chết ngay từ lúc xuống giữa dốc, chết thảm lắm. Chị ấy sắp đẻ, lại công con. Đến giữa dốc thì ngã xuống, đau bụng quá, những thằng lính đi sau cứ giẫm lên, chị phải nằm chết giữa đường. Còn có đứa con lên ba, một mình nó lạc lại sau. Thằng lính đến kéo tay, kéo cổ, kéo tóc nó, càng đi càng đánh, đến đầu dốc thì nó ngã không dậy được nữa. Trời ơi!

Mỹ ngồi xuống, hai mắt tròn xoe, mặt tái nhợt, không nói, không thở, không khóc. Nhiều người khóc, người chửi. A Phủ bảo Mỹ :

— Em đi cả đêm, nhọc quá rồi, đừng kể chuyện khổ ấy nữa.

Rồi A Phủ xốc vợ lên, công về chỗ lán cũ, đặt Mỹ xuống một tấm ván còn sót lại. Mỹ nằm thiêm thiếp. Nhưng giấc ngủ mê man ấy cũng đã làm cho Mỹ lại sức. Tỉnh dậy, Mỹ thấy A Phủ đang nức mây buộc một miếng thịt bò tốt rồi đốt lửa. Mỹ vẫn nằm yên quay ra nhìn chòng nường thịt.

Lát sau, A Phủ đến ngồi cạnh vợ. Mỹ nhìn trước nhìn sau rồi nói khẽ :

— Nay, sợ lắm, anh à. Lúc này chưa nói hết. Thống lý Pá Tra bây giờ ở dưới đồn Bản Pe đấy. Nó về đi lính, ở làng tập trung với thằng Tây rồi.

A Phủ thản nhiên nghe, không tỏ vẻ lạ lùng gì. Nghe xong, giận dữ nói :

— Quân ấy không phải giống Mèo ta nên nó phải đi ở với Tây. Không được sợ. Thằng thống lý Pá Tra thì càng phải thù nhiều hơn, nhớ chưa?

My nói:

— Em vẫn còn sợ lắm. Bố con nó mà bắt được ta lần này...

A Phủ quát:

— Mè à? Đây không phải Hồng Ngài, đây là khu du kích Phiềng Sa, A Phủ là tiểu đội trưởng du kích mà.

Rồi, không nghe vợ nói thêm, A Phủ cứ lăm bằm chủi thống lý Pá Tra, chủi chán lại nói: « Nghĩ xem ngày trước nó trói đánh ta, làm ta khổ hại, có khác gì việc thằng Tây làm ác bây giờ. Nó không phải giống người Mèo. Nó không được làm dòng giống ta ». A Phủ lại ngồi xống nướng thịt, vừa làm, lại vừa chủi.

Thấy A Phủ quả quyết và chủi rủa bố con thống lý như thế, My cũng lầy cái bình tĩnh lại.

Chỉ một lát im lặng, rồi những lo sợ lại đến day dứt. Mấy hôm bị bắt đã quá sợ vừa qua không làm cho My yên tâm ngay được. My lo nhà cháy, ngô lúa hết, bây giờ lại phải cặm cùi cày cuốc lấy lương ăn, như ngày mới sang đây, vất vả, khổ cực, mà chắc đâu đã được ăn. Hay ta lại đi? Ý nghĩ « lại đi » cứ luẩn quẩn, gạt đi nó vẫn trở lại, và khi nhớ, lại ghê sợ nhớ xa cả đến những tình cảnh ngày trước ở nhà thống lý Pá Tra, ghê sợ cả cái chết giữa dốc của vợ A Chẽ hôm trước. My càng thêm bị ray rứt, hoang mang, khó nghĩ.

A Phủ đã nướng xong miếng thịt bò tốt, quẳng xuống mặt ván, reo to:

— Có lương khô đi cứu người già trẻ con rồi.

My định nói một ý nghĩ rồi lại thôi. Lương lự mãi sau My mới nói My muốn đi ở nơi khác.

A Phủ sầm nét mặt :

— Thằng Tây bắt em một ngày mà nó đã làm cho cái gan của em bé đi rồi... Một đời ta mới có anh em, không bao giờ được bỏ nó. A Châu đã bảo ta giữ đường này cho bộ đội, thì ta giữ đường này cho bộ đội.

Nghe nói đến A Châu, My tỉnh. My vẫn thường nghĩ : đời mình có bố mẹ thì bố mẹ đã chết, còn thì chỉ toàn quân ác. Bây giờ mới thấy A châu, mới biết có người tốt. Giữa bao nhiêu hoảng hốt, nay bỗng chen thoáng lên những chuyện thủy chung ấy, thì My lại bồi hồi tin tưởng, mong chờ.

My không nói « đi » nữa. My trở dậy, cùng A Phủ ngồi nướng thịt bò. Chiều hôm, đã nướng xong thịt « lương khô » của du kích. A Phủ nói :

— Mai đi họp đội du kích bàn cách xuống đánh đồn Bản Pe cứu người già, trẻ con về.

My tủm tỉm cười :

— Bây giờ khỏi sợ rồi. Mai em đi.

Hôm sau, A Phủ và My đi họp đội du kích. Đi đường, A Phủ chợt nhớ, nói chuyện :

— Ở Hồng Ngài cũng thành du kích như ta rồi. Chỉ có bố con thống lý Pá Tra muốn theo Tây, Tây phải lên đánh tháo cho nó về đồn Bản Pe đấy. Bây giờ ở đâu cũng thành du kích.

Lần này nghe nói đến bố con Pá Tra thì My không lo sợ nữa. Mà My nghĩ : « Không biết các chị ở nhà thống lý bây giờ ra sao ? Có theo du kích vào rừng, có thoát được không ? ». My nói với A Phủ ý nghĩ hồi hộp ấy. A Phủ im lặng, A Phủ đương mãi nhìn ra những làng xóm vừa bị đốt cháy.

Vùng Phiêng Sa trước kia, nhà cửa san sát, trâu bò ngựa dê đi vàng cả núi tranh, bây giờ chỉ thấy thấp thoáng người đứng bởi cái bát, cái lưởi cước còn sót trong đám tro đen. Từng đàn quạ lượn trên những vũng máu khô, trên những nơi mà bọn lính đã vút lại những đầu bò, lòng lợn, hũy còn tanh xặc.

Rồi, nửa tháng đã qua vẫn thấy từng đàn quạ nổi nhau lượn tìm mùi tanh trên các đầu núi.

1953

TRUYỆN TÂY BẮC của TÔ HOÀI
NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

In lần thứ bảy 25.050c — Khổ 13 × 19 tại xi nghiệp in Lê-Văn-Tân. Số xuất bản: 15. Xong ngày 30 tháng 5 năm 1971. Gửi lưu chiểu tháng 6 năm 1971

Bìa: TRẦN ĐÌNH THỌ

Giá: 0 đ, 85